

đặc biệt

PHƯƠNG ĐÔNG

★ ★ **GIÁO-DỤC**

GIA-ĐÌNH

NGUYỆT - SAN

THÁNG 9

NĂM 1974

Số

39

Chủ nhiệm, Chủ Bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ

Phó Chủ Bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

Phụ tá Chủ nhiệm : TRẦN QUÝ-THÁI

Đặc Biệt

GIÁO - DỤC GIA-ĐÌNH 2

1. Bên cạnh vấn đề HỒ HỮU TƯỜNG — 171
2. Ảnh hưởng gia đình xưa và nay trong lãnh vực giáo dục (tt)
TOÀN ANH — 177
3. Từ thư Ngũ kinh với vấn đề giáo dục gia đình (tt)
NGUYỄN VĂN THỌ — 183
4. Gia đình và học đường TRẦN THANH THẢO — 189
5. Nhé văn với gia đình DÃ LAN — 196
6. Dưới đèn... quanh bếp lửa BÌNH NGUYỄN LỘC — 200
7. Giáo dục tình cảm và đạo đức nơi con trai con gái
KHUẤT DUY LINH — 205
8. Bài hành ca Bồ tát (thơ) TRẦN HOÀNG VY — 215
9. Thân phận con người qua Sartre, Camus, Malraux, Jaspers
LƯƠNG DANH MÔN — 217
10. Nếu con... (thơ) ANDRÉ MAUROIS — 226
11. Hành hương Tây trúc mới (tt) HOÀNH SƠN HOÀNG SỸ QUÝ — 228
12. Đông y và Nam dược trong việc trị liệu bệnh tiểu đường 233
13. Trả lời bạn đọc góp ý NGUYỄN DUY THU LƯƠNG — 244

TIN TỨC — HỘP THƠ — SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

VIỆT NAM ♥ PHƯƠNG ĐÔNG ♥ THỜI ĐẠI ♥ THẾ GIỚI ♥ ĐẠO GIÁO

BÁO QUÁN : 161, Yên-Đồ, SAIGON 3 — ĐIỆN THOẠI : 21.592 — HỘP THƠ 2094

Nguyệt San PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24. 592

GIÁ BAO

Mỗi số	150đ
Công sở	giả gấp đôi
Một năm	1800đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1700đ
Một năm độc giả ân nhân	3500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 300đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 800đ cước phí đường thủy một năm.

Quý vị nào tìm được 8 độc giả dài hạn xin kính biểu một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790. Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công sở, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân Khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1 trang quảng cáo thân hữu	:	8.000 đ
1/2 trang trong 1 kỳ	:	4.000 đ
1/4 trang trong mỗi kỳ	:	2.500 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu, mỗi kỳ	:	18.000 đ
Trang bìa mặt sau màu, mỗi kỳ	:	12.000 đ

Quản lý :

ĐỖ-THỊ-PHƯƠNG

Thư ký tòa soạn :

LÊ-THÀNH-CHUNG

Xuất bản :

ĐỖ-DUY

Phân phối :

TRẦN-ANH-HÙNG

BÊN CẠNH VẤN ĐỀ

✧ Hồ Hữu Tường

Đề sửa soạn luôn 2 số về *Giáo Dục Gia Đình* và *Liên Hệ Gia Đình Gia Tộc*, nguyệt san *Phương Đông* có gởi thơ đến quý vị cộng tác viên một số đề-mục giúp cho việc chọn đề tài. Sau khi khá lâu suy nghĩ, tôi xin nói bên cạnh vấn đề Bồi tôi thấy vấn đề quá quan trọng. Lập một gia đình ấy là xây khuôn khổ và nếp sống, chẳng những cho mình cùng người ngẫu phối, hoặc trọn đời «bách niên giai lão», hoặc nửa đường gầy gánh; mà còn cho cả nhiều thế hệ của mai sau. Cái ảnh hưởng cho con cái, có lẽ, còn sâu đậm, còn bi đát hơn, nếu xảy ra việc gầy gánh nửa đường (thì trong trường hợp này, kẻ viết bài càng nên thận trọng gấp mấy lần hơn nữa!) Bồi quá thận trọng, mà tôi không dám đem ý kiến thô thiển của mình ra làm mẫu mực. Tôi chỉ xin dẫn chứng nơi hai người xưa, mà tác phẩm đã được hầu như toàn dân ta công nhận.

Người xưa thứ nhất là một thi sĩ, sống vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Thi phẩm của người được phổ cập hơn hết. Ở Đàng ngoài, đến hạng bình dân cũng thuộc nằm lòng. Tôi muốn nói đến Nguyễn Du và thi phẩm *Kim Túy tình từ*.

Bấy lâu nay, tôi nghe giới thiệu tác phẩm này dưới nhiều tên khác biệt. Nào là *Truyện Kiều*, nào là *Kim Vân Kiều*, nào là *Đoạn trường tân thanh*. Những nhan đề này, thú thật, không giúp cho tôi chút tí nào đề gộp mà viết bài này. Chúng nó chỉ gọi trong lòng tôi là nội dung chỉ thuật lại đời của nàng Kiều, hoặc cái duyên kỳ ngộ giữa chàng Kim, với cô em là Túy Vân, rồi luôn cả chị là Túy Kiều, (tức là một cốt chuyện, mà dịch giả của Từ Trần Á cảm đề bằng hai câu thơ lãng mạn sau đây :

Một cây tên bản cả đôi chim

Ngâm thơ với chị, gầy đòn cùng em.

Thì thử hỏi duyên kỳ ngộ ấy có nên nêu lên làm mẫu mực chăng.) ? Hay là, với nhan đề thứ ba, là *Đoạn trường tân thanh*, thì tôi chỉ vờn vờ trong khúc nhạc mới nói lên những nỗi đứt ruột mà thôi !

Riêng tôi cảm ơn một bạn đồng song cũ, là thi sĩ Thuần Phong, đã dày công lặn lội, để tìm lại được và cổ xúy cho chúng ta gọi thi phẩm ấy bằng cái tên mà Tổ Như tiên sanh đã đặt cho con để tinh thần của mình : là *Kim Túy tình từ*. Trước, là tôi đứng trên chỗ nhìn của người tôn trọng

sự trung hậu và chẳng thích những kẻ bóp méo, vo tròn sự thật, để phục vụ cho quan điểm riêng tư của mình. Thứ nữa, và đây mới là điều quan trọng vô cùng, danh xưng *Kim Túy tình từ* đem một ánh sáng mới vào chữ *TÌNH*, một chữ tình mà Nguyễn Du cho là đáng ghi vào :

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.

Trong đời lưu lạc ở chốn phòng trần của nàng Kiều, nàng đã tiếp cận xác thịt với chẳng biết bao nhiêu người, mà biết đâu, mặc dầu lúc ban đầu, nàng chối từ, chống đối lại những lời dạy của mẹ Tú Bà, truyền cho nàng tất cả những xảo thuật của « vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề », thế mà, rồi miễn cưỡng, rồi thành thói quen, rồi thành lão luyện, nàng đã chơi « cho lẩn lóc đá, cho mê mẩn đời » ? Bằng chứng của giả thiết này, là bên phía văn nhân, chàng Thúc đã si đến mức, còn bên võ phái, thì Từ Hải phải lụy bởi sa cơ. Trên là Hồ Tôn Hiến, dưới là Thò Công, ai mà cầm lòng cho đậu với sự quyến rũ của xác thịt ?

Sự quyến rũ của xác thịt này là động cơ kích thích cho cái « dâm ». Cái dâm này, đôi khi, cũng tác động đến cảm tình, mà khiến cho nàng Kiều cũng có lúc tính chuyện « giai lão » với chàng Thúc, với Từ Hải. Nghĩa là cũng có thể dẫn đến cái « tình ». Nhưng mà tình này đến sau cái dâm, và khi dâm vắng bóng, thì tình cũng mất. Nơi đây, tình là phó sản của dâm, hay là một thứ *épiphénomène* của dâm, không có cũng được. Khách mua vui tìm Kiều, cốt để mua cái dâm. Vì dầu chẳng được tình, thì không thể lấy cơ đó được mà bất mãn... Còn được như Thúc Sinh, được như Từ Hải, vốn đi mua heo, mà có được cho thêm gà vịt, thì là cái riêng may...

Thi sĩ đã miêu tả dài dài cái đời thanh lâu của nàng Kiều, không nhằm mục đích « khiêu dâm », như lắm tác phẩm khác. Tố Như tiên sanh vẽ cái dâm, như họa sĩ vẽ mây. Nét càng nhiều, càng phiền tạp, càng rác rưởi, tô càng đậm, càng đen, thì chẳng khác chi giúp cho họa sĩ làm nổi bật vùng trắng sáng rực. Ấy là Tố Như nhằm mục đích làm nổi bật cái « tình » giữa chàng Kim và nàng Kiều. Cái tình này, cái mà tiên sanh muốn đề cao bằng nhan đề *Kim Túy tình từ* của thi phẩm, là một khái niệm tách rời hẳn ngoài cái dâm. Khi chàng và nàng gặp gỡ nhau, thì

Sóng tình dường đã xiêu xiêu,

Xem trong âu yếm có chiều lá lơi.

Như vậy, thi sĩ phân biệt hẳn hai khái niệm, với ranh giới rõ rệt.

Khái niệm trước là tình. Khái niệm sau là dâm. Và ranh giới là chỗ mà thi sĩ định nghĩa bằng triệu chứng «trong âu yếm có lá lơi». Nhưng mà nàng Kiều vội vàng chặn đứng những lượn «sóng tình đường đã xiêu xiêu» ấy và giữ cho nó được thuần nhất, bằng những câu chối từ. Mà tình vẫn là tình, không pha trộn với dâm.

Ở đoạn kết, khi mà Kim Kiều tái ngộ, thì trò ấy lại diễn ra lần thứ hai. Đây giờ chàng Kim ý thức rằng Kiều đã chung tình với mình, một lần nữa, yêu cầu «vượt tuyến», rời địa hạt của tình, mà tính chuyện dâm. Thì một lần nữa, Kiều đã chặn ngăn được sự «vượt tuyến» ấy, với những lời lẽ bên trong cứng cáp, bọc một lớp tế nhị và uyển chuyển vô cùng, có thể đúc kết bằng câu:

Chữ trinh còn một chút này nữa thôi!

Chữ trinh này, toà án và y học Tây phương định nghĩa bằng một tấm màng mỏng, dấu kín trong cơ quan sanh dục của người con gái «còn trinh», và khi nó bị rách đi, là cái bằng chứng hữu hình, vật chất, khoa học, và không chối cãi được của sự «mất trinh». Nhưng mà, đối với thi sĩ ta, chữ «trinh» không định nghĩa như vậy được. Đối với mắt nhìn của Tây phương, nàng Kiều đã «mất trinh» với tên điểm Mã Giám Sinh, khi nó mua nàng với ba trăm lượng bạc, để hưởng nhụy non, trước khi giao hàng cho mụ Tú Bà. Và đối với hạng Tú Bà và Mã Giám Sinh, tức hạng hạ lưu của xã hội phương đông, thì cái «trinh» của nàng Kiều cũng được định nghĩa y như toà án và y học Tây phương vậy.

Nhưng mà nàng Kiều (và Kim Trọng cũng chấp nhận lập luận ấy) mặc dầu trong mười lăm năm lưu lạc đón người cửa trước, đưa người cửa sau, không biết mấy chục ngàn lần ứng dụng «tám nghề» của thần Mây Trắng tùy theo khách mua vui thuộc vào tám phạm trù: trường, đoản, đại, tiểu, cấp, hoãn, tốc, trì, nàng Kiều vẫn cho mình là «còn trinh»; nên nàng mới dám thốt với kẻ chung tình.

Chữ trinh còn một chút này nữa thôi.

Tại sao nàng quan niệm như vậy? Bởi vì nàng nghĩ rằng chữ trinh của nàng là cái đức của cái tình thuần nhất, chẳng lẫn đục bởi cái dâm. Khi mới gặp chàng Kim, nàng đã hiến cho Kim cái tình thuần nhất ấy; rồi bây giờ, sau mười lăm năm nàng bị cái dâm làm cho liễu úa hoa tàn rồi, mà nàng hiến cho Kim cái dâm, ấy là nàng «mất trinh» vậy.

Có lẽ thi sĩ Nguyễn Du chia xẻ quan điểm của nàng Kiều. Vì dầu cái «tâm sự chánh trị» của Tố Như có thể đem ánh sáng của đời Kiều mà

nói sáng chẳng, ví dầu mấy ngàn câu thơ của người có phải là «tiếng nói đứt ruột mới» chẳng, song Nguyễn Du đã đem lại cho chúng ta một định nghĩa rõ rệt, phân minh ranh giới, của chữ *tiên* và nhân đề *Kim Túy tiên* từ nói tóm lại rất xác đáng.



Nói xong chữ *tiên* của Nguyễn Du, tôi xin mượn cái định nghĩa ấy mà nói sang qua một người xưa khác, sống trọn trong thế kỷ XIX mà thi phẩm cũng được phổ biến mạnh ở Đàng trong, chẳng kém chi *Kim Túy tiên* từ được hoan nghênh ở Đàng ngoài. Tôi muốn nói đến thi sĩ Nguyễn Đình Chiểu và thơ *Lục Vân Tiên*

Cụ đồ, khi khởi đầu thi phẩm, đặt nền móng rõ rệt cho một gia đình kiểu mẫu, là gia đình của Lục ông, mà phần «*tiên thiên*» đã giáo dục được có đứa con nều lên làm gương mẫu, là chàng trai họ Lục, Cụ đồ, hạo nhiên viết :

Có người ở quận Đồng Thành

Lục ông chữ đặt phi tiên yển canh

Vợ chồng ăn ở hiền lành

Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền

Bốn câu thơ trên đây, Trương Vĩnh Ký chiết bẻ câu 2 và câu 3, bởi ông cho là vô nghĩa, và khi cho xuất bản thơ *Lục Vân Tiên*, ông thấy rằng câu 1 với chữ *thành* có thể gieo vần với chữ *sanh* của câu 4, mà ít ai thấy sự chiết bẻ của hai câu 2 và 3. Nhưng mà, chính là câu 2 và 3 mới là cái nền móng *tiên thiên* của sự sanh con tốt. Và sự bị Trương Vĩnh Ký chiết bẻ mà bỏ đi, đã gây một phản ứng mạnh trong giới thâm nho ở miền Nam vào lúc đó.

Cụ Đồ Chiểu sanh năm Nhâm Ngọ (1822) ở góc trời Nam, đồng thời với Gregor Johan Mendel (1822 - 1884) ở Áo Đại lợi, một thực vật học gia nổi tiếng và làm giáo sư đại học, người đã đề xướng ra một định luật về di truyền học, mà đến nay, các học sinh trung học khắp thế giới đều phải học..

Cũng năm 1822 ấy, ở Anh quốc, ra đời Francis Galton (1822 — 1911) là một nhà nghiên cứu về sanh vật học, đã tiên minh rất nhiều về di truyền học, về ưu sanh học, đề ứng dụng vào mục đích cải lương loài người, bằng cách lựa chọn sự phối ngẫu, tức là làm thế nào cho sanh con đẻ cháu càng tốt đẹp hơn. Khoa «*thiên chủng học*» hay là «*ưu sinh*

học» (Eugenics), tổng hợp các thứ khoa học, như là di truyền học nói chung luật Mendel nói riêng, đề mà tuyển trạch sự phôi ngẫu. Nói cách khác, tức là dạy kén vợ, kén chồng vậy.

Rất tiếc là cả hai nhà Khoa học Âu châu lại không biết đến thi phạm của người đồng thời của mình là cụ đồ mù Nguyễn-Đình-Chiều. Thơ *Lục Vân Tiên* đem hai lối phối ngẫu, mà đề gần nhau, tức là dùng phương pháp tỷ giáo. Lối phối ngẫu thứ nhất là cái phối ngẫu hạp, giữa Lục-Vân-Tiên và Võ-Thê-Loan, rồi giữa Võ-thê-Loan và Vương-Tử-Trực. Thi sĩ đã phán quyết bằng cách kết tội thứ phôi ngẫu ấy một cách tượng trưng : cạy tha Võ-Thê-Loan mà bỏ vào hang Thương-Tòng... Còn lối phối ngẫu thứ hai là cái phối ngẫu thành, giữa Lục-Vân-Tiên và Kiều-Nguyệt-Nga, lấy căn bản nơi chữ TÌNH của Nguyệt-Nga, một thứ tình hết sức chung thủy, mặc dầu nàng nghĩ lầm rằng chàng đã xuống suối vàng. Và thi sĩ cũng đã phán quyết bằng cách suy tôn lối phối ngẫu ấy một cách tượng trưng : đưa Nguyệt-Nga lên ngôi hoàng hậu, cốt để minh họa câu thơ, nêu ở đầu đề cho các gái «giữ rắn việc trước, lánh dê thân sau» mà luôn luôn lấy phương châm «gái thời tiết hạnh là câu trau mình»



Hai thi sĩ lớn nhất ở Việt-Nam, người trước định nghĩa chữ TÌNH người sau lấy chữ TÌNH mà xây dựng gia đình, gia tộc, và quốc gia, nếu có một thứ « thiện chủng học », ắt đã làm một cuộc cách mạng vĩ đại trong khoa này. Khoa truyền thống học của Âu châu, nếu nói nôm na, ắt là căn bản lý thuyết của câu tục ngữ :

Con vua thì đừng làm vua

Con sãi ở chùa thì quét lá đa

Luật truyền thống của Mendel, cho phép ta «chứng minh» rằng những đức của vị anh hùng đất Lam sơn sẽ di truyền lại cho con cháu (và biện minh cho thuyết chánh trị «cha truyền con nối»), và sẽ tìm lại được ở một... Lê-Chiều-Thống. Suy luận thật xa, truyền thống học là một «khoa học bảo thủ».

Trái lại, vợ chồng Lục ông, trong thơ *Lục Vân Tiên* chỉ ở hạng bình dân rất tầm thường, không có gì đáng cho thi sĩ nói phác qua với một vài nét chấm phá. Nhưng mà chỉ có ba yếu tố : 1.— phi tình y n anh ; 2.— vợ chồng ăn ở hiền lành ; 3.— Tu nhưn tích đức; rồi vợ chồng kẻ thường dân ấy sớm sanh con hiền là *Lục Vân Tiên*. Và cứu cánh của cái «thiện chủng học» của Nguyễn-Đình-Chiều là Vân-Tiên đánh đuổi được giặc Ô Qua

giết người Cốt Đột, đề rồi đến tuyết đỉnh của vinh quang, là được vua nước Sở nhường cho ngôi báu.

Nếu các nhà triết học phân biệt cái *«la chose en soi»* và *«la chose pour nous»* thì định luật Mendel và «thiện chủng học» Âu châu tạo cho hạng bình dân nói riêng, tạo cho dân tộc nhược tiểu nói chung cái tâm trạng buông xuôi theo số phận đã an bài. Còn cố gắng gì nữa đề mà tranh đua với các dân tộc tiền tiến, đã sẵn có cơ thế mạnh, cơ cấu tổ chức tinh xảo, phương tiện dồi dào ? Âu là nhần tùng mà cam chịu thiệt thòi đề chờ ngày mà luật «tự nhiên đào thải» đưa ra ngoài dòng sử !

Nhưng mà «thiện chủng học» của Nguyễn-Đình-Chiều nuôi trong lòng của bình dân nói riêng, cho các dân tộc nhược tiểu nói chung, một niềm tin vĩ đại. Hồ-Phi-Phúc và Nguyễn-Thị-Đồng chắc đã chia xẻ cái niềm tin ấy, nên hai vợ chồng của thôn Phú Lạc, ấp Tây Sơn, đã phi tình yến anh, đã ăn ở hiền lành, đã tu như tích đức, mà trở sanh được ba trai Nhạc, Huệ, Lữ đã làm sáng chói lịch sử của dân tộc Việt Nam một thời. Với quan niệm đó, với tấm gương đó, bất cứ nông dân nào cũng có thể nuôi trong lòng các niềm hy vọng lớn lao rằng con mình sẽ mặc áo vải phất cờ đào, mỗi khi lịch sử của dân tộc đòi hỏi.

Nếu định nghĩa «văn hóa là cái gì làm cho người càng cao quý, đẹp đẽ hơn, cho người trở nên NGƯỜI», thì quan niệm của Nguyễn-Du và Nguyễn-Đình-Chiều về chữ TÌNH rõ ràng là cái văn hóa đó vậy.



Cái quan niệm cao quý của hai thi sĩ ta về chữ tình này bắt buộc thi sĩ phải đề cao cái thuyết «tự do chọn tình». Nàng Kiều cũng như nàng Nguyệt Nga chẳng đợi mai dong dẫn mối, chẳng chờ cha mẹ rả lịnh Hai nàng tự chọn người yêu mà chẳng cần có mai dong nào. Rồi hai nàng đặt cha mẹ ngồi nơi chỗ mà hai nàng muốn. Cái quan niệm «cha mẹ đặt đâu ngồi đó» chỉ dành cho những Túy Vân, dành những phường Thê Loan hai hạng sau này, nếu đề cho họ chọn, ắt không biết làm thế nào. Bởi vì họ chỉ thấy những cái bề ngoài; sự đẹp trai, sự giàu có, sự sang trọng, mà họ chẳng bao giờ thấy cái TÌNH.

Còn nếp sống vật chất mà chúng ta du nhập từ ngoài, với đời sống «hiện dâm» mà chẳng «hiện tinh», với liều thuốc ngừa thai (biết đâu chẳng giết chết một Lục-Vân-Tiên trong khi còn là tinh trùng ?) nếp sống ấy có cho giới trẻ ngày nay cái TÌNH như Nguyễn-Du và Nguyễn-Đình-Chiều đã dạy chăng ?

Ảnh hưởng Gia đình xưa và nay TRONG LÃNH - VỰC GIÁO - DỤC

(Tiếp theo)

✧ Coan Anb

Ảnh hưởng của gia đình trong lãnh vực giáo dục xưa là vậy, gia đình và học đường hỗ trợ nhau trong việc đào tạo đứa trẻ nên người. Người xưa quan niệm, kiến thức là cần, nhưng cần hơn kiến thức là lễ nghĩa đạo đức. Con người có lễ nghĩa đạo đức là con người có liêm sĩ, không bao giờ lừa thày phản bạn, và khi đứng vào địa vị lãnh đạo dù to dù nhỏ, con người này không bao giờ phản dân hại nước. Bên con người đạo đức, có bao nhiêu con người khác, kiến thức thật rộng, tài thật cao nhưng chỉ vì thiếu căn bản đạo đức, họ đã chỉ là một bọn vô liêm sĩ, một bọn phản thày phản bạn, phản dân phản nước.

Đã trình bày về ảnh hưởng gia đình trong lãnh vực giáo dục xưa, chúng tôi không thể không nhắc tới ảnh hưởng của gia đình trong lãnh vực giáo dục ngày nay.

Chúng tôi bắt đầu từ Thai giáo. Thai giáo ngày nay có hay không ?

Để trả lời chúng tôi chỉ nêu lên những dữ kiện :

— Tại những gia đình lao động nghèo khó, chồng làm vợ làm mới đủ ăn, trước ngày sinh một ngày, người vợ còn quần quật làm việc, hoặc gánh một gánh hàng nặng cất sức đi chợ, quên cả rằng chỉ ngày mai mình sẽ sinh. Sống trong hoàn cảnh ấy, liệu có ai nghĩ đến vấn đề thai giáo không ?

Trái lại, tại những gia đình sung túc, hạng người này ngày nay phải nhận rằng chỉ có một số ít. Những gia đình này chồng lo mãi mê theo đuổi sự nghiệp, mãi mê kiếm tiền, một số chỉ kiếm tiền một cách bất chính, còn các bà vợ no cơm ấm cất, sẵn uy thế quyền hành của chồng, sẵn tiền của chồng kiếm ra, các bà phải lo tiêu sài tiền chồng kiếm, lo xúi dục chồng sử dụng quyền hành để làm sang làm bầy, có bà trước giờ sinh vài giờ còn ngồi ở bàn tứ sắc, còn đang xoa mặt chườm ! Ở những gia đình này, không biết có nên đặt vấn đề thai giáo không ?

— Có lẽ ngoài hai hạng gia đình trên, vẫn còn một số gia đình sống trong đạo đức, theo nếp sống cổ truyền hòa hợp với những điều hay thu thập của của những nền văn hóa mới du nhập, nhưng không hiểu điều kiện kinh tế có cho phép họ thực hiện những điều họ muốn không, hay trước hoàn cảnh vật giá gia tăng phi mã, họ còn lo chạy gạo chạy xăng, chạy dầu hôi v.v...

Rồi khi đứa trẻ ra đời, việc giáo dục thơ ấu ngày nay cũng không giống xưa, hoặc có ai muốn giữ như xưa cũng không được.

Trước hết, đối với những gia đình nghèo, đời sống khó khăn, vật giá đắt đỏ, chồng đi làm, vợ đi làm, kiếm ăn chật vật còn thiếu thốn, làm sao người mẹ có thể ở nhà nuôi con và sẵn sàng

con được. Họ cứ vất con đấy, cứ đi làm, để con chỉ năm bảy tuổi trông con em mới sinh hoặc được vài bốn tháng, rồi hoặc buổi trưa, hoặc thỉnh thoảng người mẹ mới chạy về cho con bú, đây là nói những trường hợp người mẹ có thể về được, còn phần đông, mẹ chỉ để mặc chị em mấy đứa con trông nhau, như vậy không xảy ra tai nạn đã là may mắn lắm rồi, còn nói chi đến giáo dục: thơ nhi nữa. Không phải các bậc cha mẹ tầng lớp nghèo khổ không biết đến những tai nạn có thể xảy ra cho con được nhưng vì nghèo đành phải phó thác mặc trời. Ở đây, nếu nói tới ảnh hưởng gia đình đối với việc giáo dục thơ nhi, hẳn ai cũng lấy làm chua xót mà nhận thấy ảnh hưởng nay không tốt đẹp gì.

Ảnh hưởng của gia đình đấy, nhưng chúng ta phải thành thực nhận đây chính là lỗi tại xã hội.

Bên những gia đình nghèo đói này là những gia đình giàu có sung túc. Tất nhiên những gia đình này nhiều ít gì họ cũng nghĩ tới sự học hành của con họ, nhưng họ chỉ nghĩ đến khi họ thấy rằng đứa trẻ có thể đi học được. Họ gửi con họ vào những vườn trẻ, những lớp mẫu giáo có tiếng tăm, những nơi mà tầng lớp trưởng giả, nhất là bọn trưởng giả học làm sang, mới nổi giàu nhờ sự hiện diện của ngoại tộc trên đất nước, đua nhau gửi con tới.

Như vậy, nghĩa là trong thời kỳ trước nước, trong thời kỳ sự săn sóc của người mẹ là cần thiết để tạo ảnh hưởng trên người con không bao giờ họ nghĩ tới vấn đề giáo dục đứa trẻ

như người xưa. Họ nuôi con bằng sữa bò, tranh nhau đi mua chợ đen những loại sữa nổi tiếng là tốt, rồi để trông nom con, họ mượn người làm, mượn sầm. Họ không bao giờ quan tâm tới ảnh hưởng của người làm và ảnh hưởng của sữa bú đối với con họ.

Rồi khi đứa trẻ đi học, họ không theo dõi, phó thác mặc nhà trường hoặc có theo dõi họ cũng chỉ theo dõi về bài học bài làm, nghĩa là về phần kiến thức còn về tâm hồn của đứa trẻ dường như rất ít người để ý tới.

Không có ảnh hưởng của sự êm ái dịu dàng của người mẹ trong vấn đề giáo dục đứa trẻ, và cũng là thiếu cả ảnh hưởng của sự nghiêm khắc của người cha khi đứa trẻ bắt đầu hướng về tội lỗi.

Qua thời kỳ mẫu giáo đến thời kỳ ấu học, sơ học.

Lúc này đứa trẻ học tập hoàn toàn ở học đường, học để mở mang trí tuệ học để trau dồi kiến thức. Nói như vậy, không phải ảnh hưởng gia đình không còn đối với sự giáo dục ấu nhi. Gia đình luôn luôn có ảnh hưởng trên lãnh vực dù bất cứ ở lứa tuổi nào.

Tới đây, chúng tôi xin được phép đề cập tới ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình trong lãnh vực giáo dục. Sở dĩ chúng tôi nhắc tới hoàn cảnh gia đình vì hoàn cảnh gia đình thường liên hệ trực tiếp tới sự học hành của con trẻ, nhất là từ lớp tiểu học trở lên.

Trong phiên họp khoáng đại ngày 25-3-1974 vừa qua, Hội Đồng Văn Hóa

giáo dục đã lên tiếng báo động vì nam nữ học sinh, chỉ vì hoàn cảnh gia đình thiếu thốn trước tình trạng suy sụp về kinh tế của đất nước, trước sự tăng giá vô tội vạ của những nhu yếu phẩm, gạo, dầu, hơi, sữa, ết xăng, kéo theo sự tăng giá của tất cả các phẩm vật khác, đã phải nghỉ học. Các em học trường tư phải nghỉ học vì bố mẹ không có tiền trả tiền học, các em học trường công phải nghỉ học vì không có tiền xe đi tới trường. Một vị linh mục, giám đốc một trung học tư thục lớn, Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục có cho chúng biết, trường của linh mục hiện nay có 70 lớp, nhưng trước sự giảm sút đáng ngại của sĩ số, trong niên khóa tới 1974 — 75, nhà trường sẽ chỉ dám mở 48 lớp thôi.

Riêng về các tỉnh miền Trung nhất là mấy tỉnh cực bắc, số học trò bỏ lớp tại bậc tiểu học, theo sự báo động của Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục lên tới 40%. Tỷ lệ này đã được bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên cải chính, cho đây là một sự hoảng báo, và nói rằng tỷ lệ bỏ lớp tại các tỉnh này chỉ lên tới 25%. Chúng ta cứ chấp nhận con số 25%, và căn cứ vào đây chúng ta thử ước lượng con số học trò phải bỏ lớp vì hoàn cảnh gia đình là bao nhiêu, chúng ta sẽ thấy đây không phải là một con số nhỏ ! Nếu chúng ta tính cứ mỗi gia đình năm người, có hai người lớn và ba trẻ em, con số trẻ em thường nhiều hơn, chúng ta sẽ thấy con số của các em bỏ trường là đáng ngại.

Đây cũng chính là ảnh hưởng của gia đình, gia đình trong hoàn cảnh thiếu thốn, trong lãnh vực giáo dục ngày nay,

nhưng ảnh hưởng tuy của gia đình mà lỗi chính ra là của xã hội.

Không nói gì đến ảnh hưởng đơn tối ấỵ của hoàn cảnh gia đình, với tình trạng thiếu thốn cùng cực của nhiều gia đình, cho rằng các bậc cha mẹ có cố thất lưng buộc bụng cho con ăn học, sự thiếu hụt của gia đình không khỏi ảnh hưởng trực tiếp ngay tới đứa trẻ. Dù nhà trường có dạy những gì tốt đẹp bao nhiêu, về đến nhà, sống trong gia đình thiếu hụt, sự thiếu hụt đã đặt đứa trẻ trước một thực tại phũ phàng. Rồi trong những lúc ngồi chung với cha mẹ, như trong những bữa ăn chẳng hạn, lẽ tất nhiên đứa trẻ phải chú ý tới câu chuyện của cha mẹ, mà những câu chuyện này chỉ xoay quanh sự túng thiếu của cha mẹ, lý do sự túng thiếu. Những câu chuyện ấy, dù bố mẹ không muốn nhưng ngày một ngày hai, dần dần cũng gây trong đầu óc đứa trẻ một ý tưởng căm hờn, ý tưởng này đã gạt bỏ hẳn mọi bài học luân lý tại nhà trường.

Đây là những gia đình nghèo khó, còn những gia đình dư ăn dư mặc thì sao ? Số gia đình này, như chúng tôi đã nói, so với toàn thể dân chúng không nhiều. Những gia đình này với hoàn cảnh xã hội hiện tại kiếm ăn một cách quá dễ dãi, họ kiếm tiền triệu như chơi, trong khi những người khác chật vật kiếm trăm bạc cũng khó.

Có tiền họ phải tiêu, con cái họ phải tiêu. Nếu có đứa trẻ ngoan tiêu tiền của cha mẹ vào việc học hành thì phần lớn những đứa trẻ khác dùng tiền cha mẹ để thỏa mãn thói hư tật xấu, để đua đòi những thú vui ngoại nhập, những thú vui

này hay thì ít, có hại thì nhiều.

Ở đây chúng ta không thể chối cãi được, những sự kiện xảy ra bắt nguồn từ sự thiếu giáo dục gia đình.

Giáo dục gia đình cần thiết, giáo dục gia đình có vững trái, giáo dục học đường mới có kết quả về phương diện đạo đức.

Các bậc làm cha mẹ nhiều khi vì vô tình đã làm hại căn bản đạo đức của các con, nhất là trong những gia đình giàu xôi và đang làm giàu. Một ông bố tham những bàn tính với vợ về cách xoay sở làm tiền. Một ông bố gian thương bàn tính với vợ về cách bóc lột đồng bào qua giá hàng phi mã hoặc thực hiện đầu cơ tích trữ trâng trợn. Những sự bàn tính, những hành động này, khi làm sao không ảnh hưởng tới tinh thần con cái. Chúng phải theo gương bố mẹ chúng. Và kiến thức chúng thu thập được ở học đường sẽ chỉ giúp chúng càng khôn ngoan hơn trong đường lối tham nhũng hoặc gian thương! Bố mẹ ấy, làm sao lương thiện được, rau nào ắt phải sâu ấy, con cái ắt phải giống cha mẹ, phải bắt chước cha mẹ! Khuyên phụ sinh hồ tử xưa nay chỉ là trường hợp thật hiếm hoi!

Trước những thác loạn xâm phạm tới đạo đức, truyền thống học đường bị lung lay, và đã có hồi quá lung lay đến nỗi Tổng Thống phải ra chỉ thị cho Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục nghiên cứu và thảo luận nghị

Tuân hành chỉ thị của Tổng Thống, trong khóa họp khoáng đại bất thường tháng 4 năm 1972, Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục đã nghiên cứu và đã ra một

khuyến nghị đề ngày 15-4-72, trong phần nhận định có những điều đáng kể sau đây:

«— Hội đồng nhận thấy trong những năm gần đây kỷ luật và lễ giáo học đường có nhiều giảm sút trầm trọng. Đó là hậu quả của một tình trạng xã hội nhiều nhưng vô kỷ luật và đời sống vật chất khó khăn của tất cả mọi người. Tình trạng trên sẽ đưa thanh thiếu niên Việt Nam đến một giai đoạn cực kỳ nguy hại, nếu nhưng người có trách nhiệm không sớm có biện pháp đề cải tạo chấn hưng.

Sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật đã khiến cho những giá trị tinh thần xuất phát từ Văn Hóa, Tôn giáo và tâm linh con người không phát triển kịp, do đó tạo nên một khoảng trống cách biệt trong đó mọi giá trị tinh thần hầu như đều bị đảo lộn cũng từ đó, nhân sinh quan của con người đã hoàn toàn thay đổi đề thích nghi với thời đại mới. Tinh thần kỷ luật và lễ giáo trong bối cảnh chung đó cũng đã lần hồi thay đổi.

Kỷ luật học đường, nhất trong các kỳ thi và tại các địa phương, còn bị xáo trộn vì sự can thiệp của những cá nhân có quyền thế dùng bạo lực để bành vực một cách mù quáng quyền lợi thiên cận con em mình.

Các nhà chức trách hành chính tại các địa phương thường lạm dụng quyền thế của họ để trưng dụng giáo chức làm những việc trái hẳn với nhiệm vụ của nhà giáo khiến uy tín ông thầy bị tổn thương và hiệu năng giảng huấn bị giảm sút (chẳng hạn canh gác, làm tạp dịch chung với học trò, phụ giúp các cuộc tiếp tân của Tỉnh trưởng, Quận

trường...) Vì bị đối xử như thế, giáo chức mất uy thế trong xã hội và khó lòng được học sinh và phụ huynh học sinh kính nể.

Tình trạng kinh tế ngày càng khó khăn, thêm vào đó luân lý gia đình đã bị lung lay tận cội rễ vì những trào lưu cá nhân vị kỷ, đã khiến các bậc phụ huynh học sinh phải khoán trang công việc giáo dục con em cho nhà trường và quên hẳn trách nhiệm của mình. Nhưng ngược lại khi có điều gì bất bình thường bên vực con mình quá đáng, khiến nhà giáo nản lòng hoặc ngao ngán trong việc áp dụng kỷ luật và rèn luyện học sinh.

Trên đây là mấy điều trong nhiều điều của phần nhận định khuyến nghị ngày 15-4-72 của Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục.

Những điều nhận định này đã nói lên những điều chúng tôi muốn nói và phản ánh đúng tình trạng suy sụp của truyền thống học đường.

Thứ hỏi làm sao mà còn truyền thống học đường được khi bố mẹ học sinh đến tận trường hành hung thầy giáo khi chính các học sinh cũng quần tam tụ ngũ đề dả thương thầy giáo, khi các ông Tỉnh trưởng, Quận trưởng coi các nam nữ giáo sư như một lũ nam nữ bồi bìn, khi các ông mũ cao súng dài mang súng tới trường thì dùng áp lực đe dọa thầy giáo về bên vực đứa con ngu si lười biếng của mình ! Những sự kiện trên xảy ra ở học đường, nhưng chính do gia đình mang lại, và nếu gia đình có mang lại những điều xấu xa này cho học đường, thì cũng lại lỗi tại xã hội !

Nhắc tới những điều này chúng ta càng thêm chán ! Nhưng may thay những điều đã xảy ra chỉ là những cái bèo, cái bọt nổi trên mặt nước, và chỉ xảy ra ở những đô thị, những nơi mà thú vui ngoại nhập đã từng lan tràn với một quan niệm của nền văn minh kỹ thuật, gạt bỏ đạo đức ra ngoài. Những cái bèo bọt này sẽ bị xúm vì nắng bị ủng vì mưa, và giá trị đạo đức sẽ được bảo toàn, bởi hiện nay nó đang được cần mật bảo vệ ở những nơi xa xôi, ở tỉnh nhỏ, ở nông thôn.

Chính chúng tôi đã được chứng kiến sự bảo vệ căn mật này. Cuối năm 1972, khi qua thăm tỉnh Vĩnh Bình, chúng tôi đã có dịp đi thăm trường tiểu học nơi đây và chúng tôi đã rất cảm động khi được dẫn tới một ngôi miếu thiết lập giữa sân trường, bởi phụ huynh học sinh, nghĩa là bởi gia đình. Ngôi miếu mang danh là miếu Tiền Vãng.

Miếu Tiền Vãng thờ ai ? Xin thưa nơi đây thờ tất cả các thầy giáo các cô giáo đã từng dạy học ở nhà trường và ngày nay đã quá vãng. Người được thờ trong miếu không kể quốc tịch nào Pháp có, Miên có, Việt có, Trung Hoa cũng có và cũng không kể đã theo tôn giáo nào: có Phật giáo, có Thiên Chúa giáo và có các đạo giáo khác nữa.

Miếu do phụ huynh học sinh bảo trì, và gặp những khi tuần tiết sóc vọng đều có cúng lễ.

Ngôi miếu tượng trưng sự biết ơn của phụ huynh học sinh đối với những người đã dạy dỗ con em mình và cũng luôn luôn nhắc cho học sinh phải nhớ

ơn thầy. Những học trò cũ của nhà trường, ngày nay làm nên danh vọng mỗi khi qua trường cũ thường ghé vào nghiêng mình trước bàn thờ các thầy !

Với ngôi miếu này, ai dám bảo truyền thống học đường suy sụp ! Ước mong bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đề ý tới việc này đề tại khắp các nơi khác cũng sẽ có những ngôi miếu Tiễn Vãng tương tự.

Thưa quý vị, không phải chỉ có ở Vĩnh Bình mới có chứng cứ của sự vững chãi của truyền thống học đường. Ngay ở Sài Gòn Gia định đây, chúng tôi cũng lại đã được dịp chứng kiến những hành động tốt đẹp của học trò đối với thầy !

Không biết trong quý vị đã có ai tới viếng thăm trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia định chưa ? Tới đây quý vị sẽ thấy ngay ở giữa sân trường pho tượng của Họa sư Lê Văn Đệ, một họa sĩ vang danh quốc tế và đã hơn một lần làm đẹp mặt nước Việt-Nam qua những họa phẩm của ông. Họa sư sáng lập ra trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định và đã đào tạo không biết bao nhiêu họa sĩ có tài.

Tượng do một nhóm cựu sinh viên của họa sư cùng nhau tự động gom góp tiền tạo nên đề nhắc nhở các thế hệ sau trông thấy tượng này phải biết nhớ ơn thầy.

Bức tượng đã được khánh thành ngày 27 tháng 2 năm 1972, ngày được các sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật mệnh danh là NGÀY NHỚ ÔN THẦY.

Cụ cố Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa Mai Thọ Truyền đã khánh thành bức tượng. Trong bài diễn từ cụ đã nhấn mạnh:

«Rồi đây trong lãnh vực Mỹ Thuật sẽ còn nhiều Họa sĩ tài danh khác, xứng đáng được dựng tượng như Cố Họa sĩ Lê Văn Đệ, nhưng cuộc lễ hôm nay đối với tôi có một ý nghĩa đặc biệt và đã gây cho tôi nhiều xúc động, vì sáng kiến dựng tượng không do cơ quan chính quyền, không do hiệp hội văn hóa mà là do những học trò cũ chủ trương đề tưởng nhớ thầy.»

Thưa quý vị,

Truyền thống học đường trên đất nước chúng ta còn vững lắm, và ảnh hưởng của gia đình trong lãnh vực giáo dục còn tốt đẹp lắm, chính những cựu sinh viên của Họa sư Lê Văn Đệ hiện là những chủ gia đình, nêu gương tốt cho con em.

Đề kết luận buổi nói chuyện hôm nay chúng tôi xin nhắc lại một câu nói nửa trong bài diễn từ của cụ Mai Thọ Truyền : «Trong khi nếp sống tinh thần của dân tộc, nhất là giới trẻ bị lung lay đáng ngại bởi làn sóng duy vật và khói lửa chiến tranh dai dẳng một phần tư thế kỷ, thật không có gì an ủi ta hơn là thấy tình thầy trò thiêng liêng và cao quý được đề cao một cách đầy ý nghĩa khiến cho những ai thiết tha đến tiền đồ của đất nước có thể nở một nụ cười hân diện và có quyền tin tưởng ở sự trường tồn của dân tộc, bất chấp mọi thăng trầm lịch sử, vì lẽ nghĩa liêm sĩ còn là quốc gia còn.»

TÚ THƯ NGŨ KINH với Văn Đề Giáo Dục GIA-ĐÌNH

(Tiếp theo)

✧ Nguyễn oãn Tỏ

TRUNG DUNG VỚI GIA ĐÌNH

Trung Dung cho rằng giữ được cho gia đình êm ấm là bước đầu trên con đường tiến tới hoàn thiện.

Trung Dung viết : ! !

Đạo quân tử như in lỗ thứ,
Muốn đi xa phải tự chớ gần.
Đạo người như cuộc dâng san,
Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân.

Kinh Thi rằng :

Gia đình thế tử vui vầy.

Đàn cầm đàn sắt so dây êm đêm,

Anh em trong ấm ngoài êm,
Thuận hòa vui vẻ dưới trên
xum vầy.

Gia đình như thế hay thay,

Vợ con thảo thuận tháng ngày
yên vui.

Mẹ cha trông xuống thành thời...

(Trung dung Chương XV)

Trung dung cũng như *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* còn cho rằng : Con người, và gia đình, quốc gia xã hội có liên lạc hết sức chặt chẽ với nhau,

Một công dân tốt, thời cũng là một người bạn tốt. Một người bạn tốt, cũng là một người con tốt, một

người con tốt dĩ nhiên là một người có tâm hồn ngay chính, đẹp đẽ. Ngược lại, một người có tâm hồn chềch mác dờ dang, thì không thể là con người tốt, không thể là người bạn tốt. không thể là người công dân tốt.

Trung Dung viết :

« Khi cấp dưới không tròn nhiệm vụ,

Thì cấp trên chẳng đủ tin lòng,
Dưới trên đã chẳng tin lòng,
Làm sao dân nước dám mong
trị bình.

Muốn biết rõ trên tin hay ngán,

Hãy xét xem bè bạn nghĩ sao.
Bạn bè đã chẳng tin nào.

Người trên khi ấy làm sao tin
minh?

Muốn thấu đáo ý tình bè bạn,
Thử xét ta hiểu thuận ra sao.

Mẹ cha còn đối tấm phào,

Bạn bè khi ấy nhẽ nào tin ta ?

Muốn thấu đáo tình nhà tỏ rõ,

1) *Luận Ngữ*, Vi chính, 6

2) *Luận Ngữ*, Vi chính, 7

3) *Luận Ngữ*, Nhan Uyên XII, II)
Luận Ngữ, Đoàn trong Cờn, Trĩ
dức tông thư, tr. 189.

Hãy xét xem ta dở hay hay.

Tâm hồn chềch mác, chẳng ngay,
Làm sao thảo thuận cho đầy phận
con ?

Muốn thấu đáo tâm hồn tốt xấu,
Hãy xét xem hiểu thấu mấy tâm.
Điều lành chưa biết biện phân,
Làm sao có thể thành thân, thành
người ?»

(*Trung Dung* chương XX)

ĐẠI HỌC VỚI GIA ĐÌNH

Đại học đề cao tầm quan trọng
của gia đình đối với quốc gia xã hội.

Đại học viết :

«Nếu trong một nhà mà mọi
người đều nhân hậu, lẫn ra cả nước
đều nhân hậu. Nếu trong một nhà
mà mọi người đều lễ nhượng lẫn ra
cả nước đều lễ nhượng. Một người
mà tham lam, trái ngược, lẫn ra cả
nước đều rối loạn. Cái cơ là như
vậy đó. Bởi đó, người xưa có truyền
lại rằng : «Một lời làm hại cả công
việc, một người làm yên cả nước.»
(Đ.H. 9)

và dĩ nhiên chủ trương chính yếu
của Đại Học là «tu thân, tề gia, trị
quốc, bình thiên hạ...» (Đại học 1)

MẠNH TỬ VỚI GIA ĐÌNH

Mạnh tử bàn nhiều về gia đình.
Chỉ xin ghi lại đoạn sau đây. Mạnh
tử viết :

«Trong Kinh Lễ có dạy rằng :
Khi một người con trai trưởng thành

tức là được hai mươi tuổi, thì thọ
lễ đội mũ. Người cha bèn dạy cho
biết những phận sự của kẻ trưởng
phu... Kẻ trưởng phu ở trong đức
Nhân, là chỗ rộng rãi nhất trong thiên
hạ. Lúc đặc chỉ ra làm quan, thì
chung sức cùng dân, mà thi hành
những đức Nhân, Lễ Nghĩa. Khi
chẳng đặc chỉ, thì ăn dật mà tu thân,
hành đạo. Nếu được giàu có, sang
trọng, thì chẳng hoang dâm, phóng
túng. Gặp khi nghèo khó thì tiết
chăng đời đời tiết tháo. Cho nên
oai thế và võ lực chẳng làm công
vay được chí khí của mình. (Xem
Mạnh Tử, Đảng văn Công chương
cú hạ, tiết 2— Bản dịch Đoàn Trọng
Còn, tr, 185)

«Khi một cô gái đúng tuổi xuất
giá, người mẹ dạy con những phận
sự của người làm vợ. «Khi con về
nhà chồng tức là nhà của con, thì
nên kính nhượng, giữ mình cho vẹn
khéo, đừng có trái ý chồng. Nên đem
nết thuận tòng làm phép chính, đó
là đạo làm vợ» (Xem *Mạnh Tử*,
Đảng văn Công chương cú thượng,
tiết 2)

Chúng ta còn nhớ khi Lê Quý
Đôn đi thi, triều đình đã ra bài
Kính Nghĩa theo ý trên :

«Mày về nhà chồng, phải kính,
phải răn, chớ trái lời chồng» và Lê
Quý Đôn đã làm thành một bài luận
văn bất hủ. Xin trích dẫn một
đoạn như sau :

«Lúc ở nhà nhờ cha nhờ mẹ, về nhà
chồng, nhờ chồng, nhờ con, con nhờ ?

Khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời, chớ bắt chước người đời xô chân lỏ mũi chi lăng nhăng. Nhủ này con, đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng năng, hỏi thì nói, gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho phải lễ. Kính lấy đấy, răn lấy đấy ! Liệu học ăn nói, học gói học mở, khi anh nó có xô xát chi lời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cò con kê chi kè lè:

«Lúc ở nhà, là mẹ con, về nhà chồng là dâu, là con, con rể ! Khôn cho người ta dãi, đại cho người ta thương, chớ bắt chước người thế mặc áo qua đầu chi khùng khinh. Nghe chưa con ? Nghe chưa con ? Ăn có nơi, nằm có chốn, lời ăn nết ở cho ra tuồng, gọi thì dạ bảo thì vâng, thờ mẹ, thờ cha cho phải đạo. Kính vậy thay, răn vậy thay ! Chớ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên cậy tài ; khi anh nó hoặc nổi bằng bằng chi sắc, thì lạy thì van thì lễ phép, đừng học chi những tuồng dĩ thỏa, mà hoặc dây mơ rễ má chi lời thối . . . (Xem Văn Đàn báo dâm Mặc Lâm, Saigon 1968, Q. 1, tr. 194) (1)

TÓNG-LUẬN

Tóm lại, Nho giáo xưa đã coi gia đình như là huấn luyện con người. trong đó mọi người đều có bổn phận giúp nhau trở nên ngay chính, trở nên giỏi giang, trở nên lý tưởng. (1) Nếu theo đúng quan niệm này thì bất kỳ nam hay nữ đều phải cùng có những cơ hội,

những phương tiện đồng đều để tiến hóa như nhau.

Chính vì vậy, mà người xưa quan niệm rằng chẳng cần ra khỏi nhà mà vẫn làm được chính trị một cách hữu hiệu, vì họ cho rằng chính trị chẳng qua là phương thuật giúp cho con người trở nên ngay chính.

Có người hỏi Khổng tử rằng : Sao ngài không ra tham chính ? » Đức Khổng đáp : «Kính Thư có nói về nét hiếu, người có biết chăng ? Kính Thư nói rằng : «Duy kẻ nào hiếu với cha mẹ, thuận với anh em mới thì hành được việc chính trị từ nơi nhà mình.» Đó cũng là làm chính trị rồi. Đợi chi tới làm quan mới ra làm chánh trị.» (Luận Ngữ, Vi Chính, 21)

Nho giáo nói chung, giáo dục gia đình, cá nhân theo Nho giáo nói riêng, cũng như hết mọi vấn đề chính trị xã hội khác đều dựa trên 1 quan niệm căn bản này :

Trong Nhân tâm còn có Thiên tâm (2) (hay Đạo tâm, Thiên lý,

- 1) Nếu những đoạn văn này ra đây, tác giả không có ý cò xúy quan niệm trọng nam, khinh nữ nhưng thực là ước muốn cho người con gái khi về nhà chồng cư xử làm sao cho khéo, cho phải và ước muốn cho các cặp vợ chồng đối với nhau lúc nào cũng «tương kính như tân» (trọng nhau như khách.)
- 2) Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ. Kinh Dịch, Quẻ Phục — Thoán-

Thiên tính, Thiên mệnh, Minh đức, Trung, Di, Tắc v. v. .)

Thiên Tâm là từ ngữ của Kinh Dịch.

Đạo Tâm(3) Trung (4) là từ ngữ của Kinh Thư.

Thiên mệnh là từ ngữ của Trung Dung (5)

Tính (6) là từ ngữ của Trung Dung, Luận ngữ Mạnh tử,

Di, Tắc là từ ngữ của Kinh Thi (6)

Minh đức là từ ngữ của Đại Học (2)

Từ ngữ tuy khác nhau, nhưng chung qui chỉ muốn nói lên một chân lý duy nhất là dưới những lớp hiện tượng tâm tư, còn có Bản thể Trời làm căn cơ chủ chốt.

—Chính vì thế mà Nho giáo chính thống luôn luôn chủ trương TÍNH BẢN THIỆN (3)

—Ban tính Trời ấy là gốc. mọi việc khác thuộc các bình diện tâm tư, tri thức, xác thân, gia đình, quốc gia, xã hội, thiên hạ, đều là tùy thuộc đều là ngọn ngành. Không biết gốc thì làm sao trị được ngọn cho hay?

—Cho nên người quân tử phải học hỏi, mài miết suy tư, để tìm cho ra cái «khôn thiên», cái «gốc trời», tiềm ẩn nơi mình, rồi ra mới có thể chính tâm, thành ý, tề gia trị quốc, bình thiên hạ được. . .

Giáo sư Lê Hữu Mục, trong khi bình giải *Huấn Định Thập điều*

3) Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi, Duy tinh duy nhất, Doãn chấp quyết trung. (Kinh Thư, Đại vũ mô 5) Lòng của Trời siêu vi huyền ảo, Lòng con người diên đảo ngả nghiêng. Tinh ròng chuyên rất ngày đêm Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.)

4) Duy Hoàng Thượng để giáng Trung vụ hạ dân, nhược hữu hằng tính khắc tuy quyết du duy hậu. (Kinh Thư, Thương cáo, 2) (Thượng đế đã ban cho dân lương tri, và chỉ có nhà vua mới nương theo được tính lành ấy của dân mà lập nên được đạo giáo một cách tự nhiên.)

5) Trung Dung chương I.

6) Trung Dung chương I. — Luận ngữ, Ung Dã, 17. — Công Dã Tráng, 12, Dương Hóa 2. Mạnh Tử, Đằng văn Công, Thượng, tiết I. — M.T, Cáo tử chương cú thượng, I, 2v.v..

1) Thiên sinh chương dân, Hữu vật hữu tắc, Dân chi bình di Hiếu thị ý đức. (Kinh Thi, Đại Nhã Đãng, Chương dân, 6— Mạnh Tử Cáo tử chương cú thượng, 6, 8)

Trời sinh ra khắp chúng dân, Vật nào phép nấy, biện phân rành rành

Lòng dân đã sẵn căn lành.

Nên ưa những cái tính thành đẹp tươi.

2) Đại học chi đạo tại minh Minh Đức. (Đại Học I)

của vua Minh Mạng (Thánh Tồ Nhân Hoàng Đế) đã nhận định như sau: «Giáo dục trước hết là giáo dục cá nhân, cho nên một khi công cuộc tu thân đã đào luyện cho con người có những tập quán tốt như bác học, thâm văn, thận tư, minh biện, độc hành (*Trung Dung* XX, 19) một khi cái Minh đức đã tỏa sáng thì trật tự gia đình sẽ chỉnh tề, những hành động thân dân sẽ làm cho nền chính trị quốc gia được ổn cố. Bởi vậy cớ động tinh thần sùng chính học (điều 7 trong *Huấn định thập điều*), vua Thánh Tồ đã xác định: «sở dĩ học là học làm người, cho nên không thể có một người vô học trong thiên hạ, cũng như không thể sống một ngày mà không học... Trăm mong triệu thứ các người tôn sùng chính học, giảng minh nhân luân, đạo Nghiêu thuấn chỉ là hiệu để mà thôi, giáo dục Khổng Mạnh, chủ trương nhân nghĩa trước hết». (*Huấn định thập điều* tr. 36 và các trang 108, 122, 216)

—Vi đã có sẵn mầm mống hoàn thiện nơi mình, cho nên mọi người phải cố gắng triển dương mầm mống hoàn thiện ấy cho tới mức tuyệt hảo.

—Mọi người phải nỗ lực tiến tới mục tiêu cao đại ấy, phải góp phần vào công cuộc đại hóa đại tạo lý của đất trời.

Tất cả triết lý cao đẹp ấy đã được ghi ngay nơi đầu sách *Đại Học*.

Đại học viết:

Đại học, có mục tiêu rõ rệt,

Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.

Dạy dân lối sống tận kỳ, Chưa nơi hoàn thiện, còn đi chưa ngừng.

Có mục tiêu rồi lòng sẽ định, Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan. Hết lo lòng sẽ bình an, Bình an, tâm trí rộng dằng xét suy.

Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn, Thấu sự đời ngành ngọn đầu đuôi.

Trước sau đã rõ khúc nôi, Thế là gần Đạo, gần trời còn chi, Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ

Người xưa lo cải hóa dân mình Trị dân, trước trị gia đình, Gia đình muốn trị sửa mình trước tiên.

Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước.

Sửa tâm hồn, trước cốt ý hay. Ý hay phải học cho dày. Học cho thấu triết mới hay «KHUÔN TRỜI»

Hay KHUÔN TRỜI ắt thời thấu triết.

Thấu triết rồi, ý thiết lòng ngay. Lòng ngay, ta sẽ hóa hay. Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên.

Nhà đã yên, nước liền thịnh trị. Nước trị bình, bốn bề bình an, Từ vua cho tới dân gian

Tu thân một mực lấy làm căn cơ. . .

Suy cho cùng, thì ảnh hưởng Nho giáo vẫn hễ còn nòng đượm trong dân gian Việt Nam, Điều đó được biểu hiện qua câu ca dao :

Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu sửa mình. . .

Nên bàn về phương pháp đạo Nho dùng để trị gia đình, về quan niệm Đạo Nho đối với vấn đề giáo dục gia đình, đến nay cũng chẳng có gì là lạc hậu. Trái lại Nho giáo vẫn có thể dạy cho chúng ta những bài học hết sức là đích đáng, hết sức là hợp thời. Đề kết thúc ước gì mọi người chúng ta :

—Hãy chú trọng đến vấn đề giáo dục gia đình.

—Nếu ở vào địa vị chủ chốt trong gia đình, hãy ăn ở cho ngay chính, đường hoàng. Như vậy mới có thể làm gương cho con cái mới có thể khuyên nhủ con cái đi vào

con đường tu thân, con đường đức hạnh.

—Hãy tâm niệm rằng hiện trạng băng hoại thấy trong xã hội ngày nay là phản ảnh sự băng hoại trong gia đình và ở nơi cá nhân.

—Đừng vội qui trách nhiệm cho chính quyền, mà chúng ta đích thân phải kiểm điểm lại hành vi, tư tưởng tác phong của mỗi người chúng ta, kiểm điểm lại lẽ lối chúng ta khuyên răn dạy bảo con cái. Nếu thấy có những điều chệch mức đo lường, mỗi người chúng ta phải tận tình tu sửa.

Nếu quả tình, mỗi một người trong chúng ta đều quyết tâm tu thân, quyết tâm lo cho gia đình chúng ta được vẹn hảo, lo cho những người thân yêu của chúng ta trở nên ngay chính, thì nước Việt Nam thân yêu của chúng ta hỏi sao mà không văn minh tiến bộ kịp người.

Kẻ viết bài này chỉ chân thành mong ước có bấy nhiêu.

Nhà Thuốc **PHƯƠNG - ĐÔNG**

KHẢO CỨU THỰC NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y - DƯỢC

**THUỐC BỒ NHẬT
VÔ ĐỊCH**

CHINOMOTO

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyệt Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.277

Số KD/BYT/155/958

GIA ĐÌNH VÀ HỌC ĐƯỜNG

✧ Trần Thanh Thảo

Ngày xưa người học trò đi học — dù là học chữ hay học nghề — đối với ông thầy bao giờ cũng tuân phục và kính trọng tuyệt đối. Mục đích việc học vụ nghĩa hơn vụ lợi. Trừ những người có tư chất thông minh đặc biệt không kể, đi học không phải ai cũng mong thi đậu cao làm quan lớn để « nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha. » Ngay cả những người thi đậu nữa, không phải ai cũng nhắm vào mục đích làm quan. Thi đậu cao làm quan to được dân chúng ngưỡng mộ đã đành, nhưng thi đậu cao mà thông xuất chính lại còn được dân chúng ngưỡng mộ nhiều hơn nữa. Dường như giữa tiền bạc quyền thế và danh dự có một sự tỉ lệ nghịch. Nên chỉ người học trò đi học phần đông cố để kiếm rằm ba chữ ở ở sao cho hợp với đạo thánh hiền, đọc cho thông bài ăn tử hay văn khấn trong những ngày cúng tế ông bà tổ tiên cho khỏi lỗi đạo làm con, làm cháu.

Đối với ông thầy luân lý nho giáo còn đặt lên trên cả vị bậc sinh thành. Cha mẹ tuy có công sinh dưỡng, nhưng đào luyện tính khí của đứa trẻ, giáo dục đứa trẻ cho nên người: sự thành công hay thất bại của đứa trẻ hoàn toàn là do nơi ông thầy. Cho nên người xưa mới nói « Quân Sư Phụ » trên là vua, rồi đến thầy, sau mới đến cha, Ngạn ngữ cũng dạy rằng : « nhất tự vi sư, bán tự vi sư » (1) « kính thầy mới được làm thầy » và « không thầy đố mày làm nên ». Học trò kính trọng ông thầy là do cha mẹ nêu

gương trước vì rằng:

*Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy*

Tuy nhiên không phải ông thầy nào cũng đáng trọng, Những ông thầy kém khả năng chuyên môn, thiếu tư cách và đạo đức không được hưởng sự tôn vinh đó. Trong dân gian, những câu chuyện truyền khẩu được sáng tác để chế giễu những ông thầy bất xứng đó không phải là hiếm. Thí dụ như chuyện ông thầy đốt dạy học trò bói là cây bít, phạm huân mông là ông Phàm, ông Huấn ông Mông (2). Một ông thầy khác dạy học trò tới tam đại con gì (3). Lại một ông khác mang biệt danh là ông đồ khòm (4) chỉ vì gia chủ không ra gì và cũng bởi vì ông chưa xứng đáng là bậc đạo đức mô phạm. Người dân Việt nam kính trọng ông thầy thật đấy, nhưng đừng có ai dựa vào sự tôn kính đó để thánh hóa một cách quá đáng những bậc mô phạm. Đến lúc đó thì người ta lại tìm cách đưa ông thầy trở về vị trí con người với đầy đủ thất tình lục dục. Nào là:

*Tam hoàng, Ngũ đế chi thư
Có anh nhớ vợ ngồi thừ mặt ra*

hay;

*Tam hoàng, Ngũ đế chi thư
Thầy ngồi thầy đề củ từ thầy ra*

hay;

*Văn chương chữ nghĩa bề bề
Thần!... ánh sáng cũng mờ
mờn đời.*

Trái lại những bậc mô phạm chân chính bao giờ cũng được kính trọng đặc biệt. Như trường hợp Chu văn An chẳng hạn. Ông Không Tử Việt Nam này đã dạy biết bao học trò thành đạt. Nhiều người làm đến Thượng thư Tể tướng mà khi trở về trường cũ thăm thầy vẫn giữ lễ như khi còn cấp sách theo học. Được lời thầy giảng dạy thì lấy làm sung sướng. Làm điều gì làm lỗi thầy cũng quát mắng đuổi ra chứ không phải học trò làm quan to trong triều đình mà vị nể. Trong bọn học trò có cả loài dị chủng. Vậy mà cụ Chu văn An không hề bị hiềm vẫn đem nghĩa lý sách vở của thánh hiền ra truyền giảng. Đến khi trời làm đại hạn, thấy dân chúng mất mùa đói khổ, cụ Chu văn An sai hai người học trò kia đi làm mưa để cứu dân. Bị thượng đế phong toà cả sông hồ không lấy đâu ra nước để làm mưa, nhưng lệnh thầy đâu dám trái, hai người học trò đã lấy nước trong giếng khơi để làm mưa. Mưa đổ xuống như trút nhưng hai người học trò, vì trái lệnh Trời nên đã bị xử tử. Trận mưa vừa tan, thì người ta thấy trên trời rơi xuống hai cái xác thường luồng, cụ Chu văn An cho thu dọn đi thể này đem chôn ở ngoài đống. Chỗ đó nay vẫn còn và dân chúng mệnh danh là Mả thường luồng. Gặp triều thần lộng hành, cụ Chu văn An đã làm sớ dâng lên xin chém đầu 17 người quyền thần. Vua không chuẩn tấu. Lập tức cụ Chu văn An cáo quan lui về để hành nghề giáo dục. Khi nhà

vua triệu cụ ra đề tấn phong làm tướng, cụ chối từ nhà vua toan cố ép, thì bà Hiếu Từ Thái hậu can nói:

— Người ấy là bậc cao hiền, Thiệu tử bắt người ta làm tôi thế nào được! Tuy vậy gặp những việc quân quốc trọng đại, nhà vua cho vời cụ vào kinh bàn thảo, cụ không từ chối. Nhà vua ban cho mũ áo. Cụ nhận nhưng lại đem tặng lại cho người khác. Tự thoắt ra khỏi vòng cương toà, cụ Chu văn An vui cùng cảnh trí thiên nhiên lấy thảo mộc hoa điều, sơn thủy làm bạn. Khi cụ qua đời, vua sai quan về tế, ban tên thụy là Văn trinh Công, tước hiệu là Khang tiết tiên sinh. Lại cho người tòng tự ở Văn miếu ngang hàng với các bậc tiên nho (5). Ngoài cụ Chu văn An, còn biết bao bậc thánh mô hiền-phạm khác sống ẩn danh sau những lũy tre xanh đề « phật thế giáo một vài câu thanh nghị » (6). Những bậc thầy đó thường được dân làng coi như tấm gương để trông vào đó mà noi theo, hay sửa mình. Có việc tranh tụng, dân làng nhiều khi không mang nhau lên công đường nhờ quan xét xử mà kéo nhau tới thầy học để nhờ phân giải. Chọn giờ tốt cất nóc nhà, phân kim cái cát một ngôi mộ, lựa giờ tốt, so đôi tuổi để cử hành hôn lễ, xin một đôi câu đối hiếu hỷ, dân làng bao giờ cũng kiếm coi trầu chai rượu, một vài quan tiền tới nhờ ông thầy. Ông thầy quả thật là cái túi khôn của dân làng.

Ủy quyền của ông thầy cũng thật là lớn. Học trò dù thi đậu cao làm quan to, nhưng trong cách xử thế có những điều đại nghịch bất đạo, thì ông thầy với tư cách là thầy dạy có quyền và có bổn phận dâng sớ lên triều đình

trần thuật rõ nội vụ và xin triều đình thu hồi cờ biên bằng sắc của anh học trò bất nghĩa vô đạo kia. Sự liên hệ giữa thầy và trò thật là trọn vẹn. Nếu may mắn tác thành được một người học trò hưởng phần vua lộc nước, ông thầy cũng được chung hưởng cái vinh dự cùng với học trò. Khi rước vinh quy bái tổ, ngoài vống của cha mẹ, của vợ còn có cả vống của ông thầy trong cái đám rước nhiều màu sắc và rộn rã tiếng cười đó nữa. Nếu chẳng may, người học trò đi thi làm bài phạm húy hay sau này làm những chuyện phản nghịch chống lại triều đình, thì ông thầy có khi cũng bị vạ lây. Đọc Nhà nho độc giả hẳn nhớ chuyện ông Hoàng giáp Tâm trong lúc cư tang đã bắt đặc đi ra khỏi nhà, qua làng bên, bắt một ông Nghè Tiến năm xuống dết cho ba roi chỉ vì ông Nghè này đã tham phú phụ bần, đã toan bỏ người vợ tằm cẩm đi để kết hôn với con gái một ông Thượng nào đó. Đành rằng câu chuyện trên chỉ là chuyện trong tiểu thuyết, nhưng không phải là không có thật ở ngoài đời. Lý trần Quán giận anh học trò bất nghĩa vô đạo, bắt chúa Trịnh nạp cho quân Tây Sơn đã tự mình năm vào trong quan tài rồi bắt người nhà đem mình đi chôn sống là một thí dụ khác nói lên sự liên hệ mật thiết giữa thầy và trò trong xã hội xưa. Sự liên lạc rất chặt chẽ giữa gia đình và ông thầy, sự tôn kính mà gia đình dành cho ông thầy đã khiến cho đám học trò càng tôn phục và kính nể ông thầy hơn. Trong gia đình, gặp những ngày giỗ ngày tết, bao giờ người ta cũng mời ông thầy đồ tới uống chén rượu nhạt cùng gia chủ. Ông thầy hiểu rõ từng

gia đình hiểu rõ tâm tính tư chất từng đứa trẻ cho nên phương pháp giảng dạy thay đổi theo từng đối tượng. Chẳng những học trò sợ thầy đã đành, mà ngay cả những đứa trẻ đồng trang lứa cho dù không thụ giáo cũng sợ ông thầy một phép.

Ngày nay uy tín và quyền hành ông thầy đối với học trò không còn được một phần nhỏ nhoi như thời xưa. Lớp học quá đông đảo, thầy không biết mặt học trò và cũng chẳng nhớ tên học trò. Thầy dạy chỉ truyền thụ một mớ kiến thức chuyên môn cho học trò, nên tình thầy trò rất nhạt nhẽo và lỏng lẻo. Đã thế nhiều ông thầy tuổi tác lại chẳng hơn học trò bao nhiêu nhất là cả về phương diện đạo đức tư cách nữa. Dạy học trước kia là một sứ mạng thiêng liêng và cao cả thì nay chỉ còn là một kế mưu sinh không hơn không kém. Đã thế lại còn không biết bao nhiêu bậc thầy bạo gan tuyên bố: «Hãy làm điều tôi nói chứ đừng bắt chước việc tôi làm»

Người ta coi việc dạy học là một dịch vụ như trăm ngàn dịch vụ khác. Người học trò đi học phải trả tiền học cũng như tiền mướn người làm giúp cho mình một dịch vụ. Ông thầy nhận tiền của học trò vì đã làm cho anh học trò kia xong một dịch vụ. Và ông có quyền nhận tiền trả công cho dịch vụ đó. Tiền có trao thì mới được mức chữ. Tiền học phí hậu học vẫn là thế. Tuy nhiên, không phải ông thầy nào ngày nay cũng vậy, không phải người học trò nào ngày nay đối với thầy cũng như vậy. Trò kính kính trọng thầy tuy nhiều, nhưng so với

mấy triệu học sinh sinh viên hiện tại thì tỉ lệ chẳng đáng bao nhiêu. Học trò ngày nay tuy thế vẫn biết kính trọng những bậc thầy thực tâm giáo dục, thực tâm dạy dỗ mình. Truy nguyên sự bất kính của học trò ngày nay đối với ông thầy, ta thấy một phần là do ở sự biến cải của xã hội, một phần là do sự thiếu liên lạc giữa gia đình và học đường, sự thiếu sót bên phần đối với con cái của các bậc làm cha mẹ.

Xã hội hiện tại không phải là một xã hội khép kín và thiên về nông nghiệp. Cơ cấu xã hội, tổ chức xã hội, bậc thang giá trị của xã hội không còn như xưa. Người ta dùng tiền bạc làm thước đo giá trị con người. Quyền hành không không phải nằm trong tay những người có tài đức. Lễ sống hiện tại là sức mạnh là bạo lực. Lý lẽ của sức mạnh bao giờ cũng hay hơn hết. Có một câu tục ngữ thời thượng đáng làm cho những bậc thức giả quan tâm. Đó là câu «Nhân bất học bất tri lý» giờ đây đã được thêm vào «Nhỏ không học lớn làm Đại úy». Cái tiêu chuẩn giá trị đã bị thay đổi thì còn nói gì tới chuyện học hành cho đàng hoàng. Học giỏi bây giờ dễ đi làm gì? Đi lính, làm công chức với số lương ba cọc ba đồng, tiền lương chưa được mười ngày đã hết veo. Một sinh viên du học mỗi tháng ở ngoại quốc tiêu xài sẵn riêng về tiền ăn ở (chưa kể tiền học, tiền quần áo) bây giờ mỗi tháng tối thiểu tốn hết cả trăm ngàn đồng. Tốt nghiệp rồi về xứ đã được lãnh số lương chỉ bằng một phần ba số tiền chi phí trong khi còn đang đi học. Thật không có một sự đầu tư nào phi lý hơn. Trong khi đó, những người không cần học nhiều nhờ thời

thế, nhờ may mắn, nhờ phe đảng, nhờ nịnh bợ chiếm được những chỗ ngồi tốt, thế là tha hồ ngồi mát ăn bát vàng.

Cuộc sống mỗi ngày một thêm khó khăn và vất vả bởi mỗi ngày người ta càng có thêm nhiều nhu cầu — kể cả những nhu cầu vô ích và không cần thiết — bởi lòng ham muốn của con người không có giới hạn, nên con người hừng hực lao đầu vào cuộc tranh sống. Các bậc làm cha mẹ do vậy không còn thì giờ để ý tới việc học hành của con cái. Thậm chí Thông tin bạ. Phiếu diềm hàng tháng, Thành tích biểu con cái đưa về cho cha mẹ ký thì cha mẹ cũng nhắm mắt ký đại chứ ít khi xem lại xem sự học hành của con cái tới đâu, có tiến hay thoái, khá về môn gì, kém về môn gì. Trao số tiền học cho con mang đi đóng hàng tháng các bậc phụ huynh đó tưởng rằng như vậy là đã làm tròn trách nhiệm của mình. Sự thật dân có đơn giản như vậy. Lễ ra chính các bậc phụ huynh hàng tháng phải liên lạc với nhà trường hỏi thăm những người có trách nhiệm xem sự học hành của con mình ra sao — nếu con học trường công lập. Trong trường hợp con học tại trường tư thục cha mẹ phải tự mình mang học phí đi đóng cho con. Giao tiền cho con đi đóng học phí, dựa trẻ tự nhiên có một ý nghĩ không mấy tốt đẹp về nhà trường, về các thầy. Chuyện tuy nhỏ nhưng có tầm quan trọng lớn mà ít người để ý.

Một số phụ huynh khác ngay trước mặt con cái đã có những ngón tay không mấy tốt đẹp đối với thầy cô dạy con mình. Cha mẹ đã nêu gương xấu cho con thì khi con cái có cử chỉ ngón

ngư bất kính đối với ông thầy tướng cũng là một sự tự nhiên. Phụ huynh mà chê thầy dốt, thầy dạy dở, dạy sai hay dùng những đại danh từ bất kính để gọi người có trách nhiệm dạy dỗ con em mình thì bất con em mình kính trọng thầy cô sao được. Mặt khác sự sa đọa, sự suy sụp trong đời sống tinh thần của các gia đình hiện tại cũng ảnh hưởng không ít tới việc giáo dục nơi học đường. Cuộc sống ngày càng khó khăn. Các bậc làm cha mẹ phải vất vả và tranh tống nên ít có thì giờ săn sóc con cái. Không những thế thời buổi này người ta chú trọng tới sự hưởng thụ vật chất. Cái thú tinh thần được làm cha làm mẹ ít có người coi trọng. Người cha trong gia đình bận áp pho, người mẹ bận lo đậu chén, việc gia đình giao phó người ăn người làm, con cái đã có cậu giáo hay cô giáo trả lương tháng của gia đình lo săn sóc bài vở. Ai có đời sống của người nầy. Đối với nhiều người gia đình chẳng qua chỉ là quán trọ. Như vậy mà bảo cha mẹ dè dặt tới sự biến chuyển về tâm lý nơi trẻ em, chú trọng tới sự phát triển hay thay đổi về thể chất của chúng quả là một sự viễn vông. Gia đình khoán trắng việc giáo dục trẻ em cho nhà trường, nhà trường thì cho rằng trẻ em tới trường chỉ có 4 giờ một ngày trong khi chúng có tới 20 giờ để sống trong gia đình và tiếp xúc với xã hội. Trẻ mà có hư hỏng lỗi đó không phải ở nhà trường. Lỗi đó phần lớn là do nơi gia đình thiếu săn sóc, thiếu sự hợp tác với học đường. Lỗi đó còn do nơi xã hội nữa. Bậc thang giá trị xã hội đổi thay. Người có học ở xã hội hiện tại điển hình là giới công chức sống cơ khổ như thế mà

bảo học sinh cố gắng chăm chỉ học hành cho thành đạt để sống như họ là một sự phi lý.

Xã hội đã không trưng lên được một tấm gương nào xứng đáng để học sinh lấy làm thần tượng, đã thế nhiều người thành danh hay thành công ở xã hội hiện tại không do nơi tư đức hay công đức gì mà chỉ nhờ nơi mưu trí thủ đoạn, thì tự nhiên gia đình hay học đường có dạy bảo cách mấy cũng chẳng hiệu nghiệm gì. Có người hỏi Napoléon:

Tâu Hoàng thượng, giáo dục đứa trẻ vào tuổi nào thích hợp nhất?

Napoléon trả lời:

Phải giáo dục nó hai mươi năm trước khi nó ra đời.

Ông vua anh hùng và thông minh có ý muốn nói là phải lo giáo dục các bậc phụ huynh trước để họ có thể ý thức được trách nhiệm của họ trước đã. Cha mẹ mà không ra cha mẹ thì làm sao có thể dạy dỗ con cái cho nên người được. Sinh một đứa con là phải chuẩn bị từ tinh thần tới thể xác, khí người mẹ có thai phải lo giữ gìn từng ly từng tý như lời Nguyễn Trãi đã dạy trong gia huấn ca:

Khi thai sản trong phòng gìn giữ
 Học cổ nhân huấn từ trong thai.
 Dâm thanh (7) chớ để vào tai.
 Ác ngôn chớ chút bợn lời sam sưa.
 Từ xuất nhập khởi cư hành động (8)
 Có lễ nghi nghiêm trọng đoan trinh,
 Đứng ngồi chính đại quang minh
 Cho bằng phẳng thể chớ chênh lệch mình.

Chớ vin cao cũng đừng mang nặng

Đừng ăn đồ cay đắng cạnh riêu,

Đừng ăn ít, chớ ăn nhiều,

Nuôi từ trong dạ khỏi cần lo xa.

Cờ nhân quả đã có lý khi khuyên người sản phự không được ngồi trên chiếc chiếu trải không được ngay, ăn một miếng thịt cắt không được vuông sợ có ảnh hưởng không tốt tới tính hạnh của đứa con sau này. Có như vậy mới hy vọng sinh con thông minh tài tuấn hay ít ra cũng là những đứa con hiếu thảo không làm điều gì xằng bậy có hại cho danh dự gia đình. Sống một đời sống quá thiên về vật chất, ích kỷ chỉ nghĩ tới mình mà không nghĩ tới người, coi con cái như một tai nạn, tình thương không có, mà cả đến những cái gọi là đức hy sinh, tinh thần trách nhiệm cũng không thì thử hỏi học đường làm sao giáo dục đứa trẻ cho nên người được. Chớ họ là từ gia đình mà con trẻ học những bài học đầu tiên về sự thương yêu, về lòng nhân đạo, về sự hy sinh, về đức công bằng, về tinh thần đoàn kết đề sau này lớn lên, học đường và xã hội sẽ triển khai những đức tính đó hầu có thể khiến đứa trẻ trở nên những phần tử tốt nơi học đường, những công dân tốt trong quốc gia và những phần tử tốt trong cộng đồng nhân loại. Cái cộng đồng bé nhỏ đầu tiên đã không giúp gì vào việc giáo dục đứa trẻ thì trách sao sau này đứa trẻ chẳng giúp ích gì cho những cộng đồng lớn hơn.

Giáo dục gia đình là một điều cần thiết, là căn bản trong việc đào luyện

đứa trẻ. Chỉ chú trọng cho đứa trẻ đi học ở nhà trường trao đổi một mô thức thức chuyên môn mà không nghĩ tới việc dạy dỗ đứa trẻ sống sao cho xứng đáng làm người có nhân cách biết trọng danh dự tức là chỉ lo trao cho đứa trẻ một phương tiện để mưu sinh trong cái thế giới trọng vật chất coi nhẹ tinh thần này. Và như vậy tức là bỏ cái gốc mà lo chỉ lo cái ngọn vậy.

(1) học một chữ cũng là thầy, học nửa chữ cũng thầy

(2) Một ông thầy đồ dốt dạy học trò đến chữ bôi (杯) là cái chén uống rượu, thấy một bên là mộc (木) là cây một bên là chữ bất (不), thầy ta bèn dạy đại học trò chữ đó là chữ bất nghĩa là cây bất. Hỏi cây bất trồng ở đâu thì thầy bảo trồng ở ngoài biên Đông. Một bữa khác, thầy dạy học trò tới câu «Phàm huấn môn» trong Tam tự kinh có nghĩa là «Phàm nói tới việc dạy dỗ» nhưng thầy quên nghĩa sách nên dạy học trò rằng «Phàm huấn môn» là ông Phàm ông Huấn ông Môn. Láng giềng có cô gái cũng theo dõi nghiên bút thấy ông đồ dốt chịu không nổi, nằm vông ru em rằng:

At trồng cây bất biên Đông

Hay là ông Huấn, ông Môn, ông Phàm

(3) Một thầy đồ khác dạy học trò đến chữ kê là con gà, nhưng thầy không biết, nên bảo đại học trò đó là chữ rừ rì. Không chắc lắm, thầy dặn học trò đọc nhỏ thôi : rừ rì là con rừ rì. Tối hôm đó thầy khấn thổ địa và gieo tiền để bói. Thấy một đồng một sấp cồng ngựa, thầy yên tâm sáng hôm sau bảo học trò cứ đọc lớn

rủ rí là con rừ rí». Bó đưa trẻ ngồi uống nước thấy lạ bèn hỏi. Thầy tuy dốt nhưng được cái ứng biến nhanh đã vênh mặt trả lời :

Thế thì ông chủ biết một mà không biết hai, tôi dạy cháu đây tới tam đại con gà lận. Ông chủ chẳng nghe người ta vẫn thường nói :

Rủ rí là chỉ con công

Con công là ông con gà đó sao

(4) Một nhà nợ mượn thầy dạy học. Đòi bên giao ước với nhau rằng cuối năm ngoài số lương tiền, nhà chủ còn phải may cho thầy một cái áo the để thầy mặc Tết. Nhà chủ keo kiệt

muốn dờ tốn vải nên trong khi thợ may lấy thước đo thầy đã cho con gái đứng sau màn tổng tình để thầy dờ phải khò người xuống. Vì vậy ông thầy đó mới mang danh xưng là thầy dờ khò.

(5) Tang thương ngẫu lục. Phạm đình Hồ và Nguyễn Ái, Bộ Quốc gia giáo dục x. b trang 109

(6) Giúp vào việc giáo dục người đời bằng những lời phê bình (Kẻ sĩ, Nguyễn công Trứ)

(7) Những lời nói và thanh âm dân đang không đoan chính

(8) Ra vào, đứng ngồi, Làm việc.



HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

✱ THƠM NGON NGỌT

✱ BỒ HUYẾT, BỒ GAN

✱ DA DẼ HỒNG HÀO

TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mua sỉ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty — 601 — Lê Văn Duyệt Saigon

NHÀ VĂN VỚI GIA ĐÌNH

✧ Dá Lan

Mới nhìn qua tựa đề trên đây chắc các độc giả quen thuộc của PHƯƠNG-ĐÔNG phải lấy làm thắc mắc, tự hỏi «Ủa» tác giả nói chi mà lạ vậy ? Chớ chỉ các nhà văn nhà thơ mới có gia đình, còn các người khác thì sao?

Chúng tôi xin thưa ngay rằng: Đúng ra là hết thảy mọi người ai cũng phải có gia đình thân thuộc, nhưng «GIA-ĐÌNH» mà chúng tôi nêu ra trong bài chỉ đề cập riêng các nhà văn nhà thơ mà thôi. Là vì, trong lãnh vực văn hóa, thân thể và gia đình của các nhà văn có một tầm mức vô cùng quan hệ, không những nó quan hệ trực tiếp đến con cháu họ, mà nó còn liên quan nhiều tới văn học sử Việt-Nam nữa.

Như ta đã biết, hết thảy muôn vật trong trời đất, từ vật vô hình tới vật hữu hình, từ vật vô tri vô giác như khoáng chất, cỏ cây... cho tới những sinh vật biết cảm xúc như con người, cầm thú v.v... tất cả đều có NGUỒN-GỐC VÀ LAI-LỊCH. Mà riêng với con người, đặc biệt là các văn thi gia, thì tông tích và thân thế của họ lại càng quan trọng gấp bội đối với văn học sử, công cuộc sáng tác của họ ảnh hưởng tới muôn đời.

Tuy nhiên, nếu ta có dịp đọc tiểu sử của một số văn thi hào từ nhiều thế kỷ trước thì ta phải thất vọng và mới nhận thấy công việc khó khăn của người đi sau khi muốn tìm hiểu về thân thế và lai lịch của họ, vì phần lớn các nhà

văn nhà thơ này không để lại một chút vết tích gì. Do đó, trong công cuộc sưu tầm khảo cứu để tìm hiểu về TÔNG-TÍCH, THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP CỦA NHÀ VĂN, nói nôm nôm tức là PHẦN PHỒ-TRẠNG CỦA NHÀ VĂN thì người đời sau phải mất bao ngày giờ năm tháng để lục tìm tra cứu thân thế của một nhà văn. Không nói tới các văn thi hào đã cách xa chúng ta hàng năm mươi thế kỷ, chỉ riêng lớp nhà văn thời tiền chiến là những người đồng thời với chúng ta, không cách xa chúng ta bao nhiêu mà tới nay thân thế, tông tích của họ vẫn còn mờ mịt như bóng đêm.

Thật ra phải nói rằng, hầu hết các tác phẩm nói về các nhà văn nhà thơ, từ cuốn «NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI» của Vũ ngọc Phan, cuốn «VĂN-ĐÀN BẢO GIẢM» của Trần trung Viên, cho đến những cuốn gần đây nhất như «MƯỜI KHUÔN MẶT NỮ» của Uyên Thao, «PHẠM-DUY NỖI BUỒN» của Tạ Tỵ, «NHỮNG TRUYỆN NGẮN HAY NHẤT CỦA QUÊ HƯƠNG CHÚNG TA»... người ta không hề được biết qua một chút tình tiết nào về tông tích của các nhà văn (!) Điều này thật dễ hiểu : khi viết về một tác phẩm hay một tác giả, người viết thường chú trọng nhiều tới sự nghiệp văn chương của tác giả hơn là phần tiểu sử, nhất là phần tông tích, gốc gác, thân thế... thì ít khi được chú ý tới, vì người viết luôn luôn đặt nặng vấn đề văn

chương lên trên hết. Việc đó cũng không có gì đáng phàn nàn, và nếu có chăng thì cũng chỉ là «Điều gây khó» cho một thiêu số sử gia mà thôi; còn về phần các con cháu thừa kế của nhà văn, nếu chúng không biết thì ráng mà chịu, chứ còn biết trách ai? Điều này đã được chứng minh một cách cụ thể qua LÊ-QUÝ-ĐÓN, ĐOÀN-THỊ-ĐIỀM, PHẠM-THÁI, BÀ HUYỆN-THANH QUAN, HỒ XUÂN-HƯƠNG v.v... và gần đây nhất là trường hợp nhà văn KHÁI-HUNG và sử gia TRẦN-TRỌNG-KIM.

Về KHÁI-HUNG, các con cháu của ông sau này nếu có được đọc đến tiểu sử của ông thì cũng chỉ biết tổng tích ông cha mình một cách lơ mờ qua mấy dòng sơ sài: «... KHÁI-HUNG chết năm 1947 ở bến đò Cựa Gà huyện Xuân trường Nam định (2). Như vậy, công việc truy cứu sau này đối với các nhà chép văn học sử thật khó khăn gấp bội và việc có truy cứu được hay không thì chỉ còn biết trông vào may rủi! Đó là KHÁI-HUNG. Còn trường hợp sử gia TRẦN-TRỌNG-KIM, Nếu chúng tôi nhớ không lầm thì trong một số «Văn-Học» mới ấn hành gần đây, khi viết về thân thế và sự nghiệp của ông, tác giả bài báo viết: Về thân thế của nhà học giả TRẦN-TRỌNG-KIM, hiện không có sách báo nào viết rõ ông sinh ngày tháng nào và chỉ ghi vắn tắt như sau: TRẦN-TRỌNG-KIM hiệu LÊ-THẦN, người làng Hữu Lĩnh, xã Đan phồ huyện Nghi xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Trung phần) sinh trong một gia đình nho học... Sự thiếu sót đó không phải là không bỏ khuyết được, vì người ta được biết bà TRẦN-

TRỌNG-KIM và người cháu ruột của ông hiện thời đang sống ở Sài Gòn. Dẫu sao thì cũng chỉ mới là một khuyết điểm nhỏ còn có thể nhất thời bỏ cứu được, song còn có biết bao nhiêu trường hợp khác thì các nhà chép văn học sử mai sau biết tính sao đây?

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, là khảo cứu về một tác phẩm hay một tác giả, người viết chỉ đề ý phần văn nghiệp mà bỏ qua mọi chi tiết khác: tổng tích, gia cảnh, vợ con... vì phần đông người viết—nếu không muốn nói là tất cả—cho rằng đó là những điều không quan hệ; hơn nữa, theo người viết thì các tình tiết đó cũng không hẳn là vấn đề then chốt cần phải nêu ra, coi nó như là một điều «thậm vô ích» đối với cả người đọc lẫn người viết...

Đến đây, chúng tôi xin được phép thảo luận kỹ hơn về gia đình của các nhà văn đề đọc giả thấy giữa gia đình với nhà văn có sự ràng buộc mật thiết như thế nào. Thật vậy, nếu ta chịu khó đi sâu vào khung cảnh gia đình gia tộc mà nhà văn tạo lại không có gia đình

(1) — Trong «Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta» chỉ có mỗi nhà văn Nguyễn sĩ Tế là có đề sơ qua đôi chút về tổng tích của mình. (Sách đã dẫn, trang 353).

(2) — «Các tác giả Việt-Nam» — Tập (II), của Trần văn Giáp, NG. T. PHUONG, NG văn Phú và T. phong Châu — Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội — 1972, trang 149. (Nhật báo Sóng Thần ngày/24/4/1974). —

gia tộc, thì ta không thể nào bỏ qua được **NƠI VÀ KHUNG-CẢNH GIA-ĐÌNH** mà nhà văn đã sống và sinh trưởng ở đó. Không ai có thể phủ nhận được rằng phần lớn các văn thi gia ở dĩ được thành danh nêu tên tuổi với đời, một phần chính là do ảnh hưởng hoàn cảnh gia đình, và cũng không ai có thể chối cãi được rằng chính từ trong cái môi trường thu hẹp của gia đình mà tài năng của các nhà văn được bồi dưỡng phát triển lần lần sau này mới kết tinh thành những áng văn chương tuyệt tác còn lưu truyền lại mãi mãi với thế gian. Như vậy thì gia đình đối với nhà văn quan trọng biết là chừng nào. Cho nên, nói đến tác phẩm hay tác giả thì không thể bỏ sót được yếu tố **GIA-ĐÌNH** nhắc tới thân thế, sự nghiệp của một nhà văn hay một nhà thơ thì lại càng không thể quên được **«KHUNG-CẢNH GIA-ĐÌNH»**. Vì chính gia đình tự nó đã thực sự đóng góp một phần lớn vào sự nghiệp văn chương của nhà văn, và sự phát huy, nảy nở tài năng và óc sáng tạo của nhà văn nhà thơ có khi nào qua khỏi sự trung gian của gia đình. (Trường hợp này tuy cũng có, song rất hiếm).

Hơn nữa, tất cả nhân loại, dầu là một nhà văn hay một bác nông phu thì hỏi có ai là không có một tổ ấm bé nhỏ đề ngày ngày lấy chỗ «chui ra chui vào» và không ai lại không có lấy vài kẻ thân thích như cha mẹ, vợ con... Từ xưa tới nay, cổ kim chưa có một người nào lúc sắp nhắm mắt hai tay buông xuôi lại không mong muốn có người thân yêu ở bên cạnh. Do đó, sự dày thân ái

trong gia đình nó ảnh hưởng đến cuộc đời sự nghiệp các văn thi gia còn sâu đậm hơn là đối với những người khác vì nhà văn là những kẻ may mắn được trời phú cho một khối óc tưởng tượng thật vô cùng phong phú, lại thêm vào nguồn cảm xúc rối rào nên chỉ sự cảm nghĩ của họ cũng khác thường và bén nhạy hơn những người khác.

Gia đình đối với nhà văn, thì ngoài việc bảo bọc nuôi dưỡng họ từ tấm bé khi họ còn là cục thịt đỏ hồng nằm ngọ nguậy trong nôi, nó còn in sâu vào tâm trí nhà văn cơ man hình ảnh sống động. Những hình ảnh này sẽ là chất liệu quý báu giúp họ thành công dễ dàng trong hướng đi đã được họ lựa chọn. Nói tóm lại thì nhà văn, qua thời gian dài sinh sống trong gia đình với người thân yêu có biết bao kỷ niệm khó phai mờ và chính những kỷ niệm ấy thơ đó sau này đã cung hiến cho nhà văn nguồn cảm hứng bất tận.

Nhưng nhắc tới gia đình nhà văn thì ta cũng phải nhắc luôn đến những người đã khuất xa ở bên trên hết cả gia đình của họ gồm có tổ tiên, cụ kỵ, ông bà... là những người đã từ lâu và từ nhiều đời góp sức vào sự nghiệp văn chương rực rỡ của con cháu họ(1). Có nhà văn nào dám khẳng quyết rằng những gì mà họ đóng góp cho quê hương xứ sở không phải là kết quả đã được tích lũy từ nhiều đời ông cha của họ ngày trước.

(1) Xin đọc (Gia-đình và Gia-Phả) — Tập-san Sử-dịa số 25, tháng giêng đến tháng 3-1973, từ trang 126 đến trang 156.

Hết thầy chúng ta, hơn một lần, đã từng được thưởng thức những bài thơ, văn do chính tác giả tự kể lại chuyện mình, tự thuật lại những kỷ niệm vui buồn thời thơ ấu ở trong gia đình; chính sự tự thuật đó một phần lớn đã bắt nguồn bắt rễ từ trong khung cảnh của gia đình vậy. Những tác phẩm nổi tiếng của **VŨ-TRỌNG-PHỤNG**, **NGUYỄN-HỒNG**, **THẠCH-LAM**, **TÔ-HOÀI**... thời tiền chiến hay của **VŨ-BẰNG**, **DUYÊN-ANH**... ngày nay đã nói lên rõ rệt sự thế đó. Cho nên, khi ta đọc họ, ta tưởng chừng như là đang được chia sẻ nỗi buồn vui với họ hoặc đang chung sống với họ trong những ngày đắng cay cơ cực... Chính ảnh hưởng sâu đậm của gia đình qua nhiều năm tháng gây cho họ được nguồn cảm hứng rồi rào như thế.

Ai không khỏi ngậm ngùi thương cảm cho nhà văn **VŨ-TRỌNG-PHỤNG**, dấu đang đau nặng mà cũng phải gắng gượng ngồi dậy viết bài đề lấy tiền mua chiếc đèn con cá cho con vui chơi Rằm tháng Tám. Có ai không thấy xót xa cho cuộc đời hăm hiu của **NGUYỄN-HỒNG** trọn thời ấu thơ phải sống bên cuộc tình duyên bất đắc dĩ của cha mẹ, phải chứng kiến cảnh sa sút ngê-êo nàn của một gia đình nơi tỉnh lỵ nhỏ bé? Và ai không thấy tâm tư xúc động khi nghe nhà văn trẻ **DUYÊN-ANH** kể lại cuộc đời đắng cay buồn

thảm của người mẹ hiền trong "Con sáo của em tôi". Ta hãy lắng nghe ông kể: Mẹ tôi đau khổ trăm chiều, ngày làm quần quật như con vật, tối ôm bụng khóc một mình. Tôi nghiệp mẹ tôi, tôi chẳng biết ví mẹ giống ai. Đây tớ nhà ông tôi còn sung sướng, còn cười nói đùa nghịch, chứ mẹ tôi thì cảm nía suốt ngày đêm... (trang 9). Lại như thi hào **TÚ XƯƠNG**, "suốt cuộc đời của ông chỉ là một chuỗi dài năm tháng chán nản, bệnh hoạn, nghèo túng với bao lận đận thăng trầm thi cử, nhưng có bao giờ nhà thơ đất Vị Xuyên của chúng ta quên được đàn con thơ và người vợ hiền sống vất vả sớm hôm để "Quanh năm buôn bán ở mom sông, nuôi nấng năm con với một chồng..." (Thơ khen vợ), và cứ mỗi lần mỗi bước giang hồ thì nhà thơ tài hoa của chúng ta lại trở về bên giòng sông Vị để sống đạm bạc trong mái nhà tranh với cút rượu trắng dưa cay bằng bì đậu phụ hay dấm ba củ lạc...

Phải chăng, đối với văn nhân thì sĩ, gia đình là nguồn an ủi độc nhất trong đời họ, gia đình là nơi họ trở về để tìm thấy lại bao kỷ niệm vui xưa đã mất? Và phải chăng chính gia đình và khung cảnh của gia đình là chiếc đũa thần giúp văn thi gia chúng ta nguồn cảm hứng dạt dào và do đó họ mới lưu lại cho đời những áng văn chương bất hủ.....



Đọc và cổ động cho : **PHƯƠNG ĐÔNG**

Dưới đèn quanh bếp lửa

✧ Bình nguyên Lộc

Ta thường quên ngữ-nguyên của hã g ngàn danh từ của ta, thậm chí nhiều từ Việt Nam rắc røng mà cứ bị cho là chữ Nho, chẳng hạn như động từ Thọa là động từ Mã Lai, ta dùng để đọc một chữ Nho kia, với mục đích tiêu cực để kháng, nhưng ai cũng nói Thọa là chữ Nho.

Hai tiếng *Đất Nước* không bị tưởng lầm là chữ Nho, nhưng cũng bị hiểu lầm về nghĩa. Tất cả mọi người đều hiểu rằng Nước trong *Đất Nước* là danh từ trở chất liệu được nói rộng nghĩa để trở Quốc Gia. Sự thật thì không phải thế.

Quốc Gia được Tàu gọi là San-Hà hoặc Xã-Tắc. Ta đã mượn cả hai, lại Việt-hóa một. Ta Việt-hóa San-Hà thành Non Sông. *Đất Nước* có nguồn gốc Mã Lai, mà ở Nam Dương người người ta nói là Đarat Bêna.

Đarat là Đất, nhưng Đarat không trở chất liệu mà mang nghĩa *Lục* của Tàu hoặc *Territorial* của Pháp. Mã Lai có hai danh từ :

Tana=Đất (Chất liệu)

Đarat=Đất (Lục, Quốc Gia)

Khi ta đọc âm hóa tiếng ta thì ta nuốt R giữa. Cao Miên cũng làm y hệt như ta, tức cũng nuốt R giữa, nhưng thêm Y ở sau đuôi, chớ không để nguyên chữ T cuối như ta.

Nam dương : Đarat

Việt Nam : Đất

Cao Miên : Đay

Ta và Cao Miên chỉ dùng có một danh từ để trở hai món, nhưng ta có ghép thêm từ *Liên* để trở ý niệm *Lục-Đất liên = LụcT=ên* bộ. Vì thế mà ta quên một nghĩa của Đất, tuy nhiên Đất vẫn còn nằm đó, *Bêna* thì bị ta biến hơi xa, biến thành ra *Nước*, nên ta mới hiểu lầm về *Nước*. *Bêna* chẳng mang nghĩa nào khác hơn là Quốc gia.

Theo Tiền sử học mà chúng tôi đã dùng làm căn bản cho quyển N.G. M.L.C.D.T.V.N. thì dân tộc ta gồm hai phần tổ, cả hai đều là Mã Lai. Phần tổ Trãi (*Austroasiatiques*) di cư đến Việt Nam trước và khi định cư thì họ chưa biết nuôi súc vật, trừ loài chó. Dĩ nhiên là họ chưa lập quốc mà còn sống theo bộ lạc.

Bọn Mã Lai thứ nhì di cư đến sau và bọn này đã lập quốc rồi tại đất cũ là Hoa Nam nên họ mới có danh từ Đarat Bêna. Hai phần tổ ấy cùng chung sức để lập quốc, riêng tại Việt Nam, còn ở Nam Dương thì phần tổ đầu vắng mặt, trừ đảo Borneo.

Ta lập quốc rồi thì chẳng sáng tác danh từ làm gì mà cứ dùng danh từ sẵn có của người đồng chủng đã chung sức với ta.

Lập quốc xong thì bộ lạc tan rã về phương diện chánh trị nhưng mặt hành chánh thì còn nguyên. Những thái ấp nhỏ xưa là T' lang, biến thành Làng tức những đơn vị hành chánh nhỏ nhất

trong nước. Ở Nam Dương mọi việc cũng xảy ra gần y hệt như vậy chỉ có khác là danh từ T) Lang không bị biến dạng như ở xứ ta.

Về mặt xã hội thì có một điểm không bị thay đổi : nòng cốt của Đarat Benua cứ là gia đình. Gia đình này từ mẫu hệ chuyển sang phụ hệ cho đến ngày Má viện đến nơi thì tiến gần xong. Nói là gần xong vì sử Tàu cho biết rằng vài địa phương Giao Chỉ còn tục Lavirat, tàn tích của mẫu hệ. Nhưng sự biến chuyển này không hề thay đổi dân tộc tính của ta.

Trải qua không biết bao nhiêu là sai trộn chánh trị, nòng cốt vẫn không hề bị lung lay : dưới mái ấm có một đôi nam nữ sống chung với vài đứa con cho đến lúc lũ con này trưởng thành. Bằng vào các nhóm Má Lai không tiến, ta thấy hình như ta không có chế độ đại gia đình, trước khi người Tàu đến nơi và đưa tục của họ vào xứ ta. Con trai, con gái lập gia đình rồi thì ra riêng. Nhưng chim non đã đủ lông đủ cánh rồi thì sự ra riêng không có hại. Chúng đã sống trong tổ ấm lối hai mươi năm và cuộc sống ấy đã vô trang chúng khá đầy đủ về mặt tinh thần.

Sự vô trang tinh thần gồm ba điểm chánh mà kẻ nào thiếu trong đời họ thì khả năng của họ sẽ kém sút đi :

1) Tình thương

2) Trao gởi tài ba của dân tộc, như là dẻo dắn, mài dũa làm riu, sau đó đan dụng cụ bằng tre, sau nữa, làm đồ dụng bằng đất nung, sau cùng là những nghề tiến bộ hơn như nghề mộc, nghề đúc kim khí, nghề dệt,

3) Trao gởi truyền thống của dân tộc.

Ta không có chữ xưa kia, thế mà ta nhớ được vua Hùng, nhớ được Benua Vlang Nang (Nước Văn Lang) là chính nhờ cuộc trao gởi ấy nó thường xảy ra dưới đèn, quanh bếp lửa.

Cái bếp lửa ấy, thuở ta chưa biết cất nhà, nó vẫn có. Đó là cái bếp dùng để sưởi trong những đêm đông, không có ba cái dĩa. Rau như ngày nay, nhưng quanh ánh lửa chập chờn, cả nhà đều qui tụ và người cha hoặc người mẹ thường kể chuyện cho con cái nghe, phê bình lại một lối đàn, dạy lúc ban ngày, hoặc thuật chuyện anh hùng địa phương hay anh hùng xa xôi nơi đất tổ xưa, bị địa phương-hóa vì quên nơi chốn cũ (tích Phù đồng đánh giặc Ân)

Khi cái bếp tiến lên thì cuộc quây quần này càng chặt chẽ hơn lên. Bếp lửa thường biến thành cái Bếp Núc. Núc là gì ?

Nam Dương : Đanak = Nấu

Chàm : Tanuk = Nấu (cơm)

Việt Nam : Núc = Nấu

(Núc của ta, xưa kia cũng là Nấu cơm, y như của Chàm, vì tiến đến nông nghiệp thì cái món mà ta cần nấu nhất là Cơm. Thịt thì hẳn còn được nướng. Vậy sau Núc, ta thấy không cần đề danh từ Cơm vì đó là món được nấu một cách đương nhiên và độc nhất vào thời ấy)

Núc là hình dáng thô sơ của Nấu. Với Bếp Núc, ta đã biết thêm nhiều nghề và cần làm việc ban đêm, như dệt chẳng hạn.

Ánh lửa bấy giờ không chỉ là ánh lửa của cái bếp núc mà là ánh lửa của một thứ đèn thờ sơ. Không khí ấm hơn, khí hậu vui hơn, câu chuyện phong phú hơn, tình thương dào dạt hơn.

Đại cương của nếp sống ấy không thay đổi cho đến đầu của hậu bán thế kỷ này mà loạn ly, lợi lộc và giải trí bắt đầu phân tán gia đình.

Loạn ly là vũ bão, nhưng vũ bão tàn phá mạnh mà có Kỳ-gian. Núi có mòn, sông có cạn, loạn rồi thì có thái bình, và dâu sẽ trở về đó cả. Chỉ như lợi lộc và giải trí thì là chuyện kinh niên, nó biến khác hẳn nếp sống cũ đi.

Ta cứ thử tưởng tượng ra một gia đình mà người gia trưởng vắng mặt hết hai mươi đêm trong một tháng, vào những bữa cơm tối dưới đèn thì đời sống tinh thần của con cái sẽ ra sao ? Họ đi chạy áp phe, họ đi thù tạc vì áp phe, họ đi hộp đêm để mua vui. Những từ ấy, cách đây hai trăm năm cũng có dưới một hình thức khác, nhưng không có một cách quá quắc như ngày nay. Một ông ú có thể ăn dầm nằm dề ở các xóm cô đầu suốt tháng, cả ngày lẫn đêm, nhưng mà rồi sau đó, ông ta lại về và ông ta chỉ vắng mặt một tháng mà thôi bởi ông ta chẳng có tiền cề ở dưới xóm hoải, mà như ông ta có thì các bà tú cũng lôi ông ta về. Ngày nay thì không được như vậy nữa. Hộp đêm thì nhiều hàng trăm, các bà tú không thể đi làng từng nơi. Hơn thế lấy lẽ gì để bắt cóc các ông ? Các ông chỉ giải trí có mấy tiếng đồng hồ thôi, chứ có biến mất như tú đời xưa đâu ? Chỉ phiên rằng đó là những tiếng đồng hồ quan

trọng nhất trong ngày mà cha con có thể thấy mặt nhau. Sau mười giờ đêm là các cậu các cô ngủ mất, nếu chính các cậu và các cô không đi hộp đêm, Sáng ra thì ông cha lại chạy áp phe và các cô các cậu lại xích cặp đi học, và bữa cơm trưa thì nóng nực, chẳng kéo dài như bữa cơm tối để người gia trưởng trao gởi cái gì lại cho con cái.

Thường thì người cha chỉ vắng mặt trong bữa cơm tối, Kề vắng mặt trong bữa cơm trưa đôi khi là bà mẹ. Các bà mẹ, cũng lẫn xă vào vào các cuộc làm ăn, cũng chạy áp phe lung tung, cũng thù tạc, chỉ có khác các ông cha là các bà không dám đi giải trí một mình ban đêm vì sợ chồng ghen. Bà nào không áp phe thì cũng tứ sắc, tò tôm mà hai trò giải trí đó làm tốn lắm thì giờ, nhứt là không thể bỏ được nửa chừng, nếu cái thời diêm nửa chừng là vào giờ ngọ.

Trong tình thế đó thì các cậu các cô con cũng dám tha hồ vắng mặt trong bữa ăn, một là bữa ăn trở nên quá buồn tẻ, hai là uy quyền của kẻ quyền uy tự nhiên bị sụt giảm, các ông gia, bà mẹ chỉ còn dám la mắng con cái một cách lầy lẹ mà thôi.

Con cái không còn biết tích xưa chuyện cũ về cánh họ, và dĩ nhiên tích xưa chuyện cũ về dân tộc các cậu các cô còn dốt hơn. Ngày nay đã có sách vở, vai trò của người kể chuyện có bị truất phế phần nào, nhưng chỉ là phần nào thôi vì không phải là thanh thiếu nhi nào cũng đọc sách, hơn thế có những điều mà sách vở không nói ra được mà chỉ có người thân yêu và

trước của các cô các cậu là có thể nói ra thôi.

Nói sự có mặt của cha mẹ đã là một lời nói ra cái gì rồi. Có mặt tức không cách mặt, tức là nói lên tình thương của ta đối với tổ ấm mà tình thương thì cần thiết cho sự trưởng thành tinh thần của con cái, ngang hàng với thực phẩm đối với thể xác của con cái.

Một vị bác sĩ ngoại quốc kia đã nói : «Tình thương giữa mẹ con ngày nay sụt giảm đi nhiều chính vì các bà mẹ không cho con bú nữa». Coi đó thì ta đủ thấy rằng cả thực phẩm (trong trường hợp này là sữa mà cũng liên hệ mật thiết với tình thương thì sự gặp mặt, sự trao lời còn cần không biết bao nhiêu.

Chúng tôi có đọc một tiểu thuyết Mỹ vô danh kia và gặp được câu chuyện ngộ nghĩnh sau đây. Hai vợ chồng người Mỹ ấy thay nhau rửa bát đĩa mỗi bữa ăn tối (Bữa ăn trưa, cả hai đều ăn tại sở). Nhưng một hôm ông chồng mệt nghỉ ra vấn đề sau đây : hai vợ chồng chỉ gặp mặt và trao lời nhau sau bữa cơm tối, dưới ánh đèn gia đình. Nhưng đêm nào cũng có một người hôn phối đào ngũ cuộc hội kiến tay đôi ấy để đi rửa bát đĩa. Thế thì cả đời họ chẳng bao giờ được dịp nói với nhau gì hết. Vậy đôi vợ chồng không giàu, không có mấy rửa đĩa này bèn nghĩ ra một chiến thuật : sớm cho thật nhiều đĩa, đủ dùng cả một tuần, và chỉ vào ngày đầu tuần thì cả hai đều cùng rửa đĩa, những đêm thường, họ trò chuyện với nhau, đêm cuối tuần họ bận cắm trại ngoài

đồng thì không kể. Đó là lối cứu vãn hạnh phúc gia đình của một đôi bạn trẻ sớm giắc ngộ rằng sự gặp mặt và chuyện trò rất là cần thiết.

Đó là một đôi vợ chồng đã trên ba mươi. Trẻ con cần không khí gia đình hơn người lớn chẳng biết bao nhiêu. Chánh phủ các nước đều khuyến khích những gia đình không con nuôi con nuôi, xin ở các cô nhi viện, nuôi thật thụ càng hay, bằng không, cũng nuôi giúp chúng cho đến lúc chúng trưởng thành. Tại sao các chánh phủ ấy không xin tiền của những người được khuyến khích như vậy để làm dồi dào quỹ của cô nhi viện thì kết quả cũng tốt được chứ ? Không, kết quả không tốt được là vì cô nhi viện mà có được tổ chức tốt bao nhiêu cũng cứ thiếu cái gì. Cái món đó là khí hậu gia đình. Các cô nhi viện dù khả năng tạo ra những thanh nam thanh nữ khôi về thể chất, mạnh về lý trí nhưng về tâm hồn thì chỉ có khí hậu gia đình mới thổi được vào lòng trẻ con một cách từ từ trong nhiều năm. Người thiếu tâm hồn là người phế nhưn phần nào. Kẻ yêu nước bả g lý trí, nhờ những bài học công dân giáo dục, không yêu vững vàng được như kẻ yêu nước bằng tâm hồn.

Chỉ có thương gia đình, mới vững thương đám đất quanh nhà, mới vững thương làng, vững thương xứ, vững thương nước mà thôi. Nhiều nông dân không được đi học, chẳng có ý niệm quốc gia một cách rõ rệt nào hết, thế mà khi mà làm phận sự công dân thì họ làm được một cách hết mình, chỉ vì họ

đồng hóa nước với nhà của họ, mà họ thì đã nặng tình nhà sẵn rồi.

Gia đình không phải chỉ là một mái nhà, một đôi vợ chồng và vài đứa con. Tất cả những thứ ấy phải được dính chặt lại bằng một thứ keo sơn đặc biệt. Chất keo sơn ấy là tình nhà. Tình nhà là một từ ngữ rất hay nó trở tình gia đình chớ không phải tình thương mái nhà. Mà tình nhà chỉ xuất hiện và tồn tại được nhờ khí hậu gia đình mà thôi.

Vợ chồng ly dị không phải là yếu tố độc nhất của sự tan rã gia đình, mà sự vắng mặt quý trọng của người cha hay người mẹ vì những lý do không chánh đáng cũng là mầm tan rã của gia đình, cũng là mầm hư hỏng của con

cái, mầm long lay của dân tộc rồi vậy.

Việc kiểm thảo của quân đội Pháp sau trận thế chiến thứ nhất 1914-1920 đưa ra sự kiện sau đây : các sư đoàn mà binh sĩ là dân của các thị trấn lớn, nhứt là dân của thủ đô Paris, đánh giặc quá dờ, không phải vì họ yếu đuối hay kém huấn luyện mà vì họ thiếu tinh thần hơn nông dân pháp. Nhưng đó là những thanh niên đã được đi học phần lớn, đã thấm nhuần công dân giáo dục. Họ thiếu cái gì nó tạo tinh thần cho họ ? Họ thiếu tình nhà. Dân của các thị trấn lớn sống đời sống gia đình không chặt chẽ lắm, lợi lộc và giải trí mà các bậc cha mẹ đeo đuổi ráo riết làm long lay tâm hồn và đời sống tinh thần của những công dân tương lai.

TỦ SÁCH HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

161, Yên-Đồ — Saigon

Đã phát hành :

- LE MOI QUI ME DÉPASSE SELON LE VÊDANTA... của Hoành-Sơn Hoành-sỹ-Quý, Tiến Sỹ Triết Ấn, H.G.V.Đ. xuất bản.
- TRIẾT SỬ ẤN ĐỘ tập I của Hoành-sỹ-Quý H.G.V.Đ. xuất bản.
- TRIẾT SỬ ẤN ĐỘ Tập 2
- XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG của Bác sĩ Hoành-văn-Đức, H.G.V.Đ. xuất bản.
- VĂN ĐỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO, của Hoành-sỹ-Quý, Ra khơi xuất bản.
- GIẢN LƯỢC VĂN PHẠM SANSKRIT của Giáo sư Hoành-sỹ-Quý.

Giáo dục tình cảm và đạo đức

NƠI CON TRAI VÀ CON GÁI

✧ Khuất duy Linh

Qua Phương Đông số 38 chúng tôi đã có dịp trình bày một vài nguyên tắc giáo dục sinh lý nơi trai gái trong phạm vi gia đình. Trong số này, chúng tôi xin đề cập tới vấn đề giáo dục cũng của lớp thanh niên thiếu nữ, nhưng trong lãnh vực tình cảm và đạo đức. Thực ra, nếu giáo dục chỉ dừng lại ở bình diện sinh lý mà bỏ quên phần tình cảm và đạo đức, thì lúc đó giáo dục sẽ hết tính cách nhân bản và toàn diện của nó. Điều đó thật hiển nhiên vì không ai phủ nhận rằng sinh lý và tâm lý chung đúc với nhau thành một cơ cấu nền tảng cho bất cứ sự phát triển và trau dồi nhân cách nào. Thiếu hòa hợp giữa Sinh lý và Tâm lý tức là thiếu ổn định trong nhân cách, và khi một nhân cách không ổn định thì mọi khía cạnh phát triển khác nơi con người cũng sẽ rơi vào bế tắc.

Tình cảm và đạo đức nằm trong khuôn khổ Tâm lý. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh tới khía cạnh giáo dục tình cảm và đạo đức trong chiều hướng tâm lý của lớp thanh niên thiếu nữ tính từ tuổi dậy thì sắp lên. Sở dĩ chúng tôi đặt nặng kỹ vào tuổi dậy thì là vì hầu hết các nhà giáo, các nhà chuyên tâm lý đều đồng ý rằng giai đoạn dậy thì là tuổi kỳ rất quan trọng trong

việc thành hình nhân cách của trai gái đang lớn. Nếu tuổi dậy thì của họ được xuôi chảy dễ dàng thì sự quân bình tâm lý và phát triển nhân cách sau này cũng có cơ may thuận buồm xuôi gió. Ngược lại nếu không giải quyết êm thấm được những khủng hoảng của tuổi dậy thì, người ta e rằng đời sống tình cảm sau này của cá nhân có thể bị xáo trộn. Và khi tình cảm bị xáo trộn, đời sống tri thức, luân lý, đạo đức và giao tế của cá nhân đó cũng sẽ thiếu quân bình.

Vì có những dị biệt tâm lý giữa trai gái nên cách trình bày thông thường vẫn là tách rời trai, gái và theo thứ tự ưu tiên sẵn có : trai trước gái sau.

I. CON TRAI

A. Vài nét đặc thù trong giai đoạn phát triển tri thức

Trước khi đi vào khía cạnh tình cảm và đạo đức của thanh niên, chúng tôi thiết tưởng cũng nên tìm hiểu qua tiến trình tri thức trong đời sống tâm linh của lớp tuổi thanh niên nói chung. Người ta phân biệt 3 giai đoạn phát triển tri thức nơi con trai đang lớn :

a. Giai đoạn truyền thống : từ 7 tới 13 hoặc 15 tuổi. Trong giai đoạn này, con trai thường chấp nhận

vô điều kiện tất cả những gì cha mẹ chỉ bảo ở gia đình cũng như thầy dạy ở trường.

b. Giai đoạn cách mạng : từ 15 đến 18 tuổi. Trong thời kỳ này, con trai đâm ra nghi vấn, phân tách, mờ xé và chối bỏ tất cả những gì mà trước kia mình đã chấp nhận thụ độ, g, không phân tách, không bình luận. Bậc phụ huynh vẫn coi tuổi này là tuổi «mít dáy» tuổi «cá không ăn muối» của con cái, và ngược lại, con cái thường tỏ ra buồng bình, chống đối lại cha mẹ. Nhưng thật ra không có gì đáng lo ngại cả. Sự chống đối, bài bác ở tuổi này chỉ là dấu hiệu của một thái độ tích cực cần có nơi con trai đang nảy nở cả thể lý lẫn tam linh : chiến đấu đề đào xâu, nghi vấn đề tín tưởng, bài bác đề củng cố nhất là những gì thực khuôn khổ giá trị luân lý và đạo đức. Trong giai đoạn cách mạng này, tâm hồn thanh niên có thể dễ bị lung lạc, lảo đảo và ngã quỵ trước các thôi thúc của dục tình nơi mình hoặc trước sức quyến rũ mời mọc của thế giới thiếu nữ chung quanh. Điều quan hệ không phải ở tại sa ngã, yếu đuối của thanh niên nhưng ở tại sự sáng suốt, thông cảm, dịu dặt và yêu thương của cha mẹ.

c. Giai đoạn khôi phục : từ 18 đến 21 hoặc hơn nữa. Đây là thời kỳ người thanh niên bắt đầu củng cố, đặt ra một triết lý sống cho riêng mình. Thời kỳ này bất định tùy theo tâm lý cá nhân, hoàn cảnh và ảnh hưởng chung quanh. Kinh nghiệm

cho thấy rằng các thanh niên có tuổi dậy thì muộn và kéo dài hơn mức bình thường của đa số (thí dụ kéo dài tới mãi 25 tuổi), thường có tính tình phát triển vững chắc và nhân cách trưởng thành lạc quan. Trong vài trường hợp ngoại lệ, những cá nhân mà không vượt ra được khỏi tuổi dậy thì cho dù có thông minh có khả năng nghề nghiệp độc đáo đi nữa, họ cũng vẫn luôn có cái gì trẻ nít, vẫn là vị thành niên tâm lý. Đời sống cảm xúc của họ vẫn có cái gì bất bình thường, thiếu sự quân bình chung của lớp tuổi thanh niên đồng lứa. Sự thiếu quân bình tâm lý này có thể chịu tác động của các tuyến nội tiết.

Nếu vậy phải giáo dục con trai như thế nào ? Trước hết nên nhớ là trong giai đoạn chín mùi về thể xác và triển nở về tâm linh, thanh thiếu niên thường thích bàn về các vấn đề luân lý hơn là về các tính điều đạo giáo, thích công thức «người nên làm» hơn là những mệnh lệnh «người phải làm». Do đó, những hành vi luân lý cũng như những giá trị đạo đức có tính cách truyền khiến, ép buộc từ một uy quyền bên ngoài, thường bị thanh niên chối bỏ hoặc phản đối. Chỉ khi nào người thanh niên tự mình khám phá được những giá trị đó, hoặc khi điều thiện trở nên minh nhiên sau một suy luận, lúc đó cậu sẽ theo đuổi và ôm ấp chúng một cách hăng say mà không cần có áp lực bên ngoài. Vì vậy, bậc phụ huynh và nhà giáo cần chú trọng tới các

giá trị luân lý đạo đức cũng như các đam mê của tâm hồn thanh thiếu niên. Nói cách khác, hai cao điểm có sức hấp dẫn thanh thiếu niên thường là hai đề tài DANH DỰ và TÌNH YÊU. Danh dự bao gồm các khát vọng chính đáng, sự cường tráng của thân thể, ý chí và gan dạ. Tình yêu phải trưởng thành trên chính lộ và chuẩn bị cho hôn nhân.

B. Xây Danh dự

Trước hết phải cho thanh niên hiểu rằng việc biêu dương nghị lực và sức mạnh không phải ở trong phạm vi thân xác nhưng hệ tại ở lãnh vực tinh thần, trí thức và luân lý. Do đó, đấm đá, quật ngã người vật chung quanh vì ngứa chân ngứa tay hoặc vì ý vào sức mạnh hoặc sự to con của thân xác sẽ không bao giờ làm cho người khác vị nể quý mến. Đẹp trai, nhà giàu, học giỏi, một thời được giới trẻ sinh đề xướng như là mẫu con trai lý tưởng đề đạt danh vọng, đề thành công, có thể đã tạo ra một lớp người chỉ biết vinh thân phì gia, sống trường già và xa dân tộc. Vậy giúp con trai xây đắp danh dự có nghĩa là hun đúc các khát vọng chính đáng của cậu, giúp cậu kiểm soát được cảm xúc, loại trừ bản năng ngỗ ngược, cục cằn, khuyến khích cậu kháng cự lại các dấy động của bản năng, các thôi thúc của dục tính, và nếu cần, phải tỏ ra nghiêm khắc, sắt đá khi thân xác nổi loạn.

Trong giai đoạn thể xác chín

mù, thanh thiếu niên cần được hướng dẫn, nhất là trong phạm vi kiêng khem thỏa mãn dục tính trước khi tiến tới hôn nhân. Ở lãnh vực này, cha mẹ hoặc nhà giáo cần trình bày lý tưởng cho đúng đường, hữu lý và phù hợp với các đặc tính của tuổi thanh thiếu niên. Nói với thanh niên rằng cuộc đời của họ ví như bông huệ khiết tịnh, mộng mơ nhưng giòn mỏng, có lẽ không phù hợp với tâm lý của tuổi họ. Đối với họ, cần phải nhấn mạnh vào ý chí anh hùng quả cảm, vào cái dũng của các bậc thánh nhân, hiền triết, vào ý chí và khả năng chiến đấu khi gặp các thôi thúc dục tính, và đặc biệt tới ý chí sắt đá, quyết chiến quyết thắng, quyết tới đích, quyết chỗi dậy sau mỗi lần sa ngã. Và nếu họ có sa ngã, cha mẹ cũng không nên quá ngạc nhiên, hoặc chỉ trích nặng lời, gọi lên những cảm nghĩ tủi nhục nơi họ, vì làm như thế khác nào như lấy dấm chua muối mặn đề băng rít những vết thương tâm hồn con cái thay vì dùng dầu xức để thoa bóp vỗ về.

Với thiếu nữ lại khác, cần nhấn mạnh tới đoan trang, lễ phép, e lệ, tới Công, Dung, Ngôn, Hạnh mà chúng tôi sẽ trình bày sau. Với con trai, cần nhấn mạnh tới lý trí, tới tinh thần. Thay vì nhấn mạnh tới nét na, đoan trang nơi thanh niên, cha mẹ và nhà giáo cần làm nổi bật sự kính trọng và tự trọng nơi con cái: thành kính trước sự cao cả hùng vĩ của Thượng Đế trong vũ trụ qua các kỳ công sáng tạo của

Ngài, kính trọng thân xác của chính mình và của tha nhân. Trong các tôn giáo, có lẽ chỉ có đạo lý người công giáo là dành cho thân xác con người một sự tôn trọng khá quân bình và được nhuần siêu nhiên. Ngay cả khi được đặt nằm trong lòng đất và tan rữa đi nữa, người công giáo vẫn nuôi niềm tin mãnh liệt vào sự phục sinh và biến dạng của thân xác để bước vào cõi bất diệt giống hình ảnh của Chúa mình tôn thờ. Trong Phật giáo, sự quân liêm thân xác tại chùa cũng như sự đưa rước long trọng ra nghĩa trang, cũng nói lên sự trọng kính thân xác con người. Chúng tôi thiết tưởng chính ở đây mà tôn giáo đóng vai trò quan trọng không những trong việc đào tạo nhân cách mà ngay cả trong chiều hướng vươn tới cõi siêu linh của tâm hồn thanh thiếu niên.

C. Giáo dục Tình yêu

Cái gay căn nhất đối với lớp tuổi thanh thiếu niên chính là làm sao giữ được một thái độ quân bình và đúng mức trong vấn đề tình yêu khác phái (Eros), phù hợp với ý muốn của Tạo Hóa. Tình yêu thường trở nên đồ vỡ, cay đắng, chua chát với lớp tuổi thanh thiếu niên, bởi vì ở thuở ban đầu, tình yêu xuất hiện nơi họ như là một nhu cầu phát triển nhân cách, và sau đó được kết thúc ở lãnh vực hoàn toàn xác thịt. Do đó thì h yêu tâm lý giữa hai người khác phái thường được quan niệm, được nhìn dưới lăng kính nhục dục : Tình yêu

là sự chuẩn bị của đoạn đường dẫn tới các tội về dục tính, tới việc ăn nằm chung đụng trai gái. Dựa vào đó, người ta đã vội kết luận rằng tình yêu con gái nơi con trai phải được coi là một nguy hiểm cho sự khiết tịnh, chúng tôi tưởng quan điểm này có vẻ đơn phương và sơ sài quá. Tại sao ? Vì cái nhìn đó ngược lại với thiên nhiên, với kế hoạch của Tạo Hóa. Tạo Hóa đã xếp đặt để những thôi thúc dục tính cùng phát triển song hành với tình yêu khác phái. Quả thế, nếu một chàng sự thôi thúc thể lý của dục tính phải được bùng lên từ lâu nơi một thiếu niên trước khi thiếu niên đó có hy vọng tiến tới hôn nhân, thì chàng khác cũng vậy, tình yêu khác phái cũng phải chớm nở từ lâu trước khi người thanh niên có thể dự trù được một kế hoạch cho hôn nhân. Do đó, sự chớm nở và phát triển tình yêu khác phái nơi thiếu niên tất phải có vì có một ý nghĩa và một đích điểm là hôn nhân. Sự thức dậy thể lý của dục tính mang một ý nghĩa tập sự và học kinh nghiệm. Dục tính không thành hình trong giây lát nhưng phải trưởng thành trong nhiều năm trước khi đi tới hôn nhân. Sự trưởng thành lâu dài này sẽ giúp cho thanh thiếu niên có cơ hội tập kiểm soát tập tự chủ, tập kiềm chế những bức rứt xác thịt và học cách tránh những lạm dụng hôn nhân trong tương lai. Tình yêu khác phái không đồng hóa với dục tính và cũng có thể tách rời ra khỏi dục tính, Trai

gái có thể yêu nhau mà không nhất thiết đụng chạm tới nhau. Tuy nhiên, trong lãnh vực loài người và trong thực tế, khi trai gái đã yêu nhau chân thành, họ không thể chỉ nuôi dưỡng tình yêu của họ bằng ngôn ngữ, bằng cùng ngắm nhìn về một mục tiêu mà thôi. Kinh nghiệm cho thấy rằng càng sợ đụng chạm tới nhau bao nhiêu thì lại càng chông đi tới ước muốn được đụng chạm tới nhau bấy nhiêu. Bởi vậy, thuyết phục đôi trai gái rằng hạnh phúc của hai người sẽ trở nên cao thượng và trong sạch nhất, khi họ từ bỏ được ước muốn động chạm tới nhau, đó là điều dư thừa. Tại sao ? Vì nơi con gái, tuy thôi thúc dục tính thường kém mãnh liệt hơn sánh với con trai, nhưng lại cảm thấy khao khát được nâng niu, mơn trớn, vuốt ve, cưng chiều dâng lên rất mạnh, nên cô sẽ không coi việc đụng chạm tới thân xác là nguy hiểm. Còn nơi con trai thì sự ban phát vuốt ve có tính cách bản năng lại càng thôi thúc chàng tiến gần lại chừng nào có thể. Nếu như vậy, bậc cha mẹ có thể đóng vai trò nào trong việc hướng dẫn tình yêu của con trai mình ? Có lẽ một trong những bài học đáng giá nhất chính là đưa ra các kinh nghiệm tình yêu hôn nhân thừa ban đầu của mình để chỉ giáo con cái. Tốt đẹp hay dở vớ, dễ dàng hoặc khó khăn, tất cả đều là những kinh nghiệm sống để giúp con cái nhìn thấy ý nghĩa và mục đích của tình yêu mà Tào Háo đã an bài nơi con người vậy.

II. CON GÁI

A. Vài đặc tính tâm linh của con gái

Về phương diện tâm lý, đặc tính của cô gái trong giai đoạn dậy thì là nhu cầu muốn được phát triển toàn diện, muốn lấp đầy những khoảng trống con tim, muốn bù đắp những thiếu sót và bất toàn, muốn hòa đồng với thế giới bên ngoài trong mọi chiều cạnh. Việc lấp đầy những khoảng trống tâm hồn cô gái được đi tìm dưới khía cạnh nhu cầu tình yêu nam giới, và cách thức tìm kiếm được thực hiện một cách thụ động nghĩa là con gái đề cho con trai tìm kiếm khám phá ra mình :

«Em như cây quế trong rừng,

Thơm cay ai biết, ngát lừng ai hay !

Anh như cây phước Nhà Chay,

Em như chiếc dĩa, sánh bày sao nên ! »

Tất cả những kiểu cách, điệu bộ đi đứng, giọng ăn tiếng nói, cách đặt chân đặt tay... đều được hướng về cùng một đích điểm là mời mọc người khác phái.¹ Cô gái làm kiểu cách, uốn éo, nhong nhẽo đề lôi kéo chú ý của con trai. Việc làm kiểu cách cất nghĩa cho chúng ta một phần nào tại sao các cô luôn thay đổi, trưng diện trong cách ăn mặc và cư xử, dễ hờn giận cũng như dễ tha thứ. Ngay cả tính hay mắc cỡ, e lệ nhút nhát cũng là để giúp cho bản năng làm kiểu cách nơi thiếu

nữ có kết quả hơn. Nơi cô gái, người ta thấy có một thôi thúc thâm kín và vô thức nào đó đẩy cô tìm kiếm đối tượng đồng hóa. Do đó, chúng ta thấy tại sao cô có thể ngưỡng mộ một vài thần tượng, chẳng hạn ngưỡng mộ thầy dạy của mình (nam hoặc nữ), một tu sĩ, một nam tài tử màn nhung màn bạc, hoặc một lực sĩ thể giới nào đó. Thói vị kỷ, tính vũ phu và cực cần của con trai không có hoặc ít khi gặp thấy nơi cô gái, mà thay vào đó cô hay e lệ vụng về. Ngoài ra, tính tình và cách ăn ở của người con gái cũng dễ giao đồng, lên xuống hơn con trai. Sự thay đổi có thể đi từ chỗ thật yêu đời đến ý tưởng muốn chết, từ chỗ khao khát yêu, ao ước hiến cuộc đời trong nơi thâm nghiêm của tu viện, cửa thiền khi là gái mới lớn lên, đến chỗ dùng một cái, sau khi đã nếm mùi cay đắng tục lụy, lại đâm ra lẫn lộn, lãng mạng, giang hồ, bụi đời và chịu chơi có khi còn táo bạo hơn cả con trai :

«Chơi cho thành trống, long bông.

Rời ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm,

Chơi cho thùng trống, long chiêng,

Rời ra ta sẽ lập n ghiêm lấy chồng.»

Xét về các đặc tính tâm lý, người ta thấy trái tim cô gái rất dễ rung động. Còn nơi con trai thì yếu tố giác quan, bản năng và nhục dục lại mãnh liệt hơn nhiều. Tuy vậy điều đó không có nghĩa là nơi một cô gái khỏe mạnh và bình thường thì những thôi thúc dục tính sẽ hoàn

toàn lắng đọng, ngủ yên đâu. Nơi con gái, những thôi thúc dục tính không xuất hiện rõ rệt vào giai đoạn đầu của tuổi dậy thì, hoặc cũng có thể rằng một thiếu nữ có kinh nghiệm về dục tính sau khi cô đã dậy thì được vài năm, và yếu tố xác thịt của dục tính nơi cô thường ít mãnh liệt, ít ngứa ngáy hơn nơi con trai. Nói cách chung, đa số thiếu nữ có sinh hoạt dục tính tiệm tăng sau một lần kinh nghiệm ái tình. Nơi một số khác có thể không thấy hoặc ít có những cảm dỗ dục tính sau khi đã sa ngã một lần. Điều này càng nghiệm đúng nơi các thiếu nữ, phụ nữ không cảm thấy khoái ngất lúc giao hợp. Tuy vậy còn nhiều yếu tố khác chi phối dục tính của thiếu nữ như di truyền, giáo dục, hoàn cảnh, tình tình, môi trường sinh sống v.v.

Nơi thiếu nữ, năng lực tâm linh được nổi bật. Trái tim, tâm hồn, tình yêu đậm đà, đó là những năng lực tâm linh làm cho thiếu nữ chu toàn được các nghĩa vụ trong đời sống hôn nhân, khiến thiếu nữ trở nên bận rộn đặc lực của người nam, trở thành hiền mẫu của đàn con, lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh tất cả vì con.

B. Hai khuôn mặt cô gái

Chúng tôi muốn nói tới sự hòa hợp giữa đồng trinh và làm mẹ nơi cô gái. Dĩ nhiên bao lâu cô là con gái thì sự trinh tiết sẽ nổi bật hơn chức vụ hiền mẫu. Nhưng đồng trinh và làm mẹ, như hai mặt của

đồng tiền, cả hai đều là ước nguyện ôm trọn lấy trái tim của mỗi người nữ : một đằng muốn gìn giữ, bảo toàn thân xác nguyên vẹn ; đằng khác lại muốn hiến mình, phó thác mình qua chức vụ làm mẹ. Đó là lý do tại sao nơi cô gái có sự nhạy cảm và phản ứng mau lẹ trước các giá trị của thanh tịnh, trước những sự trưởng thành và nảy nở của nữ giới, và trước những nguồn lực dự trữ cho đời làm mẹ. Các giá trị trên đây chính là những năng lực đàn bà, có sức hấp dẫn lôi kéo người vì với mình, và chúng càng hoàn hảo, càng thanh khiết bao nhiêu nơi một phụ nữ, thì người nam lại càng bị thu hút, hấp dẫn về người nữ đó bấy nhiêu. Người ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy một thanh niên nỡ ngạo, tàn bạo, cực cần đến nỗi phụ huynh, thầy dạy cũng không trị nổi, thì tự đứng lại ngoan ngoãn, thuần thực, tận tụy, có tư cách, đáng mến, khi thanh niên đó gặp được một thiếu nữ thanh tịnh, trắng trong từ khuôn mặt tới tâm hồn. Đó là một chiến thắng, một hãnh diện xứng đáng của cô gái, vì nhờ có sức mạnh tình yêu thanh khiết của mình mà đã nâng cao người thanh niên chỉ biết ngạo nghễ, khinh thường và khó khuất phục.

Vậy trách vụ của cha mẹ, của nhà giáo là làm sao để thiếu nữ nhận ra và hãnh diện vì tầm ảnh hưởng và vì vai trò kẻ trên. Cô phải thực hiện được sức quyến rũ mãnh liệt trời phú bẩm cho cô nơi các thanh thiếu niên trong thiên chức làm mẹ

và sự khiết tịnh nơi cô. Nhiều cô gái lầm tưởng rằng mình sẽ chinh phục được con trai một cách dễ dàng nếu biết đồng hóa mình vào cách thức ăn mặc, điệu bộ, cư xử và những đặc tính con trai. Một con trai quân bình và có tâm hồn lành mạnh này chán ngán và buồn nôn trước một con gái đầy con trai tính, trơ trẽn, cứng cỏi và vô duyên như con trai. Điều mà con trai ước muốn là không phải cái mình đang chiếm hữu nhưng là những đặc phẩm nào sẽ bổ túc cho mình mà mình không có. Chính ở cái khác nhau giữa trai gái này mà tính chất đối cực nam nữ phát sinh, và sự đối cực âm dương đó lại làm nền tảng đời sống phụ thê. Người con gái nào biết nhận ra giá trị đặc thù của tâm hồn nữ giới cũng như những nguồn năng lực tâm linh của mình, sẽ không dễ dàng bị rơi vào các mặc cảm bất mãn của đời mình. Ý thức được giá trị của mình để tìm cách trau dồi và phát huy những giá trị đó như là những đức tính thiêng liêng cao đẹp của riêng nữ giới, người con gái cũng không dễ gì mà thả lỏng cho mình, để mình rơi vào các thèm khát dục tính của con trai. Thiếu nữ cũng sẽ hiểu rằng mình càng muốn đáp lại những đam mê và thèm khát của con trai chống vánh bao nhiêu thì mình lại càng hết trở thành thần tượng của chàng bấy nhiêu. Ngược lại, cô sẽ càng làm cho con trai mê phục mình nếu cô biết khuyến khích con trai bền chí đi chinh phục cô bằng chính

thái độ lãnh đạm cao thượng và đáng yêu của cô. Do đó, cô gái đừng có sợ rằng mình sẽ mất tình yêu của con trai nếu mình không nhượng bộ các đòi hỏi của con trai, mặc dù trong cơn cuồng say, con trai đe dọa sẽ bỏ rơi mình đi nữa. Nhiều cô gái đã buông lòng chiều theo tức khắc các đòi hỏi đam mê của con trai để rồi sau đó cũng mất luôn cả con trai đó. Kinh nghiệm hàng ngày chung quanh chúng ta cho thấy có bao chàng Sò Khanh thế thốt yêu đương, quyết tâm xây cùng tổ ấm, nhưng khi người yêu cho biết có bầu là đã vội vàng xa chạy cao bay. Chúng ta có thể nói vắn tắt rằng dấu hiệu và sự diễn tả của một tình yêu thế lý nơi cô gái thường là khởi đầu của một kết thúc, mở màn của bế mạc, hay nói cách khác, tình yêu sẽ kết thúc chóng vánh nếu trong giao tiếp nam nữ, người con gái đã cho ngay cái mà chỉ được trao trong đạo vợ chồng.

C Giáo dục đạo đức và luân lý

Giáo dục đạo đức và luân lý nơi con gái phải như thế nào? Nói một cách tổng quát giáo dục nơi cô gái phải nhằm hai khía cạnh: một là giúp cô phát triển các đức tính tự nhiên và thiết yếu của nữ giới như đoan trang, nhã nhặn, vị tha, hy sinh, hiến mình cho hạnh phúc tha nhân; mặt khác giúp cô bỏ dần một vài nhược điểm tự nhiên chung của con gái như tính khí thay đổi thiên kiều, bất ghen, nhõng nhẽo

nhẹ dạ v.v. Đặc biệt nên chú trọng tới:

a. Tính đa cảm: Con trai bẩm sinh ít có tình yêu vị tha. Con gái tự nhiên dễ thương người. Con trai thường kiêu hãnh, tự đại cho rằng «Thông minh nhất nam tử», do đó cũng khó mà yêu với tất cả con người mình. Tuy vậy, sinh với con gái, con trai lại dễ có thái độ trung lập, khách quan, lãnh đạm trước tha nhân và vì thế cũng khó lòng mà nuôi được một mối thù độc địa, cay đắng và day nghiến như nữ giới. Nơi con gái, vì cường độ cảm xúc và đam mê mãnh liệt hơn, nên khi giận nhau, cô tìm cách hạ nhục đối thủ một cách ghê sợ. Cô sẽ day nghiến, xé quần xé áo của đối phương, và nếu là người vô học, cô sẽ đánh vô miện và xô ra những ngôn từ ít khi được ghi chép trong tự điển. Hiện chúng ta chưa quên được Hoạn Thư đã cho nàng Kiều làm «kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu». Do đó, cha mẹ cần phải giúp cho con cái của mình biết khuất phục đời sống cảm xúc vào lý trí và ý chí để có thể phán đoán tha nhân một cách khách quan và thực tế, tránh được nhiều định kiến tai hại.

b. Tính e lệ: Vì e lệ bắt nguồn trong lãnh vực cảm xúc, nên người con gái có khuynh hướng e lệ và hiền ngay được thế nào là e lệ chóng hơn con trai, do đó cũng ít trơ trẽn, ít bị coi là vô duyên hơn con trai. Tuy vậy cũng có thể rằng một cô gái còn đơn sơ trong trắng, chưa

bao giờ hoặc mới bắt đầu có chút kinh nghiệm về cảm xúc dục tính nên chưa biết e lệ, và vì chưa biết e lệ nên thành ngây ngô khờ dại, và sự ngây ngô khờ dại của cô có thể gây quyến rũ cho một con trai đam mê. Thí dụ có những cô gái đơn sơ, nề nếp và khiết tịnh lại chấp nhận mặc váy ngắn hoặc những loại quần áo bó sát khêu gợi mà không hiểu rằng mình được con trai chú ý ca tụng không phải vì ăn mặc hợp thời trang cho bằng vì để lộ những cặp giò hoặc vì thỏa mãn được những tò mò của họ. Do đó, bậc cha mẹ cũng như nhà giáo phải nhấn mạnh cho con em của mình rằng sự vô tư ngây ngô và khờ dại của cô gái có thể là đầu mối của một đồ vỡ, hối hận. Chính vì thế mà chúng ta thấy rằng sự giáo dục tình cảm e lệ nơi thiếu nữ rất quan trọng. Tuy nhiên khi một cô gái tỏ ra quá lễ độ, quá kiêu cách gò bó, quá lễ nghi dè dặt thì sự e lệ sẵn có không những trở thành vô nghĩa, mất tự nhiên mà gây nguy hiểm là khác. Tại sao? Vì sự quá lễ độ về phía con gái sẽ kích động, khiêu khích, mời mọc ý chí mạo hiểm của con trai đang đi chinh phục cô gái đó cho kỳ được. Kinh nghiệm cho thấy rằng những cô gái rất đàn bà, rất hãnh diện vì chất đàn bà tính của mình, lại thường là những cô dễ ngã rơi hơn những cô gái khác. Lý do rất dễ hiểu: các cô gái đó khác nào trái cấm mọc chín gây thèm khát cho con trai, trở thành báu vật mời mọc, kích thích tinh thần anh dũng chiến đấu

và chinh phục của thanh niên.

Một điểm đáng lưu ý nữa là tính e lệ cao thượng và tri thức nơi người con gái còn bị chi phối bởi tính cách khàn trương của tình yêu nơi trái tim cô. Đó là điều giải thích cho chúng ta thấy tại sao ngay cả những cô gái nhà lành, nề nếp, e lệ quý phái, đoan trang, cũng có thể đem cái phần quý báu, linh thánh nhất nơi mình để tặng hiến cho người tình ngay trong giây phút say đắm yếu đuối ban đầu nào đó. Các bậc phụ huynh Việt nam chắc đã có những kinh nghiệm cay đắng về con cái của mình trong vấn đề này. Nếu so sánh sự ngã rơi của con trai và của con gái trong phạm vi dục tính, chúng ta thấy sự khác biệt như sau: Trong khi con trai trượt dần từ đỉnh cao của đời sống luân lý, trước tiên bằng cách chơi với nguy hiểm, với cơ hội, sau đó môn men đến tội nhẹ, rồi uể oải chống lại cám dỗ, rồi thả lỏng cho tư tưởng cho mắt nhìn và chân tay sờ mó, rồi cuối cùng đến buông xuôi hoàn toàn, còn con gái có thể rơi ngay và rơi thẳng từ đỉnh đồi cao luân lý xuống. Quả vậy, có thể rằng một cô gái đã tới 20 tuổi đầu mà vẫn còn đơn sơ, ngây thơ, chưa bị những thúc dục dục tính dày vò, nhưng rồi độ ngọt ngào lọt vào vòng bàn tay của một người con trai. Tình yêu và sự hiện diện kàn trương của người con trai trong tim người con gái giống như một mãnh lực vô hình mà quái thu hút quyến cô gái như ca dao diễn tả:

«Gái phải hơi trai như thái tại phải cút chố».

Thái lài là một loại cỏ mọc trên bùn trông giống như rau muống, khi gặp phải phân chó, có lẽ thành khô héo, ú rũ, co quắp lại. Người bình dân lấy hình ảnh này để nói lên tâm lý con gái khi phải hơi trai. Nhưng ngược lại cũng không kém bí hiểm cho con trai khi gặp hơi gái :

«Trai phải hơi gái như cò bọ phải mưa»

Một con trai đang hứa hẹn yêu đương (thành thật hoặc Sở Khanh) cùng đầu độc con gái bằng bả tình yêu đường ngọt bao nhiêu, thì lại càng bắn trúng vào những yếu tố tâm linh, vào những ước muốn thâm kín, vào cảm tình thương hại của cô gái, càng khuyến khích và đưa cô vào sâu trong sa ngã bấy nhiêu. Khi người con gái đã yêu rồi thì sự nô lệ tình dục (nghĩa là sự lệ thuộc vào ước muốn con trai) sẽ trở thành một điều mà cô cho là tự nhiên nơi cô. Cô có thể vượt qua hàng rào lễ giáo gia đình và xã hội một cách dễ dàng để vác hành trang lên đường theo tiếng gọi khẩn

cấp của tình yêu. Những trường hợp như thế không thiếu gì tại xã hội chúng ta ngày nay, và khi bậc phụ huynh tìm được con gái mình thì đã hơi muộn.

KẾT LUẬN : Trong việc giáo dục tình cảm và đạo đức của con cái, các bậc phụ huynh và nhà giáo cần phải am tường và dựa theo những biến chuyển tâm sinh của lớp tuổi thanh thiếu niên nhất là từ giai đoạn dậy thì trở lên. Nơi con trai cần chú trọng tới các giá trị cũng như các đam mê của tâm hồn họ. Danh Dự và Tình Yêu là hai đề tài chính có thể làm họ ưa thích. Giúp họ rèn luyện ý chí, tư cách. Thông cảm, nâng đỡ khi họ ngã rơi. Còn nơi con gái tuổi dậy thì, có một khoảng trống nơi nhân cách và nơi tâm hồn cần được lấp đầy một cách sáng suốt. Khiết tịnh, tình mẫu tử, đoan trang, e lệ, hy sinh, vị tha... Là những đặc phẩm cao quý của nữ giới cần được phát triển, trau dồi. Những đức tính trên càng phát triển bao nhiêu thì những nhược điểm như tính khí hay đòi, thiên kiến, đa sầu cảm, nhẹ dạ... càng không có chỗ đứng trong tâm hồn cô gái bấy nhiêu.

HOA-LƯU, 311 Thành Thái Saigon 5 sẽ phát hành 9-1974

TỬ BÌNH THUYẾT MINH

của ĐỖ-ĐÌNH-TUÂN

Môn thuật số cao siêu huyền diệu hơn Tử-vi, được Tàu Nhật hâm mộ. Dễ học, dễ hiểu, giản dị.



Bài hành ca Bô Tát

✧ Kính tặng Phạm thiên Thư

★ ĐÁ NÚI

Mưa mù đá núi mù mưa
Tiếng vang vọng giữa giao thừa trần gian
Cây trang mọc áo đạo vàng
Đá xanh ẩn giữa hai hàng ngọc lan

★ SƯ NỮ TRỤ HƯƠNG

Nghinh thân từ nẻo xa về
Hài rơm rời rã đập lề cỏ xanh
Con chim về tổ bay quanh
Rung cánh liễu nhỏ tan tành là sương
Bên lề sư nữ trụ hương
Thềm rêu đặt bát y hương phất bay

★ NGANG NHÀ TRAI NGHE CU GÁY

Chống trượng đi ngang nhà trai
Tiếng con cu gáy rộn tai ngồi thiền
Hồn dáng trầm đọt sóng liền
Và ta kẻ dữ bỗng hiền như không

★ **BUỔI SÁNG NGỒI UỐNG TRÀ MỘT MÌNH**

*Nhìn bàn tay — rõ một đời
Trong lần chỉ rối tơ bời là ta
Sáng nay bên Phật ngồi già
Một chung cũng cạn bình trà mạn sen*

★ **NGANG SÓNG THỬ PHÉP**

*Ngang sóng thử phép Bồ Đề
Thả lau, lau nổi ta về lau trời
Chân không bước kiếm chỗ ngồi
Nước dâng nửa ngực sức hồi tâm mới
Bởi ta chưa dứt nghiệp kè
Căn duyên còn cách mấy bề núi non*

★ **NGUNG NIỆM KINH TÌM ĐỀ THƠ**

*Nẻo thiền gió hát mưa thưa
Đôi hàng nến đỏ cũng vừa lụn tàn
Phật từ bi ngủ lìm dìm
Ngưng kinh cảm khái ta tìm đề thơ*

★ **BỎ ÁO THIỀN SƯ ĐI VÀO RỪNG**

*Thiền sư nhả khói nhìn mây
Cười vui với cỏ mọc đầy lối đi
Nghe kinh hồi chữ vô vi
Về ôm đá ngủ nhớ gì chiêm bao
Sắc không trên áo đạo bào
Thiền sư cởi áo đi vào rừng sâu...*

Trần Hoàng Vy

THÂN PHẬN CON NGƯỜI

Qua Sartre, Camus, Malraux, Jaspers, v.v.,

✧ Lương danh Môn

«Ce qui pèse sur moi, c'est ma condition d'homme»
(Malraux)

«Có một gánh nặng đè lên tôi; đó là thân phận
làm người của tôi»

LTS ít lâu nay một số sách ngoại ngữ đã được dịch ra tiếng Việt, nhất là các tiểu thuyết và dịch bản của ba nhà văn cỡ lớn Pháp: Sartre, Camus, Malraux. Công trình dịch thuật ấy rất bổ ích và đã góp phần không nhỏ vào việc phong phú hóa nền văn học của nước nhà... Tuy nhiên, những nhà văn nói trên cũng là triết gia nổi tiếng. Một vài tác phẩm như *Lợn giông* (*La Nausée*), *Những bàn tay bẩn* (*Les mains sales*), *Phiên tòa kín* (*Huis-clos*) của Sartre; *Ngộ nhận* (*Le malentendu*), *người khách lạ* (*L'étranger*) của Camus; *Thân phận con người* (*La Condition humaine*) của Malraux, v.v... không đủ để nói lên lập trường tư tưởng của họ; hơn nữa lại có thể đưa đến những nhận xét nhầm lẫn, sai lệch nhiều khi tai hại.

Vì thế *Phương Đông khởi đầu từ số này* một loạt bài trình bày nội dung tư tưởng của Sartre; Camus, Malraux và khuynh hướng văn nghệ gần đây ở Pháp: Khuynh hướng nhìn vào con người để nói lên thân phận bi đát của con người. Sau đó, sẽ có những bài kế tiếp nói về «con người trong văn chương và thi ca Việt Nam» để đối chiếu và so sánh.

Mùa đông 1957, đến Thụy Điển để nhận giải Nobel, Camus đã đọc hai bài diễn văn quan trọng trình bày về ý hướng văn nghệ mới ở Âu Châu.

Ông nói: «Văn nghệ Âu Châu đang lặn bước giữa hai vực thẳm, một bên là phù phiếm, một bên là tuyên truyền. Một bên chối bỏ hoàn toàn thực tại coi văn nghệ là một kỹ thuật trang trí để tìm những thú vui lẻ loi mơ mộng, còn một bên thì lại phải nhận tất cả những gì không phải là thực tế để biến văn học thành một công cụ chính trị».

Theo ông, cả hai khuynh hướng trên — khuynh hướng nghệ thuật vì nghệ thuật và khuynh hướng hiện thực xã hội — đều mang tính cách ngẫu tạo và cùng đi đến chỗ «thủ tiêu văn nghệ».

Người cầm bút hôm nay không còn coi văn nghệ là một thú tiêu khiển, cũng như không chấp nhận văn nghệ biến thành một công cụ phổ biến ý thức hệ. Họ không theo đuổi cứu cánh nào khác hơn là nhìn thẳng vào con người để diễn tả trung thực trạng huống đau thương của con người đang vật lộn với chính mình để dò tìm một ý nghĩa nhân sinh.

Trong cuốn tiểu luận «Văn học là gì?» (*Qu'est ce que la littérature?*), J.P. Sartre cũng đã xác định như sau: *Văn gia thời nay quan tâm trước hết đến việc trình bày một hình ảnh đầy đủ về thân phận con người»*

Thực vậy, văn học Âu Châu từ đầu thế kỷ 20, đã hoàn toàn chuyển hướng thay đổi từ nội dung lập trường đến hình thức và bút pháp.

Thời đại văn chương mô phạm mực thước hay bóng bẩy hoa mỹ — kéo dài trong những thời kỳ trước — giờ đây chấm dứt nhường chỗ cho một khuynh hướng mới: *khuynh hướng «trực tiếp»* (*littérature immédiate*) diễn tả con người đang đối diện và đối thoại với cuộc sống.

Các văn gia không còn mấy chú trọng đến việc vẽ lại cảnh đẹp thiên nhiên hay phác họa những bức tranh sinh hoạt thực tế; Họ không tả cảnh tả tình; cũng không đề cập tới — như ta thường thấy trước đó — những vấn đề tâm lý hay xã hội:

Thay vì tạo nên cho người đọc những cảm quan thẩm mỹ hay những xúc động tâm tình, họ dẫn chúng ta đi sâu vào tâm hồn đầy bí ẩn của mỗi thân vật đang khắc khoải lo âu về kiếp sống.

Mỗi tác phẩm của họ là một chứng tích «thực tại nhân sinh»; một hồ sơ tài liệu ghi lại — giữa muôn vàn sắc thái của cuộc sống — hình ảnh của con người đang quay về chính mình để tra hỏi về thân phận làm người của mình,

«*Thân phận làm người*» (*la condition humaine*) đã hiện ra dưới mắt các nhà văn cận đại qua những màu sắc và với những chiều hướng nào?

Trước hết là màu sắc thống khổ và nổi loạn. Sống là một bi kịch. Nhìn vào bi kịch nhân sinh; mọi người chúng ta, không những xao xuyến

phải âu mà còn nhiều lúc uất hận, muốn vùng dậy đập đổ bốn bức tường phi lý vây quanh kiếp người.

Tiếp tay với trào lưu triết học hiện sinh vừa bộc phát từ đầu thế kỷ, các văn gia đã cùng hòa âm đề nói lên thân phận bi đát của con người đầy chán chường, đau thương và mâu thuẫn xung đột.

«*Từ khai thiên lập địa đã có chán chường*» (Au comme ément était l'ennui): Kierkegaard — triết gia Đan Mạch được coi là chiến sĩ tiên phong của phong trào hiện sinh — đã thốt ra từ cuối thế kỷ trước lời nói trên đề diễn tả «mối sầu vạn cổ» của con người. Phụ họa cùng Ông, Sartre cũng nói tới «*trạng thái phiền muộn sâu xa (l'ennui) bao phủ thực tại nhân sinh như một màn sương giá lạnh*». Trong cuốn tiểu thuyết đầu tay «*La Nausée*», Ông phanh phui một cách xé, với một ngòi bút tế nhị, tâm trạng của anh chàng Roquentin ngồi ở công viên băng khuỷu suy nghĩ về kiếp sống. Anh thấy: cuộc sống của con người và của cả tạo vật đều không mang một ý nghĩa nào cả. Tạo vật mơ hồ (ambigu), dầy đặc (pétrifié), nhầy nhụa (englué, obscène) thừa thãi (de trop); và cả con người nữa, con người cũng chỉ là một «*đam mê vô ích*» (une passion inutile), một «*đang dở thường xuyên*» (une incomplétude permanente).

Tư tưởng của triết gia Heidegger đã tác động sâu đậm vào Sartre, như chính ông công nhận. Theo Heidegger «*hiện hữu chỉ là có sẵn ở đó, thế thôi*» (être, c'est être déjà là); Sartre cũng khẳng định: tạo vật và con người thấy đều ngẫu nhiên (contingent) vô cớ (gratuit). Ông nói: «*Tôi biết tôi hiện hữu và cả thế giới đều hiện hữu... Thế giới bỗng nhiên hiện ra trước mặt tôi trần trụi, vô cớ; tôi uất hận lên vì giận dữ; giận dữ đối với cái vật không lẽ phi lý này*».

Với Malraux, kiếp người không những phi lý, chán chường mà còn là cả một sự «*Kinh hoàng khủng khiếp*» (une épouvante). Ông luôn nhắc nhở đến cái chết bao vây và giới hạn cuộc sống. Ông viết: «*Mọi người đều chết và đều không sung sướng: đó là một sự thực hiện nhiên nhưng lại đề nghị lên chúng ta*»

Jaspers — văn gia và triết gia Đức — còn nhấn mạnh vào trạng huống sau đây: Con người luôn luôn bị dằng xé giữa cái Ta chủ quan (le moi subjectif) và cái Ta khách quan (le moi objectif), như một con ngựa buộc vào hai đầu giây thừng, mỗi đầu giây kéo đi một ngã. Trong khi cái Ta khách quan xô đẩy ta nhìn ra ngoài trường đời thì cái Ta chủ quan lại níu ta quay về với mình, buộc ta đi tìm — nhưng không sao thấy được — cái bóng dáng đích thực của chính mình. Bị kịch nhân sinh

là ở đó : con người bị «dằng xé» (arrachement) đến đòi đoạ tâm cao giữa hai phương hướng, nội tâm và ngoại cảnh.

Camus có một thái độ bình thản hơn. Tuy nhiên những nhận xét của ông cũng không kém phần bi thảm. Không những kiếp người dạt dàng, phi lý, mà cả cuộc sống hàng ngày của chúng ta cũng vô vị, chán phèo. Mọi người đều nô lệ tập quán và thói quen; đều bị ràng buộc và những công thức xã hội cơ giới hóa cuộc sống. Làm việc, ăn, ngủ, chơi... thứ hai, thứ ba, thứ năm... chuỗi ngày thẳng cứ nối đuôi nhau trôi đi theo một nhịp đều đều buồn tẻ. Chúng ta lầm lũi sống theo nhịp sống tự nhiên nhạt nhẽo ấy; rồi bỗng một giờ phút nào đó — mà Camus gọi là giờ phút bừng tỉnh (l'éveil) — chúng ta đột nhiên quay vào chính mình để tự hỏi: ta là ai? ta đang làm gì đây và ta đang sống đây ư? Trong những giờ phút ấy, con người bắn khoả ném dẫu hỏi vào cuộc đời nhưng sự truy vấn ấy cũng không đem lại cho chúng ta một chút gì, ngoài một «*Sự mệt mỏi chán chường pha lẫn kinh ngạc*» (1)

Tóm lại, dù là với bút pháp điều luyện nhưng đầy khinh bạc mà mai của Sartre; dù là với lối hành văn trực tiếp hùng mạnh của Malraux hay nữa với ngòi bút sáng sủa mực thước nhẹ nhàng của Jaspers và Camus các văn gia trong khuyển hướng mới đều lên tiếng mờ xé phơi bày trạng đau thương của kiếp người.

Đúng như một nhà phê bình đã nói : «*họ đồng thanh ném cái bi đi vào trong văn học*»

Văn học Âu Châu trong giai đoạn vừa qua còn một tính cách khác nữa : tính cách *siêu hình*.

Trong cuốn «tổng kết văn học thế kỷ 20», O. Albérès đã nhận xét như sau :

«Vào hồi 1900, văn nghệ chỉ đi tìm đề tài ở bề mặt đời sống xã hội của con người, ở tình cảm của họ, ở những đam mê của họ. Đề tài về nghệ giờ đây vượt xa hơn. Cái thực tế mà các nhà văn nhắm vào là cái thực tế sâu thẳm của các nhân vật. Không phải là tâm hay trí của các nhân vật ấy, mà là điều mà ta có thể gọi là linh hồn của họ, hay nói đúng hơn là định mệnh của họ... Những chủ đề văn học hôm nay đều mang nặng

(1) «Un jour, le pourquoi s'élève et tout commence dans cette lassitude hante d'étonnement»

«nh cách tâm linh siêu hình; chúng gắn liền với thực tại nhân sinh nhưng lại vượt quá tầm nhân sinh».

Tuy «vượt quá tầm nhân sinh», các chủ đề ấy thực ra lại rất quen thuộc với tất cả mọi người. Chúng là những «vấn đề siêu hình muốn thừa» mà từ buổi bình minh của ý thức, con người vẫn nhìn vào cuộc đời để tra hỏi về cuộc đời; là những «thắc mắc hiện sinh» (angoisse existentielle) và xé tâm hồn của chúng ta trong những giờ phút chúng ta khắc khoải suy tư về kiếp sống.

Chính vì phản ánh trung thực tâm tư thâm kín của con người qua những kích thước sâu thẳm nhất nên các tác phẩm văn nghệ mới — mặc dầu có một đối tượng rất cao — đã thu hút được dễ dàng độc giả trong mọi lớp quần chúng. «Tiểu thuyết và kịch bản hôm nay — O. Albères viết — lôi cuốn người đọc vào siêu hình học mà không ai hay biết gì cả, cũng như trong vở «Trưởng giả học làm sang» của Molière, Joudrain vẫn hàng ngày làm văn xuôi mà không ngờ....»

Nhìn từ khía cạnh siêu hình, màu sắc bi đát của thân phận con người lại càng nổi bật thêm lên nữa.

Khuynh hướng văn học mới — Camus nói — «nhằm đánh thức trong mỗi người chúng ta cái hình ảnh thấp thoáng và dai dẳng của một thực tại mà ta nhận ra rất quen thuộc nhưng vẫn chẳng bao giờ gặp được và hiểu được» (1)

Trong cuốn Les Cahiers d'André Walter, Angré Gide cũng đã viết như sau: «Chúng ta là những vai trò bất đắc dĩ trong một vở kịch mà chúng ta chẳng hiểu ý nghĩa ra sao».

Thực vậy, trong bán thế kỷ vừa qua, các văn gia, dù thuộc vào trào lưu hiện sinh (như Sartre, Camus, Malraux...) hay ở trong nhóm công giáo (như Mauriac, Bernanos...), đều cương quyết gác bỏ sang bên không những các đề tài xã hội mà cả các đề tài tâm lý. Thay vì phân tích những diễn biến tâm lý họ chỉ cố gắng ghi nhận — với một ngòi bút sâu xa tế nhị — những «phản hưởng» (résonnance) vang lên trong tâm tư của các nhân vật đang ngổ ngàng sống sót nhìn vào chính mình.

Các tiểu thuyết và kịch bản mới không còn xây dựng như trước đây với một bố cục vững chắc gọn gàng và những lớp lang sắp đặt sẵn để diễn tiến theo một chiều hướng «hợp lý hợp tình». Đồng thời, các

1) Trong bài «Giới văn đọc ở Thụy Sĩ» về Sự mệnh văn nghệ hiện đại.

nhân vật cũng hiện ra — không phải như những hình ảnh quen thuộc thường thấy ở ngoài đời — mà là như những «trò chơi của định mệnh», với một tâm tư luôn luôn thao thức lo âu, và những phản ứng đột ngột bất ngờ nhiều khi đưa đến những hành động điên cuồng. phi lý: như thái độ của bạo chúa Caligula chém giết kẻ ng ngừng tay đề «chống lại sự buồn tẻ của kiếp người»; hay nữa của anh chàng Meurseault khi bị đưa ra trước tòa để lên án về tội sát nhân vẫn thản nhiên ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu hay lơ đãng ngồi nghe tiếng rao bán kem ở ngoài (Trong truyện *Caligula* và *L'Étrange* của Camus)

Cuộc đời của mỗi người chúng ta thực vậy là cả một bí nhiệm. Khoa tâm lý học phôi thai, với những khám phá còn quá mong manh, không thể nào chiếu rọi được đầy đủ ánh sáng vào trong cái «lý lịch tâm càng sâu thẳm» của con người.

Chính vì thế nên chúng ta lúng lúng với sứ mệnh của mình, các vấn đề giờ đây chỉ trình bày mà không thuyết minh; tìm tòi tra hỏi mà không phân tích hay giải đáp.

Dấu hỏi bao quanh cả kiếp người. Cuộc sống lại luôn chầy siết không ngừng trước mắt ta, với muôn ngàn sắc thái dị biệt. Người cầm bút chỉ có thể diễn tả được phần nào thực tại nhân sinh; thu thập được ít nhiều hình ảnh và tài liệu nhân sinh; nhưng không thể nào khám phá được toàn vẹn huyền nhiệm nhân sinh, dù cố gắng đi sâu vào những kích thích bí ẩn nhất nằm trong thân phận con người.

«*Tâm hồn tôi là một thánh đường của riêng tôi*» Thomas Paine đã viết như thế; không một ai có thể hiểu thấu đáo được tâm hồn của người khác, hay nữa cảm thông hoàn toàn được với người khác, dù họ là những người thân yêu nhất của ta.

Dù tin tưởng: chúng một đời một mộng

Anh là anh, tôi vẫn cứ là tôi

(Xuân Diệu)

Và cả ta nữa, ta cũng chỉ là «một khách lạ» đối ngay với ta. Trong cuốn truyện *Le Voyageur sur terre* (Du khách đường trần), Julien Green đã nhận xét như sau: «Ở trong ta nào có xa gì, thế mà lại rất xa, đến nỗi sống trọn đời người cũng không đủ để đi tới đó. Đường như có một phần nào của bản thân ta lại ở ngoài trình độ của ta mà không thể hiểu biết được».

Tuy nhiên, mỗi người chúng ta dù vô tư vô lự đến đâu cũng đều

có những giờ phút bừng tỉnh tra hỏi về thân phận làm người của mình. Chính những lúc ấy là lúc chúng ta nhận thấy tất cả sự phi lý của kiếp sống; là lúc khổ đau nổi dậy, choáng ngập cả tâm hồn ta, giữa những thắc mắc hiện sinh day dứt.

Đưa chúng ta đi sâu vào lòng bi kịch nhân sinh, trào lưu văn nghệ mới lại đã dẫn dắt chúng ta đến gần cả huyền nhiệm nhân sinh.

Tò mò nhân ảnh như người đi đêm... Mặc dầu luôn luôn tra hỏi về kiếp sống, chúng ta vẫn không sao dò tìm được ý nghĩa nhân sinh. Như bầy nai vàng ngơ ngác trong rừng rậm, chúng ta bước đi trên đường đời với «gánh nặng bản thể» (2) trên vai, và trong lòng một nỗi buồn vô hạn đầy ưu tư khắc khoải chán chường.

Cuối thế kỷ trước, Marcel Proust đã viết : *«Vinh quang của nghệ thuật chân chính là ở chỗ tìm lại được và cho ta nhận thấy cái thực tế tối quan trọng là cuộc sống ngay trong ta»*

Cuộc sống ngay trong ta : đó là đề tài chủ yếu, đối tượng sưu tầm của khuynh hướng văn nghệ mới.

Thực ra những tiếng kêu than về thân phận con người đã vang lên tự ngàn xưa trên khắp nẻo đường nhân loại, dù là ở Tây Phương hay Đông Phương. Trên văn đàn cũng như trong đáy lòng thâm kín của chúng ta, cung đàn bạc mệnh vẫn réo rắt đầu dây, lúc ai oán sầu thương khi bằng khuông tiếc nhớ, để nói lên tâm trạng bi thảm của con người trước cuộc sống (3)

Những tác phẩm văn học giờ đây cũng vẫn là những tiếng kêu náo nùng muôn thuở, những «đoạn trường tân thanh» diễn lại — với một bút pháp mới và theo một chiều hướng mới — cảnh huống đau thương của con người.

Tuy nhiên, dẫn dắt người đọc vào giữa lòng bi kịch nhân sinh các

2) **Poids ontologique** : một danh từ mà Jaspers thường dùng để trình bày Triết học của Ông.

3) Sau loạt bài về «thân phận con người trong văn học Âu châu» cũng sẽ có những bài kế tiếp trình bày về «con người và cuộc đời trong thi ca và văn học Việt Nam».

vẫn gia hóm rày không phải chỉ có chủ đích mờ xẻ phanh phui «bộ mặt thâm kín của con người đang knắc khoai lo âu nhìn vào kiếp sống. Họ không ngừng lại ở những suy nghiệm tuyệt vọng về thân phận làm người của chúng ta; trái lại đồng thanh hô hào chúng ta vượt lên trên đau khổ chán chường để nhào nặn lấy đời mình, tự tạo ra cho mình một lẽ sống, một đường đi, hay ít nhất một lối thoát.

Sartre viết: *«Cuộc sống chỉ bắt nguồn từ bên kia bờ tuyệt vọng»* (4) Mỗi người chúng ta là một «chủ thể tự do». Mặc dầu thân phận dở dang đầy mâu thuẫn và xung đột, mặc dầu ý lực tự do chỉ là những đốm lửa mong manh giữa bóng tối âm u vây bọc kiếp người chúng ta — khách lữ hành muôn thuở (5) — vẫn phải bước vào trường đời, không thể ngừng lại được dù trong giây phút. Chúng ta hãy cùng nhau dấn lên khổ đau mà «dấn thân nhập cuộc», cương quyết thể hiện cuộc đời độc đáo của mình,

Malraux — như đã nói — luôn luôn diễn tả trong các tác phẩm của Ông những người «chùng» lao mình vào giữa hiểm nguy để thách đố với tử thần và định mệnh, nhằm *«chối bỏ hư vô của kiếp người và biện minh cho sự có mặt của mình trên trái đất»*. Trong cuốn *La Voie Royale* (Đường vào Vương quốc). Parken — một nhân vật chính — tâm sự như sau với người bạn đồng hành: *«Tử thù của chúng ta là thời gian kia vẫn là là đi tới. Tôi muốn chống lại sự chết; chống lại sự chết để tìm ra lẽ sống»*

Malraux còn nói: *«Kiếp người không có một giá trị nào hết; nhưng cũng không có giá trị nào hơn là một cuộc đời.»* (6)

Camus cũng tuyên bố: *«Tôi luôn luôn cho rằng thế gian này không có một ý nghĩa cao cả nào hết. Nhưng tôi biết có một cái gì có ý nghĩa: đó là con người, vì chỉ có con người là đòi hỏi mọi việc phải có ý nghĩa. Thế gian này ít ra cũng có sự thực của con người.. Con người phải thể hiện công lý để chống lại bất công ngàn đời, tạo ra hạnh phúc để đối kháng cùng đau khổ»*

4) «La vie commence seulement de l'autre côté du désespoir»

5) Homo viator : một danh từ mà Garibel Marcel thường nhắc tới để diễn tả nỗi đau thương của con người vẫn phải sống, phải bước vào trường đời mà không sao tìm được một ý nghĩa cho kiếp sống.

6) «L'avie ne vaut rien mais rien ne vaut une vie»

áo la (7)

Các văn gia trong khuynh hướng mới đã tóm thâu lập trường trong những đoạn văn vừa ghi lại trên đề đồng thanh gửi đến cho chúng ta một thông điệp đầy hào hứng và nhiệt tình :

«Sống là ý thức về cuộc sống. Mọi người chúng ta hãy vùng dậy, nhìn thẳng vào thân phận đau thương của kiếp người để can đảm nhận lãnh — với một ý thức sáng suốt — trách nhiệm làm người, hơn nữa vinh dự làm người của mình»

7) «Je continue à croire que ce monde n'a pas de sens supérieur. Mais j'ai saisi que quelque chose en lui a du sens et c'est l'homme, parce qu'il est seul à exiger d'en avoir. Ce monde a du moins la vérité de l'homme... L'homme devait affirmer la justice pour lutter contre l'injustice éternelle ; créer du bonheur pour protester contre l'univers du malheur»



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH



Nếu con

* Nguyên tác ; André Maurois

Dịch giả ; Hoàng outh D.V.

NẾU CON

Trong cuộc sống như là trong canh bạc
gặp không may, chỉ một thoáng mà thôi
sự nghiệp bao năm phút chốc tan rã
con không khóc, không than, không rên siết
không tuyệt vọng, buồn phiền, nhưng cương quyết
vững một lòng gầy dựng lại ngày mai
dù khó khăn, dù đầy những chông gai
ay trở lại, lại bày ngay keo khác tiếp.

Trong tình yêu, con yêu thương tha thiết
nhưng gìn lòng, không thả bạo cuồng điên
con, người trai hùng sức mạnh vô biên
mà vẫn thật dịu hiền trong tử cách.

NẾU, trên đời gặp muôn ngàn thử thách
bị lọc lừa phản trắc, bị hãm oan
con thản nhiên, không thù oán giận hờn
chỉ thận trọng giữ gìn và tha thứ.

*Miệng người thề, NẾU khát khe độc dữ
lời thì phi xuyên tạc, có ghét ghen
không phân trần, không một tiếng trách phỉ,
con riêng ự biết lòng con là đủ.*



*Giữ tư cách luôn đàng hoàng nhã nhặn
dù cao sang vẫn xử sự hiền hòa
con mến thương đều các bạn gần xa
không phân biệt ai là khinh, ai trọng.*



*Con suy tư, con đắn đo, mơ mộng
nhưng mộng mơ không làm chủ lòng con
con không màng đến những chuyện viễn vông
mà thận trọng xét suy và hành động.*



*Trong mỗi việc làm, trong từng cử động
không kiêu căng, không lên giọng dạy đời
dù có công giúp đỡ được người
nhưng ơn ấy chẳng mong người đền đáp.*



*Dù thành công đến sau liền thất bại
hoặc cả hai, Thành và Bại đến chung
vững tình thần con vẫn cứ ung dung
không điên đảo, giận mừng như thiên hạ.*



*Được như vậy mới thật là xứng đáng
sống ra người giữa Vũ-Trụ bao la
làm chủ muôn loài, vinh hiển cao xa
con đáng được gọi là CON YÊU CỬA-MẸ...!*

Đặc Biệt liên hệ Gia Đình Gia Tộc

Hành hương tây trúc mới

(Tiếp theo)

* *Hoành Sơn Hoàng sỹ Quý*



Sau bốn ngày thăm viếng tiểu bang Orissa, tôi trở lại Calcutta, chờ ngày đáp máy bay đi Vọng-Các. Các đền chùa ở Calcutta không còn để lại vết tích gì, nên muốn tìm hiểu văn hóa Bengla, một trong những phương tiện còn lại là nghệ-thuật sân khấu. Calcutta tuy nghèo, nhưng các rạp tuồng và xi-nê vẫn đông nghẹt người chen lấn nhau mua vé. Há Siva chẳng phải là vua nhảy múa, Visnu sáng tạo trong giấc mơ, và tô tạc vũ-trụ với Brahman chỉ là trò «chơi đờn» (līlā) đó ư ? Thần thánh của Ấn đã là nghệ-sĩ, thì hẳn người

Ấn phải là vua nghệ-sĩ dứt đi rồi.

Coi Văn nghệ

Ngày mồng 6 tháng 9, tôi đi tìm nghệ-thuật và giả tưởng ở Ấn tại rạp Rabindra Sadan, một rạp hát khá tối tân, vừa cao rộng lại có máy điều hòa. Phía trước nhà, còn có cả một cái sân làm bằng móng, do những vòi nước phun lấp loáng muôn màu trong đêm tối.

Chương trình bữa ấy là một chương-trình văn nghệ, với đàn ca và múa. Nói đến múa Ấn, nhứt là múa Bharat Natyam là tôi mê rồi. Múa cổ điển bên Ấn, có hai truyền thống chính yếu là Katha Kali và Bharat Natyam. Katha Kali thuộc miền Bắc, được dùng trong tuồng kịch tôn-giáo và là của đàn ông. Còn Bharat Natyam là của đàn bà và được dùng trong các đền chùa Nam Ấn.

Chương trình văn-ngệ bắt đầu từ 6g30 chiều, và theo lời khuyên của bạn hữu, tôi phải mua vé một ngày trước.

Vì không háo hức lắm với ca nhạc, nên mãi gần giờ khai-mạc tôi mới tới. Suốt trong hai giờ đầu, chương trình chỉ gồm toàn đơn ca và ngâm thơ bằng tiếng Bengla (Bengal) mà tôi không hiểu. Một cái sập nhỏ kê trước một tấm phông với một ca-si và một người đập trống

ngồi trên ¹, tất cả chỉ có thể. Ca-sỹ ngồi sắp bằng tròn với một thứ đàn Harmonium đặt trước mặt ². Ông dùng một tay bóp thùng hơi, và tay kia lướt êm trên hàng phím ngắn, trong khi miệng thì ca những bài tràng giang đại hải. Còn trông thì người ta gõ ~~tắc~~ ^{bộp} bằng ngón và cùi tay trên hai thứ trống khác nhau, trống bộp mình bẹt và mặt to bằng coi trầu, trống tắc mình cao và mặt nhỏ bằng bàn tay.

Theo chương trình thì cô vũ nhạc Bharat Nanyam, và đó là cái mà tôi có thể hiểu cũng như có thể ham. Không may, ngồi ngáp dài với mấy bài hát tiếng Bengla mãi cho đến 8g40 mà vẫn chưa thấy múa mấy chi cả, nên tôi đành rút lui có trật tự. Ra đến cổng, tôi gặp người gác chìa cho một tấm vé. Đây là vé đôi, mỗi người khi ra nửa chừng lấy một cái, để về nhà ăn cơm rồi, họ sẽ đến dự tiếp. Sở dĩ phải làm như thế, là vì mỗi buổi trình diễn văn-nghệ dài cả năm bảy tiếng chứ đâu có ít. Với tôi, thì kiên nhẫn đến đây là hết mức rồi. Mấy năm Yoga chưa đủ biến tôi thành một pho tượng đá vô cảm giác trong chùa Ấn, hay một hành khất ngồi ngáp dài suốt cả ngày ở đầu đường, hay ít nữa một đức Phật sống, nóng cũng như lạnh, khổ cũng như sướng không cần đến phân biệt nữa.

bên Tàu và chày qua Lào sang đến ta. Tuồng kịch Ấn, tôi đã có lần coi thử ở Théâtre des Nations, Ba-lê, sơ sơ mất bốn tiếng đồng hồ. Còn xi-nê thì trung-bình mỗi phim ba giờ, nghĩa là cắt đôi làm được hai phim của Việt-Nam ngày nay.

Antoine và Fallon, hay là Đạo rơ khỏi pháo đài.

Sáng ngày mùng bảy, tôi đến thăm một linh-mục đồng tên nổi tiếng, linh-mục Antoine, tại nhà của cha ở Sānti Bhavan gần Kali ghat. Cha ở với bảy tám sinh viên trong một ngôi nhà hai tầng và tại một ngõ hẻm chật hẹp. Ngài có M.A. về Sanskrit và Ngài dạy Sanskrit ở Đại-học, nên lương của Ngài đủ để nuôi sống chính Ngài và giúp đỡ phần nào cho các sinh-viên sống chung với Ngài. Sống với họ, ngài gắng làm cho họ hiểu thêm về văn-hóa Ấn và yêu thích văn hóa ấy.

Sứ mệnh của cha Antoine không phải chỉ thu gọn trong số mấy người sinh-viên. Sở dĩ cha Antoine chọn Kali Ghat, là vì dân chúng Calcutta tập trung ở đấy ! Calcutta là giang san nữ thần Kali, và tại đó, chỉ có hai đền thờ, một ở phía Bắc nơi Ramakrishna sinh sống, và một ở phía Nam, chỗ Kali Ghat này, tất cả đều thờ Kali.

1) Cả hai toàn là đàn ông.

2) Thứ harmonium được biến chế riêng cho người ngồi sắp bằng tròn dùng.

Phải nói rằng bên Ấn, dù tuồng kịch hay chớp bóng, ca hát hay múa nhảy, cái gì cũng dài lê-thê như con sông Cửu-Long bắt nguồn từ

Đền Kali ở đây rất nhỏ, tọa lạc bên một cái ao cũng rất nhỏ, và bồn lại càng tẻ hơn. Cả khu đền chỉ lớn chừng năm trăm thước vuông, nhưng lúc chúng tôi tới, vào một giờ rất thong thả của một ngày cũng rất thong thả, đã thấy cả ngàn người chen chúc nhau và quang cảnh hết sức náo nhiệt. Ngay trước cửa đền chính, thấp vừa đầu người, hàng trăm thiện nam tín nữ nối đuôi nhau chờ, giỏ hoa xách sẵn trong tay. Ở mé phải, một căn nhà mở thông bốn mặt, với chừng ba chục thầy bà-la-môn cỡi trần ngồi rải rác bên trong, với một sợi giây bắt chéo trước ngực. Trước mặt từng người, bày la liệt nào giỏ hoa, nào vè nước, nào văng than hồng, cùng với một mẹt chanh, dứa và các thứ trái cây khác. Có thể còn có thêm cây đèn đồng hay một vài que hương nữa. Thịnh thoảng cầm vè nước thánh, các thầy bà-la-môn tưới lên hoa, không biết để hoa thiêng thêm hay là để hoa khỏi héo. Và một lúc nào đó, một thầy tay cầm chuông rung từng mấy tiếng mặt, trong khi tay kia khoa cây đèn năm ngọn thành vòng tròn trước mặt. Cùng lúc ấy, một thầy khác cầm cây hương vung lên vung xuống như kiểu xông hương của Hy-lạp.

Chính ngay gần bên khu đền rất bình dân, đông ngẹt những người ấy, mà cha Antoine đã đến ở và ở lâu năm rồi. Cha là bạn thân của khối người Ấn rất «Ấn» ấy, và có người còn coi cha như guru (sư-phụ) của họ nữa. Trong những dịp hiểu

hỷ, người ta có thể mời cha đến và cha sẽ ứng khẩu một bài thuyết pháp, một vài lời kinh hay một đoạn thơ cầu nguyện của thi hào Tagore. Có khi cùng với cha, còn có một hai thầy bà-la-môn nữa, và ai nấy cầu nguyện hay làm các nghi lễ của tôn giáo mình.

Như thế, lối sống của linh-mục Antoine là hòa mình vào quần chúng thuần túy Ấn, khác với lối sống «pháo đài» của Ky-tô-giáo từ trước đến nay tại đây. Có điều lối sống này, cũng như của linh-mục Deleury và Lederle tại Poona, không còn là thoát tục theo kiểu tu sĩ Ấn và theo vết chân của De Nobili cũng như của Monchanin. Và cũng vì thế nên tôi lên tiếng phỏng vấn cha :

— Thưa Cha, hai lối sống đối thoại : chiêm niệm của cha Monchanin và Le Saux, vào đời của cha Fallon, Deleury và của Cha, lối nào thích hợp hơn và thành công nhất ?

Cha chậm rãi trả lời :

— Phải thú nhận rằng lối sống của hai cha Monchanin và Henri Le Saux cho tới nay chưa mang lại một kết-quả rõ rệt nào. Ấn-độ bây giờ không còn là Ấn-độ chiêm niệm nữa. Cố nhiên, đời sống chiêm niệm thoát tục vẫn được coi là tốt đỉnh của đạo. Và suốt cho đến nay, vì lý do đó, nên Công giáo vẫn chưa được người Ấn nhìn với cặp mắt kính trọng như đối với một đạo chính cống (authentique). Người

ta chỉ thấy Công giáo như một tổ chức hoàn bị và một cơ sở xã hội, giáo dục, chỉ thế thôi. Tính cách siêu thế của đạo Công giáo chưa hề hiện sáng lên trước con mắt người Ấn, nên người Ấn chưa cảm thấy cần đến Đạo. Sự thể hiện tính cách siêu thế của Đạo vẫn còn cần thiết ngày nay, nhưng đây là một công việc thuộc ảnh hưởng chiều sâu, nên đòi nhiều kiên nhẫn, không cốt ở những kết quả mau chóng và nhãn tiền.

Tiếp đó, linh mục Antoine bắt đầu «tấn công» Giáo hội Công giáo :

— Giáo hội cho tới nay vẫn giữ nguyên hình một giáo phái (a religious sect). Đáng lẽ Giáo hội phải xuất hiện như một môi trường yêu thương, mà ở đó mỗi dân tộc và văn minh tìm thấy cái gì là đỉnh lý tưởng của chính họ. Nhiệm vụ Giáo hội không phải là làm phép rửa cho 490 triệu người Ấn còn lại, mà làm cho 490 triệu người ấy tìm thấy nơi Công giáo một miếu đường, một gia đình Thiên Chúa. Dừng lại ở Phép Rửa, chúng ta đã dừng lại ở tổ chức (institution) và nhãn hiệu. Vấn đề không phải là đội nước, mà là làm cho người Ấn giáo sống tốt hơn, gần với Phúc âm hơn.

Chúng ta nên nhớ, Calcutta là xứ truyền giáo của Dòng Tên Bỉ. Giữa năm triệu người Calcutta, vắn vạ có mấy vạn người Công giáo, hầu hết từ miền Kerala và Goa tới, sống biệt lập và xa những khu dân cư Ấn. Còn mấy ông cha, bà sơ thì đóng kín trong những trường học

nguy nga lộng lẫy, mà trong đó đời sống hoàn toàn xa lạ với phong tục Ấn. (1)

Trước đây mấy chục năm, linh mục Johanns, một linh mục Dòng Tên rất uyên bác về triết học Vedānta và tiếng Sanskrit, đã muốn mở đầu cho phong trào trở về với văn minh Ấn. Tiếc thay, chung quanh không có ai theo Ngài, trừ một vài đệ tử như Antoine và Fallon. Rút cuộc, Johanns đã bị tống cổ về Bỉ và chết ở đó.

Nhớ lại cuộc đời Johanns và tránh nghĩ đến chính mình, linh mục Antoine quay sang chỉ trích tinh dòng của cha, nhất là phần nản về thái độ của linh mục Giám tỉnh đối với cha. Trước đây, Antoine cũng đã làm giám tỉnh, và chỉ vì không thể chấp nhận lẽ lối làm việc của tỉnh dòng, nên cha xin từ chức. Ngờ đâu ông Giám tỉnh mới, một bạn thân của cha, lại muốn mời cha đi khỏi Ấn-độ vì sợ các tư-tưởng ráo bạo của cha. Một lần kia, ông giám tỉnh đề-nghị với cha :

— Cha Antoine ạ, cha biết về Ấn-độ nhiều lắm, cha có thể dạy về Ấn-độ ở bên Bỉ đây.

1. Có lẽ cũng kiểu như một trường học của các bà sơ Mỹ ở Manila, mà linh mục Bulatao dòng Tên cho biết rằng : Có tới 70 phần trăm nữ sinh Phi, tốt nghiệp ở đó ra, đã lấy Mỹ hoặc sang Mỹ sinh sống, vì cảm thấy gần gũi Mỹ và xa lạ đối với xứ sở của mình.

Hiều câu nói đuôi khéo đó, cha Antoine thẳng thắn trả lời :

— Chỗ ở của tôi không phải là Tây Phương, và dạy Ấn học bên Tây không phải là ơn thiên triệu của tôi. Nếu cha bắt tôi bỏ Ấn, thì cha đã dồn tôi vào một ngõ bí, bắt buộc tôi phải làm một chọn lựa : chọn lựa giữa một bên là cái «tổ-chức» (institution) và bên kia là chính tiếng gọi bản thân của tôi.

Mười ngày trước khi gặp linh-mục Antoine, tôi đã đến thăm «đồng chí» của cha là linh-mục Fallon trong một bệnh viện mà ngài đương điều trị từ một tuần nay.

Cha Fallon cũng trạc ngũ tuần như Antoine, và cũng như cha Antoine, cha gầy bồng và có vẻ khác khò. Suốt một giờ rưỡi, cha đã nói liên miên với tôi về đời sống và những kinh-nghiệm của cha.

Cha Fallon sang Ấn đã hơn ba mươi năm. Hồi đầu, cha có ý lấy bằng tiến-sĩ triết Ấn, nhưng rồi theo lời khuyên của linh-mục Jahanns, cha bỏ đi học tiếng Bengali tiếng nói riêng biệt của miền Bengla (Bengal). Lý do là vì tiếng Bengali là một ngôn ngữ văn chương, và văn hóa cũng như tôn giáo Bengla có một sắc thái đặc biệt. Riêng người công giáo Bengla, thì quê hương họ lại không phải là Bengal (họ là người miền Nam lên) chưa nói đến thứ hình thức tôn giáo tây phương mà họ đương sống.

Tuy muốn hòa đồng với người Bengal, nhưng phải chờ đến năm

1949, cha Fallon mới có thể bỏ nhà cha sở mà tới sống trong một gia đình Ấn. Khi ấy, Ngài đã dạy M.A. về văn-chương Bengali và dạy Pháp văn ở đại-học.¹

Dần dần, cùng với linh-mục Antoine và mười sinh viên Ấn, cha đến lập một nhà riêng ở Kali-Ghat, một thời gian sau, Ngài để cha Antoine ở lại Kali Ghat còn Ngài lên phía Bắc sống trong một gia đình người Bengal. Dân chúng ở Bắc Calcutta đông hơn và bảo thủ hơn là ở Kali Ghat. Tuy cha Fallon là người Tây, lại Công giáo và dòng Tên, nhưng họ vẫn chấp nhận như người nhà hay ít là người của khu vực. Họ càng mến cha hơn khi thấy cha linh lương, giáo sư về, tiêu còn dư đều mang ra giúp đỡ những người cùng túng. Tuy giúp đỡ người khác, nhưng không bao giờ cha lợi dụng ưu thế để truyền giáo. Phải, cha Fallon không coi việc làm phép rửa là quan trọng, dù chính cha cũng đi rửa mấy chục người. Ngài hết sức phản đối những chức sắc trong Giáo hội chỉ biết đánh giá công việc của người dưới quyền bằng những con số, con số của kẻ chịu phép rửa.

Hơn nữa Ngài muốn rằng công giáo phải biết khiêm tốn nhận xã-hội này như một xã-hội đa giáo, và tập đề biết sống giữa xã-hội đa giáo ấy.

Kỳ sau : Cảm nghĩ về chuyến đi

1) Sở dĩ cha không dạy tiếng Bengali, là vì sợ chạm tự-ái quốc-gia người Ấn.

ĐÔNG Y VÀ NAM DƯỢC

Trong việc trị liệu Bệnh Tiểu Đường

✧ Đỗ Đình Quân

Tiểu đường (I) hiện nay vẫn bị coi như một bệnh nan y, vì chưa có thuốc nào khả dĩ chữa khỏi hẳn được. Lượng người mắc càng ngày càng nhiều, nên bệnh này là một điều lo ngại lớn cho nhân loại nói chung và giới y dược nói riêng.

Ở Việt-Nam, dân chúng rất sợ bệnh đái đường, gọi là bệnh «nhà giàu», trong nhà lớn có người mắc, đó là mối nguy-hiểm đe dọa gia đình hết sức trầm trọng. Thuốc men trị liệu toàn loại đắt tiền, phải uống liên tục trường kỳ hàng tháng, nước tiểu và máu phải thử nghiệm luôn để biết rõ biến chuyển của bệnh, ăn uống chẳng bao giờ thấy no mà lại kiêng khem, nên ăn nhiều thịt càng ít cơm càng tốt. Trong thời buổi kinh-tế khó khăn, vật giá leo thang không bỏ bằng chân tay mà di chuyển bằng hỏa tiễn, thuốc tây phân đông ít ai mua cả hộp, thường mua lẻ từng viên, kiểu mua này rất thịnh hành, vừa tránh được sự xa xỉ (khỏi bệnh mà thuốc vẫn còn dư) vừa đỡ mang tiếng «đầu cơ tích trữ»; thử nghiệm y-khoa có người suốt đời hầu như chưa thử một lần nào, vì ngại tốn kém cùng đi lại mất thì giờ; vấn đề thật đa số các gia đình chỉ dám thực hiện xuân thu nhị kỳ, lúc ăn cũng nhăm nháp lấy hương vị theo đúng thánh nhân đã dạy

«người quân-tử ăn chẳng cầu no», bởi vậy tiểu đường quả là một hiểm họa. Mặt khác như những nước đang mở mang, giáo dục y-tế chưa phổ biến sâu rộng trong quần chúng, thường lúc đầu bệnh nhân tưởng triệu chứng của bệnh do làm việc quá nhiều hoặc những bệnh khác gây ra, sợ tốn tiền theo sự phỏng đoán tự chữa lấy, khi phát giác được căn nguyên thì hầu hết có đưa vào nhà thương cũng đã quá chậm rồi. Do đó một số lớn bệnh nhân quay về chữa bằng đông y nhất là thuốc Nam cho hợp túi tiền, ít bị phiền phức, cầu may có khi khỏi.

ĐÔNG-Y

Từ thuở xa xưa, Trung-Hoa đã biết đến bệnh này, căn-cứ vào triệu chứng người mỗi ngày một hao mòn gầy gò ốm yếu và khát nước, gọi là chứng *tiêu khát*. Qua bài Hán-cung tứ (a) của Lý-thương-Ẩn (3),

- 1) Diabète sucré : đái đường.
- 2) Khúc hát Hán-cung, Lâm bùi này ý tác giả muốn khuyên can vua Đường đừng quá ham mê đạo thần tiên (vì chẳng ích lợi gì) mà bỏ bê việc triều chính.
- 3) Tự Nghĩa-Son, hiệu Ngọc-Khê, quê ở phủ Hoài-Khanh tỉnh Hà-Nam, sinh năm 813, mất năm 858, đậu Tiến-Sĩ năm 837, giữ chức Hiệu-thư-Lang-

danh sĩ đời Đường, ta thấy bệnh tiêu khát đã hoành hành trong đám quan chức ở triều đình vua Hán-Vũ-Đế (140-86t TL) và nước cam lồ của bà Tây-Vương-Mẫu cũng chữa không được.

Thanh tước (4) tây phi cánh
vị hời.

Quân vương trường tại Tập
linh đài. (5)

Thị thần tối hữu Tương-
Nhu (6) khát.

Bất tử kim hành (7) lộ
nhất bôi.

Dịch-nghĩa :

Chim xanh bay về phương
tây chưa thấy trở lại.

Nhà vua ở mãi trên đài Tập-
linh.

Quần thần có nhiều người
mắc bệnh tiêu khát như Tương-Nhu
Sao vua không ban cho một
chén nước sương lấy ở mâm vàng.

Tương truyền chính Hán-Vũ-Đế cũng mắc phải bệnh tiêu khát, thuộc loại trung tiêu, ông sống không phải nhờ thuốc trường sinh của thần tiên, mà do uống một toa thuốc gồm 6 vị : Thạch-địa, Sơn-thu nhục, Phục-linh, Đan bì, Trạch-tả, Sơn-dược.

Đó chính là bài thuốc nổi tiếng của Đông-y, *Lục vị hoàn* hay *Lục vị địa-hoàng thang*, được định danh vào đời Tống (962 — 1279) bởi Tiến-Ất (8)

một danh y chuyên về nhi khoa, bằng cách bỏ quế và phụ-tử của bài *Quế phụ bát vị hoàn*.

Nguyên nhân bệnh, sách *Tổ-vấn* tức *Nội-kinh*, tiền Kỳ-bệnh luận viết : ăn nhiều đồ béo ngọt, chất béo gây ra nội nhiệt, ngọt làm ra trung mẫn, khí sẽ tràn đầy lên trên, tạo ra tiêu khát ; sách *Linh-khu* (9), tiền Ngũ-biến nói đại-y : tiêu khát do 5 tạng (10) nhu nhược, hay

(4) Đời Hán Vũ-Đế, từ phương Tây có 2 chim xanh bay lại, đậu trên nóc cung Thừa-Hoa, Vua hỏi Đông-phương, Sóc. Sóc đáp đó là sứ giả của bà Tây vương-Mẫu, quả nhiên một lát Vương-Mẫu tới có 2 thị nữ áo xanh theo hầu,

(5) Đài do Hán-Vũ-Đế xây ở Trường An, theo lời khuyên của Tây-vương-Mẫu, để cầu thần tiên giáng hạ và hứng nước cam lồ.

(6) Tư-mã Tương-Nhu, tự Trường-Khanh, người phủ Thành-Đô tỉnh Tứ-Xuyên, giữ chức Trung-Lang tướng, bấy tôi yêu của Hán-Vũ-Đế chết vì bệnh tiêu khát.

(7) Mâm vàng trên đài Tập-linh hứng nước sương sao Bắc-đẩu rỏ xuống, dùng làm thuốc trường sinh.

(8). Tự Trọng-Dương, quê ở Tiền-Đường tỉnh Triết-Giang. Tác-phẩm có : *Thương-hàn chỉ-vi luận* và *Tiểu-nhi khoa*.

(9). Sách *Tổ-vấn* và *Linh-khu*, tương truyền do vua Hoàng-Đế (2697—2637 tTL) cùng các bảy tôi soạn ra.

(10). Tim, gan, tỳ, phổi, thận.

tê-giận hoặc uống nhiều rượu gây ra.

Cơ nguyên bên trong y lý cổ truyền thuyết minh : 2 cơ quan chủ yếu gây ra bệnh là *tỳ* và *thận*, tức *hệ*-*hên* âm dương và *tiên*-*thiên* âm dương, tiêu khát do *tỳ* khí hư nhược và *thận* thủy suy. *Tỳ* thổ hư, mộc khắc thổ, gan mộc thịnh, can hỏa bốc lên, thực hỏa xâm nhập *tỳ* bao tử cùng phổi. *Thận* thủy suy, mệnh-môn hỏa phù du xung nghịch lên trên và tâm hỏa vọng hành (11). *Nội-kinh*, thiên *Nghịch*-*điều*-*luận* viết : « Tâm di nhiệt vu phế truy.n vi cách tiêu thị giả » nghĩa là tìm di nhiệt vào phổi truyền đơn thượng tiêu vậy, nên phổi sẽ nhiệt và hỏa của tam-tiêu trở nên mãnh liệt. Qui nguyên cả hai lý do bệnh này thuộc hỏa luận, chính bởi điều này người Việt nghĩ rằng nên uống thuốc Bắc hoặc thuốc Nam vì thuốc Tây nóng.

Tỳ hư : không ước thúc được chất ngọt nên nước tiêu có đường (vị ngọt thuộc *tỳ*), chân tay yếu sức (chân tay là ngọn của *tỳ*), 5 tạng sẽ trở nên nhu nhược (các tạng khác đều bẩm thụ khí của *tỳ*), ăn nhiều không no chán (*tỳ* chủ tiêu-hóa và ngũ vị từ đó xuất ra), người gầy ốm không sinh ra thịt (*tỳ* chủ về bắp thịt). *Thận* thủy hư : nước tiêu đục và đái luôn, vành tai đen (thận khai khiếu ở tai và sắc đen), phiền táo khát nước (tinh kiệt thủy khô), Tâm hỏa vọng hành : lưỡi đỏ (tim khai khiếu ở lưỡi), ngủ không ngon hay trằn trọc (tim chủ thần), mồ hôi đỏ ra (dịch trấp của tim là mồ.hôi). Phổi chủ khí điều hòa khí

huyết và sự nhiệt, vì hỏa khắc kim, tam-tiêu là vị quan coi về sông ngòi thủy đạo từ đó xuất ra, vậy phổi và tam tiêu táo nhiệt tất tân dịch khô ráo nên thích uống nước. Chữa trị tổng quát phải dùng các vị : thanh hoà bồ tỳ, tư thận thủy, an tâm, nhuận phế. Khi thực hành trị liệu Đông-y căn cứ vào vị trí của tam tiêu (12) đối với ba tạng phổi *tỳ* thận, chia ra làm 4 loại :

—*Thượng tiêu* hay *phế tiêu* : Lưỡi đỏ, yết hầu nóng như lửa đốt, đêm ngày đều rất khát nước. Trị dùng các bài thanh hỏa nhuận mát phổi, thông khí huyết, dưỡng phế khí như : Nhân-sâm-bạch-hồ thang (Sinh thạch-cao 8 chỉ nghiền nát, Tri-mẫu 3 chỉ, Cam thảo một chỉ, Ngạnh mễ 100 hột, Nhân sâm 4 chỉ 5 phân, sắc nước uống), hoặc bài Mạch môn ẩm tử (Mạch-môn, Nhân sâm, Tri-mẫu, Phục-linh, Phục thần, Sinh-địa, Ngũ vị, Qua-lâu-cần, Cát-cần, Cam-thảo, Trúc-diệp). Khoa chẩn cứu dùng tả pháp với các huyết-vị : Phế-du, Xích-trạch (thanh tiết hỏa ở thượng-tiêu) ; Thiếu-thương (thanh phế khí và thoát nhiệt của 5 tạng) ; Kim-tân, Ngọc-dịch (thông khí huyết làm tân dịch dễ chuyển-vận lên trên).

(11). Bình thường hỏa ở tim và thủy ở thận làm thành 1 trục, thủy hỏa Ký-tế, hỏa tim giáng xuống, thủy thận bốc lên

(12). 1 phủ trong 6 phủ (bao tử, mật, ruột-non, ruột-già, bàng-quang, tam tiêu)

—**Trung-tiêu** hay *tỳ-tiêu*: ăn nhiều nhưng dễ đói, không sinh cơ nhục miệng khô thích uống nước tiểu tiện như nước vo gạo, nước tiểu ngọt nhiều, đại tiện khô cứng. Trị tả tỳ vị nhiệt, bỏ tỳ khí, thăng tỳ khí, dùng bài: *Điều-vị thừa khí thang* (Đại-hoàng tỳ rượu 4 chỉ, Cam thảo chếch 2 chỉ, Mang-tiêu 4 chỉ, nhớ hai vị trên sắc được rồi gạn bỏ bã, nước sắc cho Mang-tiêu đun sôi bắc ra ngay, uống hơi ấm), hay *Tiền-thị-Bạch-truật tán* (Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Cam-thảo, Mộc-thông, Cát-Cá h, Hoắc-hương, Củi-xác, Sài-hồ, Ngũ-vị, sắc với nước uống), hoặc *Phù tỳ bỏ trung thang* (Chích thăng-ma 3 chỉ, Ôi cát-căn 3 chỉ, Chích hoàng-kỳ 3 chỉ, Nhân-sâm 3 chỉ, Sơn-được 3 chỉ, Biền-đậu-y 3 chỉ, Sinh-bạch-truật 3 chỉ, Chích cam-thảo 3 chỉ, sắc với nước). Khoa châm-cứu dùng tả pháp với các huyết-vị: Tỳ-du và Đại-độ (tả tỳ nhiệt), Trung-quản (13) và hãm-cốc (tả hỏa ở bao tử), Thuy-đạo (thanh tiết âm dương cùng trị nhiệt kết ở tam-tiêu).

—**Hạ-tiêu** hay *thận-tiêu*: Đái: hoải, có cảm tưởng uống vào bao nhiêu đi ra bấy nhiêu, vành tai khô đen, phiền táo, khát nước, mắt và mặt gầy hóp lại, nước tiểu đục nhớt như nước mỡ. Trị tư thận thủy, thanh hỏa ở hạ tiêu, bỏ thận hư bài: *Thận-tước thang* (Sơn-được Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Thăng-ma, Ích-tri-nhân, Câu-kỷ, Ngũ-vị, Tri-mẫu); hoặc *Thận-khí-hoàn* tức bài Bát-vị hoàn (*Lục-vị địa hoàng gia Nhục-*

quế và Phụ-tử đã bào chín), hay bài *Lục-vị địa-hoàng gia Ngũ-vị-tử*. Khoa châm-cứu dùng bổ pháp với các huyết vị: Thận-du, Quan-nguyên (tư thận tráng thủy); tả pháp với các huyết vị: Dũng-tuyền, Nhiêu-cốc, Phục-lưu (thanh hỏa ở hạ tiêu), Hàn-gian (tả hỏa ở gan vì thủy hạ gan mộc hỏa dễ bốc cháy mãnh liệt).

—**Tam tiêu** tức bệnh tiêu khát không phân được rõ rệt thượng trung hạ. Trị tư thận, bỏ tỳ, thanh hỏa như bài *Lục-vị gia Ngũ-vị-tử*. Khoa châm-cứu dùng bổ pháp và tả pháp với các huyết vị như bệnh Hạ-tiêu, thêm tả pháp với: Tam-tiêu-du và Dương-trì (thanh kết nhiệt ở tam tiêu) (14). Về kiêng kỵ chỉ cấm ăn đồ béo ngọt mặn (15) cay nóng, uống rượu và kiêng sắc dục.

Qua lý thuyết và sự trị liệu trên, ta thấy chứng *Trung-tiêu* hay *Tỳ-tiêu* đích thực là bệnh đại đường ngày nay, và cơ quan tỳ của Đông-y không phải chỉ là *lá lách* (rate) mà còn bao gồm cả *tụy tạng* (pancreas) vì theo y-học hiện đại hầu hết bệnh tiểu đường là do cơ thể thiếu chất *insuline*, chất này do tế bào α và trong các đảo Langerhans của tụy tạng

(13) thường gọi là *v Trung-uyên*.

(14) Phần châm cứu phỏng theo *Châm-cứu học giảng nghĩa*.

(15) Ngọt vào tỳ, nhưng bệnh thuộc tỳ kiêng ăn ngọt. Mặn vào thận, bệnh thận kiêng ăn mặn.

tiết ra, có tác động làm giảm lượng đường trong máu. Các sách Trung-y soạn vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đề cập rõ ràng, gọi đích danh là *đường niệu* và tỷ hư là nguyên nhân chủ yếu gây ra bệnh. Theo *Vạn bệnh y-được cổ vấn* của Lục-Thanh-Tiết, căn cứ vào câu "Trung khí bất túc sưu tiện vi chi biến thử chứng giả" của *Nội-kinh*, cho nguyên nhân bệnh bởi : Tỷ khí hư nhược, trung khí hạ hãm, chất ngọt tiết xuống dưới mà thành. Triệu chứng bệnh : nước tiểu đục và có đường, chân tay yếu sức, tinh thần mệt mỏi, đi tiểu hoài, lưỡi sắc không tươi, mạch hư nhược. Đề lâu không chữa : hình dung khô khào, nước tiểu nhiều đường, thân-tâm đều suy mà chết. Trị nên bổ tỷ phù trung, dùng bài *Sơn-được thang* (*Sơn-được* 5 chỉ, Chích miên-kỳ 5 chỉ, Lô-Đẳng-sâm 5 chỉ, Sinh-bạch-truật 5 chỉ, Chích cam thảo 5 chỉ Cát-cần 5 chỉ, sắc với nước uống) hoặc *Phù-tỷ bổ trung thang*. Hai bài thuốc được giải thích như sau : *Sơn-được*, Đẳng-sâm, Cam-thảo, Nhâm-sâm, Bền-dậu bổ phần âm của tỷ ; *Hoàng-kỳ* (tức Miên-kỳ) *Bạch-truật* bổ phần dương của tỷ ; *Cát-cần*, *Thăng-ma* là n. thăng tỷ khí khiến tinh-dịch của tỷ thượng thăng không chảy xuống đượ. Đa số dược liệu Đông-y dùng trị bệnh đường niệu lấy những vị bổ tỷ làm chính như : *Sơn-được* (*Dioscorea Batalus* Decne (*Hoàng-kỳ* (*Astragalus Hoantchy*) vv..., thêm các vị bổ

thận thanh hỏa từ âm-dịch nhuận táo làm phụ như : *Địa-hoàng* (*Rehmannia glutinosa* Libosch), *Câu-kỳ* (*Lycium Ch nense* Mill), *Huyền-sâm* (*Scrophularia ningpoensis* Hemsl), *Mạch-môn-đông* (*Liriope graminifolia* Baker) vv... Trong *Trung-được dược-lý đại tự điển* của Trần-khuê. Sinh và các sách khảo cứu về dược-lực của *Trung-được* cho biết : Trích tinh ngâm rượu pha loãng của *Đại-hoàng* hoặc *Sơn-được*, chích vào súc vật thí nghiệm như thỏ nặng 1 Kg, độ 7 giờ sau, lượng đường trong máu thỏ sẽ giảm xuống, Thành phần của *Địa-hoàng* và *Sơn-được* (ức *Hoài-Sơn*) được ghi nhận : *Địa-hoàng* chứa : Mannite, Rehmanin *Sơn-được* chứa : Protéin, Fat, Diastase, Glutám acid, Glucosamin, Mucin, Arginine, Choline, Leucin, Tyrosin, Allantoin, Cu vv... Lục-thanh-Tiết trong *Vạn-bệnh y-được cổ vấn*, đã từng chữa khỏi một bệnh nhân mắc bệnh đái đường nặng, bằng cách bắt ăn *Sơn-được* hàng ngày, khi khỏi tính ra bệnh nhân đã ăn hết 20 cân (16) *Sơn-được*,

NAM DƯỢC

Thuốc Nam không có qui-tắc trị liệu rõ rệt, chỉ gồm những phương thuốc gia-truyền chứa một vài dược-liệu sản-xuất ở Việt-Nam, dân chúng sử-dụng theo sự truyền khẩu dựa vào kinh nghiệm của cha ông hay lời truyền tụng bởi những người xung quanh mạch bảo. Hầu hết Nam dược là những

(16) Mỗi cân ta nặng 600gr

cây cỏ trồng trong vườn, mọc hoang ngoài đồng-nội, ven ao ruộng, bờ đường bụi rậm, trên rừng núi nên còn gọi là *thuốc lá*. Dân quê rất ưa thích thuốc Nam, vừa đỡ mất tiền mua vừa không phải bào chế rắc rối như thuốc Bắc. Ở đô tỉnh thị người ta cũng thường dùng thuốc lá luôn, cho rằng cùng phong thổ thuốc Nam hợp người mình hơn thuốc Bắc và thuốc Tây. Tại Sài Gòn, các chợ lớn đều có gian hàng bán thuốc lá, chợ An-Đông có tới 3 hàng, người bán kiếm luôn thầy thuốc, chỉ về cho người mua được tính và cách sao nấu vị thuốc. Khảo sát qua những gian hàng này chúng ta thấy phần lớn bệnh tật thuốc Nam đều có vị chữa trị, riêng đài đường có hơn 10 thứ dùng để trị liệu :

— Trái Dứa, trái Thơm, hay trái Khóm (*Ananassa Sativa*, Lin)

— Lá Vú-sữa (*Chrysophyllum Cainito*, Lin)

— Đọt non Khoai-lang (*Ipomoea Batatas*, Lamk)

— Lá và trái Bàng-lăng nước (*Lagerstroemia speciosa*, Pers; *L. Flos Reginae* Retz)

— Sà-lách-son (*Nasturtium officinale*, R. Br)

— Cây và rễ Cam-thảo Nam (*Scoparia dulcis*, Lin)

— Mã-đề (*Plantago major*, Lin)

— Lá Me.keo hay Keo tây (*Inga dulce*, Willd; *Pithecolobium dulce*, Benth)

— Mắc cở (*Mimosa pudica* Lin)

— Bông dứa (*Catharanthus roseus*, G. Don; *Vinca rosea*, Lin)

— Dây Tơ-hồng (*Cuscuta japonica*, Chois)

Về phương diện chế hóa, trái Dứa, thường rất giản tiện, chỉ bỏ vào nồi sắc với nước, đun sôi độ 5-15 phút là được. Dứa lấy nguyên cả trái, để vỏ rửa sạch dùng dao nhọn khoét một miếng sát tận lõi, nhét vào đó một cục phèn chua ($\text{Sulfat aluminium và kalium } \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3, \text{K}_2\text{SO}_4, 24\text{H}_2\text{O}$), để lò bằng miếng dứa vừa khoét, bịt kín trái dứa một lớp đất sét bị dây chùng 0, 8-1cm, vùi vào lò đun nóng đỏ cho đến khi lớp đất ở bên ngoài vừa hồng hực lên, đem ra ngay để nguội bóc bỏ lớp đất sét, ép lấy nước uống dần trong 1 ngày. Vú-sữa, Khoai lang, lá Bàng-lăng, Cam-thảo Nam, Bông-dứa Tơ-hồng sắc với nước. Mã-đề sắc chung với râu Ngô (Bắp : *Zea May L*) và búp Tre (thuộc giống *Bambou* và *Phyllostachys*). Mắc-cở và Me.keo sắc chung với râu Ngô. Trái Bàng-lăng chín ăn tươi lúc vừa khi Sà-lách-son ăn sống hoặc nhúng vào nước sôi.

Qua kinh-nghiệm của nhiều người đã dùng, hiệu lực của các thuốc trên như sau :

— Nước trái Dứa và phèn chua : Uống được 3 trái, người bớt một môi, lượng đường trong

nước tiêu có giảm đôi chút, nhưng nghỉ uống độ 2-3 ngày bệnh lại tái phát như cũ. Kiên-nhẫn uống liên tục một tháng, người khỏe khoắn có thể làm việc như lúc chưa bệnh, tuy thể ngưng uống vài ngày sau sẽ mệt dần lại. «Nước trái Dứa tươi (chưa nung nóng) có chứa một phân-hóa-tố tương tự pepsine đó là broméline; dân Că-n-Bốt cho ăn Dứa có tác dụng lợi tiểu, dùng lẫn với phèn chua làm thuốc chữa bệnh lậu» (17). Có người hiểu sự đem lý luận Đông-y giải thích: Dứa thơm vào tỳ (mùi thơm nhập tỳ), bọc đất (tỳ thuộc thổ), đất màu vàng tốt hơn các loại khác (tỳ sắc vàng), nung để loại thấp khí của đất (tỳ sợ thấp), để nguội mới dùng (sợ hỏa nhập tỳ). Phèn chua tức Bạch-phân thâm liễm chất ngọt, ráo được thấp khí, giáng bỏ khí vẫn đục, tiêu đờm rãi, thông đại tiểu tiện. Chất ngọt của Dứa hại tỳ, nhưng đã có chất chua của phèn chống lại, vì một khắc thổ, chua thuộc mộc, ngọt thuộc thổ. Người Việt phần đông không ưa dùng phương thuốc này, ngoài sự chế biến cầu kỳ, với quan niệm «ăn Dứa nóng» thì nhất định cho rằng Dứa không thể chữa khỏi bệnh đái đường, một bệnh do tảo nhiệt thịnh gây ra, mặc dù trong Dứa có Bạch-phân thuộc khí hàn.

— Lá Vú sữa, chọn thứ Vú-sữa tím.

Hiệu dụng kém, lúc uống bộ máy tiêu-hóa còn cào rất khó chịu, nên chỉ lưu hành một thời gian ngắn rồi bài thuốc bị quên lãng ngay.

— Đọt non Khoai-lang tức ngọn non của dây khoai lang.

Dùng trị bệnh đái đường vì có chứa một chất giống insuline. Trên thực tế đây không phải là thuốc, người ta dùng đọt non Khoai-lang thứ đó làm rau nấu canh cho bệnh nhân đái đường ăn để mát, người bệnh vẫn phải uống thuốc trị tiểu đường. Đôi khi dùng cả lá trưởng thành, nhưng lá già không tốt vì không có chứa chất giống insuline (Garcia F) » (17)

— Lá và trái Bàng-lăng nước

Theo Garcia F: Lá và trái chín có chứa một chất gần giống như insuline nên có hiệu quả tốt với bệnh đái đường. Quả chúng ít dùng thường coi như là thức ăn trong thực đơn của bệnh đái đường hơn là thuốc trị,

— Sà lách son

Lá có mùi thơm đặc biệt, ném hơi chính luỡi, có tính lợi tiểu tiện và chống được bệnh hoại huyết (scorbut), kích thích bao-tử bởi tinh dầu là chứa sulfo-azotée. (18)

Người ta thường dùng làm rau, gọi là cải son, coi như thức ăn có giá trị và vệ-sinh. Đối với bệnh tiểu đường, đây cũng là loại rau ăn tốt trong thực đơn hàng ngày, bệnh nhân vẫn phải dùng thuốc trị tiểu đường.

(17). Theo Les Plantes médicinales du Cambodge, du Laos et du Việt-Nam của AFRED PETELOU

— Cây và rễ Cam-thảo Nam

Cây có chứa một ít alcaloide và một chất amelline, uống có tác dụng chống biến chứng acid ni-lêm của bệnh đái đường (acidiose des diabétiques, (18)). Người Việt dùng thân rễ thay cho Cam-thảo nên có tên là Cam-thảo Nam, trị : ho, tiết tả, kinh nguyệt quá nhiều, đau bụng kiết lỵ, làm thuốc lợi tiểu. Đối với bệnh đái đường vài nơi coi như thuốc trị, nhưng phần đông chỉ coi là trợ dược, ít thông dụng.

— Cây Mã-dề

Toa thuốc Mã-dề vừa lại được thời phụng lên trong giới mắc bệnh tiểu đường, nhưng một vài người đã dùng cho biết kết quả không được mỹ mãn như ý muốn, ngưng uống 2-3 ngày sau thấy mệt như cũ. Sau đây là tác dụng của từng vị trong bài thuốc :

— Mã-dề : Hạt chứa : acide succinique, acide plantinologique, adénine, choline, aucubine, một số lượng nhỏ dầu. Lá chứa một số lượng alcaloide không độc khi quan trọng và một lượng muối potassium khá cao. Sự hiện diện của aucubine trong hạt và muối potasse trong lá, chứng tỏ cây Mã-dề có tác dụng lợi tiểu. Nước sắc của hạt mát, hơi thu liễm, lợi tiểu, chữa được thương tích và dùng trị bệnh đỏ mắt nhẹ. Bắc-Việt, hái cây phơi khô để dành mùa hạ nấu nước uống cho mát, Tàu dùng cây trị lậu và kiết lỵ, gọi là Xa-tiên thảo (18). Theo Cổ-kim Trung-dược tập thành của Y-

được nghiên-cứu xã : Toàn cây chứa : Aucubin $C_{15}H_{24}N_{10}$, Adenin, Plantagin, Choline, Plantenolsaure, Hạt dùng : thanh phong nhiệt ở phổi, gan, lợi tiểu tiện, thâm thấp khí ở bàng quang. Lá giả dập dập vào những mụn trĩ lở-loét. Toàn cây : lợi tiểu tiện, trấn ho, trị mắt viêm đỏ.

— Râu ngô : Có tác dụng lợi tiểu tiện, do thành phần chứa kalium và calcium.

— Búp tre : Tức nõn tre hay đọt tre, Tàu gọi là «Trúc điệp quyền tâm», ở ngọn cành. Nước sắc ta và Tàu cho uống : mát, giải nhiệt, trấn ho, thanh tim phổi, lương huyết, tả nhiệt ở thượng tiêu.

— Lá Me keo

Lá già có chứa một chất giống insuline(Garcia F), tuy thế vị thuốc này rất ít người dùng và biết đến.

— Cây Mắc-cờ tức cỏ Trinh nữ, cỏ xấu hổ.

Một loại cỏ nhỏ, có gai, mọc rả rả trên mặt đất. Lá kép, dựng đến là xếp lại. Để tránh khỏi lầm các cây khác tuy cùng giống Mimosa nhưng khác loại, người ta chỉ dùng cây nào : ít gai, hoa hương tím, thân nâu, lá thỉnh thoảng có chiếc mặt dưới hương tím, dựng vào khếp thật nhanh.

(18) Theo Les Plantes médicinales du Cambodge, du Laos et du Viet-Nam

Cây này có chứa một chất mimosine $C_8 H_{10} O_4 N_2$. Lá dùng làm thuốc trấn an và ngủ, mỗi lần sắc 6-10 lá uống trước khi đi ngủ.

Theo Đài-Loan được dụng thực vật chí của Cam-Vi-Tùng, gọi là Hàm-tu-thảo hay Tiểu-thảo, có tác dụng : trấn an, dịu đau, tiêu sưng trị chứng mắt nóng làm ra đau nhức.

Bài thuốc Mắc-cô và râu Ngô trước kia rất ít người biết, nhưng mấy năm gần đây ai cũng nghe tiếng cho đó là thần phương phương thuốc của Trời, Phật ban. Sự thật thế nào ! có đúng như lời truyền bởi đám con công đệ tử ra vào các đền phủ « 100 người mắc bệnh tiểu đường thành kinh uống toa thuốc này đều khỏi cả trăm » (?). Theo sự dò hỏi, quan sát ngay ở bệnh nhân, quả thực phương thuốc này có thể cho là khá tốt trong việc trị bệnh tiểu đường, sau khi uống liên tục một tháng, lượng đường trong nước tiểu và máu giảm xuống, bệnh nhân vui vẻ đi đứng vững mạnh, các triệu chứng như đau đầu, lên máu (huyết áp cao), mất ngủ, hay đổ mồ hôi biến mất. Đó là phép lạ do đức tin tạo ra như vài người đã nêu lên, tôi xin bác bỏ, phép lạ về đức tin vẫn thường xảy ra, nhưng trường hợp này không có, vì rất nhiều người ở xa chỉ nghe nói không cần đến đền thờ, ở nhà bắt chước uống cũng thấy bệnh giảm. Ngoài ra một điều nên biết, đa số bệnh nhân đều uống liên tiếp hàng tháng, có người mắc bệnh đã trên 10 năm nay : nghĩ

5-7 ngày không uống bệnh cũng sẽ dần dần tái phát (so với phương thuốc khác chậm hơn), lợi hơn thuốc Tây hoặc thuốc Bắc Nam khác, là người cảm thấy dễ chịu, ngủ không bị trằn trọc ; có người cam kết nghỉ cả tháng mới uống lại cũng không sao(?). Ai đúng ai sai, muốn biết rõ cần phải ở sát bệnh nhân, lấy nước tiểu và máu thử luôn.

— Bông dừa tức Hoa-hải-dương
Dừa cạn, Dương giác.

Cây trồng làm cảnh vì hoa có 2 loại hoa hương tím và trắng.

Cây và vỏ rễ chứa alkaloid, ở trạng thái kết tinh, có phản ứng indol, gọi là vincéine, có tính chất trấn-an giao cảm thần kinh. Theo Garcia F có một chất cùng bản chất với insuline nên được dùng trị bệnh tiểu đường. Nước sắc cây này còn ứng dụng để : lọc máu, lợi tiểu tiện, an thần, chống ho, điều kinh, chống chứng khó tiêu. Bông dừa tuy ít người dùng, nhưng theo sự truyền tụng hiệu quả cũng khá tốt.

Uống đắng, mùi vị khó chịu, chính vì thế nên ít người thích dùng. Theo Drug Discovery (Series 108, Washington, D.C 1971), Viuca Rosea chứa hơn 50 alkaloids, trong số đó có 2 chất Vincalukoblastine và Vincristine rất quan trọng dùng chữa bệnh bạch huyết của trẻ con (leukemia of childhood).

— Dây Tơ-hồng

Dây leo nhất niên, sống ký sinh bám vào các cây khác, dây nhỏ

màu vàng, không có lá, không có điệp-lục-tổ, về mùa hạ nở ra hoa trắng hay vàng nhạt. Mộc hoang khắp nơi nhất là các bụi rậm ven sông ao hồ, hàng rào cây. Người Việt-Nam chúng ta cho Tơ-hồng báo hiệu đêm «xúi quẩy», nên họ thấy mộc ở vườn hoặc chung quanh nhà là vứt bỏ đi ngay. Vậy mà ở ngoài chợ, Tơ-hồng là loại thảo mộc bán chạy và mắc tiền nhất trong các loại thuốc bắc, Đông-y và Nam-dược biết đến tác dụng của Tơ-hồng cả ngàn năm về trước. Đông-y gọi là : Thổ-ty, Thổ-lũ, Ngọc-nữ, Thiên bích-thảo, Kim-ty-thảo, Dã-hồ-ty, Diễm-thảo, Vô-căn-dăng, dùng hạt ít khi dùng dây, hạt tức thổ-ty-tử có chứa : một chất glucoside gọi là Cuscutin. Thổ-ty-tử được dùng : trị chứng di-tĩnh, lưng đau gối nhức mỏi, bỏ tinh, bỏ thận, bỏ tỳ vị, trợ dương, làm khỏi khát, sáng mắt, cường tráng.

Nam dược dùng cả dây, cũng chưa Cuscutin, hiệu dụng : bỏ tim bỏ phổi, an thần, giải độc, chống băng huyết, ho ra máu và chảy máu cam, chữa được chứng lưng đau gối nhức mỏi, trị bệnh tiểu đường. Quân chúng thường dùng với 3 mục đích : bỏ tim, an thần, trị tiểu đường.

Đối với trường hợp bỏ tim người ta cho Tơ-hồng có thể trị được 2 chứng : tim yếu và tim to. Ngoài sắc nước uống, còn hấp chung với thịt rùa để ăn nhậu, mua một con rùa sống, rửa sạch, nẩy bỏ mu yếm moi bỏ ruột, quần Tơ-hồng

đã nhặt bỏ các lá khác bám vào và rửa sạch, bao kín xung quanh, cho hành mỡ mắm muối, chưng cách thủy, chín bắt ra ăn cả thịt rùa lẫn Tơ-hồng, Tương truyền rùa hấp Tơ-hồng chữa bệnh tim to và tim yếu rất hiệu nghiệm, mặt khác bệnh nhân còn hết nhức mỏi, vì thịt rùa theo Đông-y chữa được các chứng : phong tê và thấp tê làm gân cốt đau nhức tê bại, ăn món này nhớ không ăn chung với thịt heo vì thịt rùa và thịt heo kỵ nhau

Đối với bệnh tiểu đường, so sánh với những thuốc trên, dây Tơ-hồng cho một hiệu quả khả quan nhất. Theo lời thuật của chính những người đã xử dụng, người bệnh mỗi ngày dùng 40g Tơ-hồng khô (tươi 60g), sắc với 1 lít 5 nước, cạn còn 1 lít, chia đều uống trong một ngày, uống liên tiếp 3 ngày, lượng đường trong nước tiểu đem thử nghiệm thấy giảm rõ rệt so với lúc chưa uống. Những triệu chứng : mồ hôi đổ ra, tinh thần mệt mỏi, chân tay yếu sức và nhức mỏi, huyết áp cao, mất ngủ, mắt mờ, đều dần dần tan biến mất. Một vị cổ lão lúc còn sống chuyên trị tiểu đường, có lần đã nói : Bệnh nhẹ chỉ cần uống nước sắc cây này liên tiếp 4 tháng có thể khỏi, bệnh nặng nên sắc chung với một ít râu Ngô và 5 — 6 tháng sau bệnh giảm rõ rệt, người khoẻ trông thấy và da thịt đã có sắc tươi, chừng năm rưỡi hai năm là bệnh cũng dứt ?

Tóm lại chúng ta nhận thấy hầu hết Nam-dược trị bệnh đái đường (19) : mắt thích hợp dùng nơi khi

hậu nóng, lợi tiểu tiện nên gián tiếp hạ huyết áp, an thần làm bệnh nhân dễ ngủ, bổ dưỡng do đó người bệnh bớt mệt mỏi, đôi cây có chứa chất tương tự insulin nên làm giảm lượng đường trong máu.

Ngoài các phương thuốc trên, gần đây người ta có mạch bảo nhau một bài thuốc, nghe đầu từ Hương-Cảng truyền sang, đó là Bào-ngư thang, lấy một hộp Bào-ngư mua ở chợ, mở ra đổ vào nồi nấu với

17 lít nước, cạn còn 1 lít, đem uống hết một ngày thay nước, nhiều người đã thử nhưng không hiệu nghiệm mấy.

(19) Phòng Nam-dược trường Đại-học Y-khoa Minh-Đức, đang thử nghiệm những cây này, tìm hiểu khái quát về thành phần và cơ chế sinh-hóa của cây. Chương trình do Tiến-sĩ Lê-phục-Thủy, Dược-sĩ Lê-ngọc-Trâm và Dược-sĩ Đỗ đình Tuân phụ trách.

Hãy

Dùng

Thuốc

UỐNG KHỎI CHÍCH

là tà, Kiệt ly — có đàm, máu

VEREX

NGƯỜI LỚN — CON NÍT

Số 1 KH 508.BYT/QCĐP.29-10-63

**KÉM ĂN
MẤT NGỦ**

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON LÊN CÂN
DỄ NGỦ

TRỊ : HEN SUYỄN, PHONG NGŨA

**(Có bán tại các nhà
Thuốc Tây)**

số 48/BYTQCDP ngày 13.7.72

TRẢ LỜI BẠN ĐỌC GÓP Ý

Về bài Cách vẽ vòng Thái cực của học giả Nguyễn duy Thu-Lương đăng trong P.Đ.36. bạn Bùi-văn-Trình đã góp ý trong P.Đ.36. Nay học giả Thu-Lương gửi thư sau đây đề đính chính. Ta nên nhớ, học giả Nguyễn duy Thu-Lương tuy là kỹ sư cơ giới và điện học, nhưng đồng thời cũng là một người thông Nho-học nữa.

Saigon, ngày 4 tháng 8, 1974.

Kính gửi: Ông Chủ-Bút
Nguyễn-San «PHƯƠNG ĐÔNG»

Saigon

Kính ông,

Trong bài về «Vòng Thái-Cực» đã được quý tập-san đăng trong số 36 (tháng 6-1974), có hai điều cần phải đính-chính, đã được một độc-giả ân-cần chỉ giáo (ông Bùi-văn-Trình ở Trúc-Giang, thư đăng số 38, tháng 8-1974, mục «Bạn Đọc góp Ý-Kiến»).

1) Trang 385, dòng thứ 5 : xin đọc là «hướng Nam-tây-Nam—Bắc.đông-bắc» (thay vì Tây-tây-Nam — Đông-đông-Bắc).

2) Cũng trang 385, dòng thứ 8 : xin đọc là «lệch 22° 30'» (thay vì 23° 30').

Kính mong được ông Chủ-bút cho đăng tải điều đính-chính này trong một số tới, hầu phần nào tạ tội ngõ-ngần với chư độc-giả.

Kính,

Nguyễn-duy Thu-Lương.

Sách Báo nhận được

Nguồn thương. Tập san xuất bản tại Thánh địa hòa hảo Châu đốc, số đặc biệt Trầy hội trắng rằm Giá bán 200đ.

Trăm khúc yêu thương, thơ của Nguyễn vũ Dao Kim, Anh em Lạc hồng xuất bản, 96 trang khổ nhỏ.

Đi qua đời tôi, Thơ của Xuân Hữu, Nhập Cuộc xuất bản, Giá 100đ

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

* THUYẾT TRÌNH TƯ ĐỨC TAM TÔNG

Ngày 8-8 vừa qua, tại trường Q.G.Á.N., do Khối Văn hóa tổ chức, Giáo sư Toan Ánh đã thuyết trình về «Tư đức tam tông». Bài đó sẽ đăng trong Phương Đông số 40 chủ đề «Liên hệ gia đình gia tộc».

* TÂN PHONG BA GIÁM MỤC

Ngày 11-8, Đức Hồng Y Chủ tịch Thánh bộ Truyền bá Phúc Âm đã chủ tọa lễ tấn phong Giám Mục cho ba tân Giám Mục tại Saigon: G.M. Huỳnh Văn Nghi phụ tá địa phận Saigon, G.M. Huỳnh Đình Các chánh tòa Quy Nhơn và G.M. Nguyễn Văn Lăng chánh tòa Xuân Lộc. Nhiều vị linh mục hơi lấy làm tiếc, nghĩ rằng Đức Hồng Y đến dự lễ tấn phong thì hay hơn là chủ tọa, lễ làm bằng tiếng Việt thì hay hơn là la tinh, Giám Mục thụ phong tại địa sở để dân địa-phương được tham dự thì hay hơn là ở chỗ khác. Bên Tây phương không có cảnh người ngoài nước, dù là do Tòa Thánh gửi sang, tới chủ phong Giám Mục hay linh mục.

Và nhiều người công giáo cũng đặt vấn đề tại sao từ một năm nay, lại có rất nhiều phong trào từ ngoài nước đổ xô tới, như Focolare và Taizé, trong khi các tu hội, đoàn thể và phong trào Việt Nam luôn bị người Công giáo Việt coi rẻ. Phải, hễ trái cây nào to thì người ta gọi ngay là dưa Tây, dứa Tây, v.v. Giá lấy tinh thần của các đoàn thể phong trào nói trên, rồi sửa đổi cho hợp với Văn hóa phong tục V.N., để làm một cái gì riêng cho người Việt thì hay hơn là «lạm phát» nhập cảng như thế.

* THÁNH LỄ VIỆT HÓA

Nghe tin Đức T.G.M. Saigon đã chấp thuận và khuyến khích để một nhóm linh mục sửa soạn một thánh lễ Việt hóa tại nhà thờ Tân Sa Châu nhân dịp lễ Từ đạo V.N. 8-9-1974 hồi 9 giờ sáng. Lễ sẽ tổ chức lớn và có nhiều ca nhạc đoàn danh tiếng góp mặt.

* CUỘC TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Sau nhiều tháng tranh đấu, Phật giáo Hòa hảo đã được chính quyền chấp nhận một phần những thỉnh nguyện liên can đến ngày lễ và tổ chức tự vệ.

HỘP THƯ

Bài Gia đình người Nhật

Vì ngăn trở hai số *Giáo dục gia đình*, nên bài *Gia đình người Nhật* của bạn Phan kim Huệ xin đăng tiếp ở số tới : *Liên hệ Gia đình Gia tộc*.

Xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả

Sản phụ khoa trong trung ý của B. S. Trần văn Tích, vì lý do kỹ thuật xin đề lại số sau

Chị Nguyễn thị Hào (Huế) Tòa soạn vừa nhận được các thi phẩm *Vừa hiền ra, Hương một thời, Dòng sông An*. Đang xem. Đa tạ

Bạn Xuân Hữu (Huế) *Chẳng biết thế nào, Ta đang ngồi mỗi một, Ta cứ ngỡ mình rất hay*. Cảm ơn.

Giáo sư Hoàng văn Bình (Đà Lạt) — Thành thật cảm ơn về những cảm tình nồng hậu dành cho *Phương Đông*. Sẽ đăng *Nghề làm cha mẹ* trong số tới. Vạn tạ .

Giáo sư Nguyễn đình Hoà (Hoa kỳ) Đã gửi ba thư mà sao không thấy hồi âm. Rất mong bài vở của giáo-sư. Kính tạ (LTK)

Tăng giá báo *Phương Đông*

Giá giấy báo từ năm ngoái đến năm nay đã tăng tới ba bốn lần, từ trên một ngàn đồng tới 7.100\$. Các báo cũng phải tăng theo luôn luôn. Đáng lẽ từ mấy tháng nay, *Phương Đông* cũng phải tăng lên 200\$ như *Bách Khoa*, *Văn*, v.v. Nhưng vì độc giả và Văn hóa, chúng tôi đã chịu lỗ rất nhiều, để giữ nguyên giá cho đến nay không chịu thấu nữa, phải xin phép độc giả tăng 200\$ kể từ số 40 tới. Khi ấy, có lẽ các báo khác cũng đã tăng lên rồi.

Ấn niên của *Phương Đông*

- Kỹ sư HÀ-DƯƠNG-BUU, Gia đình, một năm báo tiếp 3000đ
- L.M. NGUYỄN-TẤN-PHUỐC, Paris, nửa năm báo tiếp 1.5.0đ
- L.M. TRẦN-NGỌC-NHUẬN, Saigon, một năm báo tiếp 3.500đ

đã có :

Phương Đông ĐÔNG TẬP

**Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả
Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn ;**

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 950 l

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 800đ

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 800đ

Tập 4 : từ số 19 đến số 24, giá bán 800đ

Tập 5 : từ số 25 đến số 30, giá bán 950đ

Tập 6 : từ số 31 đến số 36, giá bán 1000đ

Gửi mua tại Tòa Báo thì mỗi tập :

**Ở xa trrong nước, kèm thêm 150đ cước phí bảo đảm.
Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí Hàng không 100đ
(250) Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 400đ**

Mua tại Tòa báo sẽ được hưởng giá đặc biệt.

CƠ SỞ XUẤT BẢN

TRƯỜNG VĨNH KÝ

(TRONG HỆ-THỐNG SAIGON ẤN QUÁN)

35, Nguyễn-Đinh-Chiều — SaiGon 3

Đ. T. : 22. 208 — 22. 498 — 45. 605

**MỘT NỖ LỰC HỢP TÁC GIỮA NHỮNG NHÀ VĂN, HỌA SĨ VÀ
KỸ THUẬT GIA. TRONG MỘT CƠ SỞ ẤN LOÁT NGANG HÀNG
VỚI NHỮNG ĐẠI ẤN QUÁN QUỐC TẾ. ĐỀ NÂNG CAO NGÀNH
XUẤT BẢN VIỆT-NAM VÀ PHỤC VỤ ĐỘC GIẢ THUỘC MỌI
THÀNH PHẦN, MỌI LỨA TUỔI.**

Lớp HỘI HỌA đông phương

do Phong Trào Hùng Giáo Văn Đông chủ trì

- Vốn học thiếu nhi - Lớp học người lớn
Lý thuyết và lịch sử hội họa
Các họa sĩ danh tiếng phụ trách
Chia làm nhiều cấp học - Mỗi cấp ba tháng

- Mỗi ba tháng có khóa mới

Ghi tên : sáng chưa nhật - tại 101 Yên Đổ - Saigon 3
điện thoại : 24.592 - Văn phòng HGVĐ.

Tên chi : nhân sinh - dân tộc